

NGUYỄN HỒ

BẢO LƯU
TRÀ BÔNG

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

Bão lửa Trà Bồng



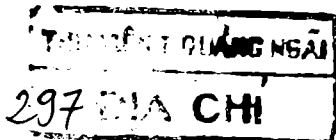
Hình Bức

1/21/4

Nguyễn Hồ

BẢO LỬA TRÀ BỒNG

Ký sự lịch sử



ĐTC / Đ. S. / 38

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

1989

lời giới thiệu

VÀO năm 1984, sau khi được tin nhà văn Nguyễn Hồ đột ngột mất do tai nạn, chúng tôi tìm đến tận tư gia ở Đà Nẵng để viếng và vào dịp đó gia đình nhà văn đã trao cho chúng tôi một di cảo là bản thảo tập **BẢO LƯU TRÀ BỒNG** mà bạn đọc đang có trên tay.

Từ ấy đến nay, thời gian trôi qua khá lâu mà hoàn cảnh chưa cho phép nên tập sách đành phải gác lại. Vào dịp kỷ niệm 25 năm khởi nghĩa Trà Bồng, chúng tôi còn phải làm một việc cấp thiết hơn là cho sưu tầm ngay những mẩu chuyện còn sót lại trong ký ức của các cụ già, các vị cách mạng lão thành ở Trà Bồng, cho viết lại và xuất bản dưới dạng chuyện ký. Tập sách có tên là **ĐẤT QUẾ**. Thế là, tiếp theo sau quyển **CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI** do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành mang tính lịch sử - quân sự thuần túy, tập **ĐẤT QUẾ** là sự bổ sung rất có ý nghĩa bằng những câu chuyện cụ thể, sinh động của mình, giúp bạn đọc hiểu thêm về một trong những sự kiện lịch sử lớn của tỉnh Quảng Ngãi chúng ta.

Song cái chưa được của **ĐẤT QUẾ** là thiếu một cái nhìn xuyên suốt, tổng quát. Dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi vẫn cảm thấy chưa hài lòng, mãi nguyện v.v. cũng như nhiều người khác chiến

khác, chúng tôi vẫn còn mang nặng món nợ tình thần đối với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, với dân tộc Cor mến khách, với các dân tộc anh em trên mảnh đất Quảng Ngãi anh hùng và với nhà văn Nguyễn Hộ quá cố. Bởi vậy trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn mọi bề, chúng tôi vẫn cố gắng hết sức mình để tập sách này đến được tay bạn đọc.

Như các bạn thấy trong lời tác giả, cuốn sách được viết từ năm 1974. Song chắc hẳn nhà văn chưa có điều kiện sửa chữa bản thảo kỹ lưỡng. Nhưng nó đã khắc phục được chỗ yếu nói trên của tập ĐẤT QUẾ, vừa có cái nhìn rất toàn diện và tổng quát về người Cor, về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, vừa có nhiều chi tiết lý thú về sông núi, lãnh tình, phong tục tập quán, tín ngưỡng, cổ tích ... của địa phương mà nếu tác giả không có thời gian lăn lộn khá lâu và một tình cảm sâu nặng với vùng đất thì ắt hẳn không thể nào có được. Trong quá trình biên tập, tu chỉnh tập sách, chúng tôi nhận được nhiều ý kiến đóng góp bổ sung rất quý báu và sự khuyến khích động viên đầy trách nhiệm của các đồng chí Phạm Thanh Biên, Nguyễn Quang Lâm, Trương Ngọc Khang - những đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng năm ấy. Đó là nguồn động lực lớn thúc giục chúng tôi sớm cho tập sách ra mắt bạn đọc.

Đề chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày Trà Bồng quyết khởi (28.8.1959 - 28.8.1989) và cũng đề giúp bạn đọc hiểu thêm về một vùng đất kháng chiến manj đặm nét riêng của nó, chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tập sách này và rất mong nhận được những ý kiến đóng góp bổ ích.

Quảng Ngãi tháng 6 năm 1989

HỒNG NHÂN

Giám Đốc Sở VHHT Quảng Ngãi

Mấy lời của tác giả

... Ghi lại cuộc khởi nghĩa mùa thu năm 1959 của nhân dân Trà Bồng, lời hy vọng góp một phần nhỏ, rất nhỏ cho những ai muốn tìm hiểu về những tháng, năm lịch sử có một không hai, tại một vùng núi non khá niêm trữ trên sườn Trường Sơn của Tổ quốc Việt Nam anh hùng, về Đảng tiên phong của chúng ta.

Nhất định tập ký sự này không sao tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được tiếp thu ý kiến phê phán chân thành nghiêm khắc và được thêm nhiều tư liệu bổ sung để tiếp tục sửa chữa, bảo đảm tính trung thực, chuẩn xác tính quần chúng và tính khoa học của sự kiện lịch sử Trà Bồng quật khởi mùa thu năm 1959

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 1974

NGUYỄN HỒ

I

TRÀ BỒNG VỚI NGƯỜI COR VÀ CÂY QUẾ

TRÀ Bồng là một trong bốn huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, bắc giáp huyện Trà My (Quảng Nam), nam giáp huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi), tây giáp huyện Đắc Láy (Kon Tum), đông nhìn xuống hai huyện đồng bằng Bình Sơn, Sơn Tịnh, nằm ven hai dòng sông Trà Bồng, Trà Khúc.

Toàn huyện có 21 xã, trên dưới 25 ngàn dân. Trừ ba xã người Kinh quanh quận lỵ, một xã người Cà Dong giáp Trà My (Trà Xanh), một xã người Hre giáp Sơn Hà (Trà Tân), mười sáu xã còn lại đều thuộc dân tộc Cor với số dân 16 nghìn người (1).

Ngay cả những người Cor đã già và hiểu biết nhiều cũng chưa rõ nguồn gốc, lịch sử của dân tộc

(1) Chúng tôi để nguyên văn số dân mà tác giả viết trong thời điểm 1971 - BT

Cor, chỉ biết chắc rằng từ bao đời nay, người Cor luôn sống ở Trà Bồng. Trà Bồng là chiếc nôi, là quê hương ruột thịt của họ. Trà Bồng có núi rừng trùng điệp, đèo dốc gập ghềnh hiểm trở. Đặc biệt Trà Bồng có nhiều quế. Quế trồng trong rẫy, quế mọc trên đèo, trên dốc, khắp núi, khắp rừng, quế bao bọc bản làng, che kín các bờ khe, ngọn suối. Rừng quế thơm ấm là nơi hẹn hò tình tự của tuổi trẻ, nơi đua sức, thi tài trèo leo săn bắn của các chàng trai và cũng là nơi nhảy múa, hát ca của các cô gái. Ai đã một lần tiếp xúc với dân tộc Cor, đều cảm thấy được sống trong tình cảm ruột thịt, chân thành, được truyền cho niềm vui lớn của tinh đoàn kết dân tộc, của tinh thần yêu đời giản dị và khiêm tốn, của niềm tin mãnh liệt vào tương lai, đồng thời cũng phải cảm phục tinh thần cần cù lao động, sức mạnh bạt núi phá rừng của họ. Họ rất cởi mở hào hiệp khi đã đồng tình, tin tưởng. Ngược lại họ sẵn sàng dùng sức mạnh để phản kháng khi danh dự, tình cảm bị xúc phạm và có vẻ kín đáo, khó hiểu đến nỗi sợ khi anh không chiếm được lòng tin của họ. Ở họ tinh thần cảnh giác gần như đã trở thành một thứ bản năng. Đồng thời, một niềm yêu thích văn nghệ rất đời hồn nhiên, và năng khiếu văn nghệ thật phong phú, cũng hình như đã trở thành một đặc tính của dân tộc.

Đồng bào Cor sống chủ yếu bằng nghề làm rẫy, trồng lúa, bắp và quế. Họ thích dựng làng ngang sườn núi trên những ngọn đồi cao, rộng, quang đãng có trồng nhiều quế, cau và cây ăn quả. Khác với người I-rê sống riêng từng gia đình trong từng nhà, người Cor sống chung cả làng trong một ngôi nhà sàn dài, rộng,

chia thành nhiều ngăn, mỗi ngăn là một *bếp*, mỗi *bếp* là một gia đình. Chừng ba, bốn năm, nhà hư, rầy xấu, họ dời làng đi nơi khác, đến các rầy mới nhưng thường là dựa theo con nước quen thuộc, không xa lắm với rầy quê đời chèo do ông bà để lại.

Người Cor rất tự hào về tinh đoàn kết nội bộ và tinh thần bất khuất bảo vệ sự sống còn của dân tộc mình, chống thiên nhiên, chống sự lấn lướt áp chế. Người già cả được kính trọng, người siêng năng được yêu mến, người can đảm được ca ngợi. Với họ, sống là phải làm rầy cho tốt, săn bắn, đánh cá cho giỏi, leo trèo gọn gàng như sóc, lội suối nhanh nhẹn như rái, đồng thời sống còn phải ngay thẳng như cây cau, liêm khiết như cây quế, anh dũng bất khuất như chim *stp blit* (1), dám xông pha vào nơi nguy hiểm, dám chiến đấu để bảo vệ núi rừng sông nước, dám chết nhẹ nhàng để trả thù cho gia đình, cho quê hương. Có thể, trai mới dễ tìm vợ, gái mới khỏi ế chồng, làng nóc mới khỏi bị người đời chê trách. Những cuộc đi săn tập thể dài ngày, những cuộc đâm trâu hàng năm và những chuyện đi trả đũa, bắt *nhuộc* (2) là để cho con trai, con gái thi gan, thi tài, để lớp người trước truyền lại kinh nghiệm, tài nghệ cho lớp người sau và để cho con em Cor sớm rèn luyện mình trong chiến đấu. Qua thử thách dân làng sẽ tuyển chọn những người xứng đáng nhất trao cho họ trách nhiệm đầu đàn thiêng liêng trước núi rừng, dân tộc. Đồng thời nhân dân Cor cũng xử tội không thương

1) Chim chèo bẻo.

(2) Trả hận thù, nợ máu, nợ dăm.

tiếc và thẳng tay đuổi ra khỏi làng những tên phản bội, những kẻ xúc phạm nghiêm trọng đến luân thường, đạo lý cổ truyền, những ai « không còn trong người dòng máu dân tộc Cor ». Họ ước mơ một cuộc sống yên lành, trong sạch, phóng khoáng, không ai hà hiếp ai, không ai ngồi không ăn bám. Họ ước mơ dân làng mỗi năm một thêm đồng, các dãy nhà mỗi năm mở thêm nhiều bếp mới, kéo dài mãi ra theo chiều dài con suối, nổi rộng rãi ra phủ kín khắp mặt đồi. Năm nào cũng vậy, giữa lúc dân bà đàm thóc giã gạo suốt đêm, giữa lúc dân làng ôn lại các bài kinh *a-giôri*, tập dượt lại các bài ca điệu múa, đánh trống, chiêng, cồng, thanh la, thì các cụ già làng và những người trai dũng cảm kéo nhau ra đi. Ai tình nguyện ra đi phải kiêng cử đủ điều, bụng phải nghĩ những điều lành, tay phải siêng làm giúp bà con làng xóm. Họ trèo lên tận núi cao, tìm một cây nêu vừa ý nhất, những sợi dây rừng mềm dẻo nhất, những loại mũ cây có màu đẹp nhất, để đem về vẽ lên thân nêu nguyện vọng thiết tha của dân làng trong năm. Ai dũng cảm nhất, khéo tay nhất được giao vẽ hình chim chèo bẻo, tượng trưng cho tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, cho ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất của người Cor. Nó đứng trên đầu nêu, thân hình đen láng, đôi cánh xếp sát vào mình, mỏ há ra như đang cầu khẩn. Những điều khẩn cầu đã được khắc vẽ thành hình ảnh trên khắp thân nêu, từ ngọn đến gốc: một mặt trời đỏ tươi tỏa sáng, các dãy núi xanh trùng điệp, những con suối lượn vòng quanh những bông lúa vàng, những bắp

ngô mập, những chồi quế non, những hàng rào chống thú rừng, nhiều loại nấm, loại chim, những hạt giống đang nảy mầm, những bầy đá, mang cung, tên, nỏ, những bùa phép tống trừ bệnh tật, ma quỷ và những ngôi nhà dài giữa cau, quế mọc dày, lá cành sơn sơn, tươi tốt ...

Nhưng rồi năm nào cũng vậy, người Cor vẫn bị đói, bị ma quỷ hành hạ, bị các bệnh sốt rét, thổ tả, trái trời, bị cọp vồ, rắn cắn, người lớn, trẻ em vẫn bị «đất ăn».

Ở thời kỳ tối tăm ấy, bọn người gian ác ở các dân tộc khác đã nhiều lần thừa lúc đàn ông Cor đi vắng, đến giết đàn bà, trẻ em, cướp hết của cải, đốt sạch nóc, làng. Chúng núp kín bên đường để chờ dịp nhẩy xổ ra «xin đầu» những người Cor đi săn, đi rẫy một mình. Nợ đầu phải trả đầu, người Cor cũng làm thế. Họ ra Phước Sơn, Trà My, họ vào Ba Tơ, Minh Long, có khi đến tận Mang Đen, Đắc Lây, Đắc Sút, có khi lao xuống vùng ranh, ẩn mình trong bụi rậm, men theo các đường mòn vắng vẻ để «xin đầu» bất kỳ ai họ gặp. Mỗi lần ra đi *trả nhuốc*, mỗi khi *trả nhuốc* trở về, đều có đâm trâu hoặc giết heo, uống rượu ăn thề, rượu pha với máu, máu bôi đổ trán mọi người, chiêng trống, tù và công, thanh la, tét hú vang lên cho núi rừng Trà Bồng, mồ mã ông cha nghe, biết. Cứ như thế, cuộc sống người Cor lúc nào cũng nơm nớp lo âu, sợ hãi; hận thù chẳng những không vơi mà còn chồng chất thêm đầy. Được thua cũng cúng tế thánh thần, ma quỷ, cũng rượu thịt ăn uống lù bù. Nuông rẫy ít được chăm lo mặc cho cỏ lách, sâu, chim, thú rừng, nắng mưa phá hoại. Người dân Cor thêm đói, thêm nghèo.

hàng năm phải ăn củ rừng, rau xanh, ốc đá đến ba, bốn tháng, đàn ông chỉ có một tấm khố, đàn bà chỉ một chiếc váy thô, trẻ em cưỡi trường đồng đồng.

Người Cor dám nghĩ dám làm, dám tự rạch thịt mình để tế thương, tưởng nhớ người thân qua đời, dám chết để trả thù, không hề biết sợ. Nhưng người Cor không dám vượt qua ý muốn của thần trời, thần núi, của ma quỷ, dày đặc trên khắp Trà Bồng. Rẫy mỗi năm chỉ được tía một lần. Trời khô ráo nhưng ma chưa cho phát rẫy là chưa được phát. Cây đã khô nhưng ma chưa cho đốt là chưa được đốt. Rẫy đã dọn xong, ma chưa cho tía là chưa được tía. Lúa chín rục ngoài rẫy nhưng ma rẫy chưa cho đem lúa vào kho, chưa cho ăn thì chưa được suốt, được ăn. Không được ăn gạo cũ di làm rẫy mới. Không được xin giống của người khác đem về. Không được mang gạo của nhà mình sang nhà khác. Không được trồng chen bắp, đậu với lúa. Cứ phải để sản sống chung cùng lau, lách. Đã treo một cành lá trước cửa là nhà đang có ma, chớ bước vào mà phải phạt. Ma quỷ nhan nhản núi rừng! Số phận của người Cor đều do ma quỷ định đoạt. Sờ mũi dau đầu, nhưc răng, mệt mỗi đều phải cúng ma. Có loại ma đòi ăn trâu, ăn heo, có loại đòi ăn gà lớn, có loại chỉ muốn ăn gà con. Cứ phải cúng cho đến hết gạo, hết heo, gà, hết cả nồi đồng trong nhà, quế cây ngoài rẫy. Nhưng rồi cứ phải thế.

Tuy thế, dân tộc Cor vẫn sống mãi với núi rừng Trà Bồng.

Cuộc chiến đấu liên tục hết đời này đến đời khác để bảo vệ sự sống còn của dân tộc, bảo vệ núi rừng

do ông bà để lại với những rừng quế bạt ngàn xanh tốt đã tạo dựng cho người Cor lòng tự tin, tự hào và tinh thần trách nhiệm cao đối với quê hương đất nước, với lịch sử, truyền thống của tổ tiên. Họ sẵn sàng hy sinh chống lại mọi sức mạnh bên ngoài đến xâm phạm cuộc sống bình thường của dân tộc mình.

Cuộc chiến đấu khốc liệt lâu đời dấy máu và nước mắt ấy đã thấm sâu vào cuộc sống bình thường của mọi người. Đêm đêm bên bếp lửa hồng các cụ già thường kể cho con cháu nghe nhiều câu chuyện cổ. Người kể sa đà hết chuyện nọ sang chuyện kia. Người nghe thì say sưa, nghe hết đêm này qua đêm khác. Những câu chuyện cổ cứ thế được lưu truyền từ đời trước đến đời sau, ngày một thêm phong phú. Và núi rừng Trà Bồng trở nên huyền thoại trước mắt của mọi người.

Câu chuyện thường bắt đầu với đỉnh núi Cà Dam(1) cao ngất, mây mù và khí lạnh bao phủ quanh năm. Thuốc lá cứ hút, Nước chè xanh đậm, cứ uống. Củi khô cứ bỏ thêm vào bếp. Ngọn lửa bập bùng trước mặt tỏa hơi ấm dịu dàng, càng về khuya càng hòa với hương quế thơm lừng trong khắp gian nhà cao rộng. Những tên người, tên núi sông, đất nước trong câu chuyện đời xưa được khắc sâu vào tim óc, nhen nhúm lên thành ngọn lửa truyền thống diệu kỳ của nhân dân từng trải qua hàng ngàn thế hệ tiếp nối nhau quanh chân núi Cà Dam hùng vĩ.

(1) Còn gọi là núi Văn Phong, cao 1.650m, là căn cứ lịch sử chống Pháp và là một cảnh đẹp được nhà thơ Nguyễn Cư Trinh ca ngợi là một trong mười hai cảnh đẹp của Quảng Ngãi với câu « Văn Phong dạ vũ » (cưa đêm ở núi Văn Phong).

II

TỪ ĐỈNH CÀ ĐAM

Từ đỉnh núi Cà Đam hùng vĩ, những buổi trời trong mây tạnh có thể nhìn rõ những cánh đồng phẳng lì của hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, những cánh buồm trắng trên các dòng sông Trà Khúc, Trà Bồng, và trông xa hơn có thể thấy được cả Hòn Ông, Hòn Bà và đảo Lý Sơn bồng bềnh trên sóng biển. Hòn đảo xanh giữa biển khơi ấy, có ai ngờ trước kia cũng là một bộ phận của núi rừng Trà Bồng. Cố nhiên, chỉ là truyền thuyết. Cách đây rất lâu, lâu lắm, theo ông bà kể lại, non nước Trà Bồng cũng là ruộng đồng bằng phẳng. Núi rừng ở xa, xa mãi tận phía bên kia đường mặt trời lặn. Thụở ấy, cuộc sống rất yên vui, không có kẻ giàu người nghèo, mọi người đều sung sướng, lúa bắp đầy kho, heo gà đầy vườn, hươu, nai, dê, trâu cùng gặm cỏ bên nhau trên bãi. Nhưng rồi có một trận lụt rất lớn, sấm sét xé trời, gió mưa chuyền đất. Nước từ Kon Tum ào ào xô núi về đây choáng hết đất đai vườn tược. Từ ấy Trà Bồng trở thành rừng núi. Núi

còn bị nước đầy về xuôi. Từ ấy đồng bằng mới có núi, có đồi. Và một cụm núi của Trà Bồng, với cả người và thú vật, trôi luôn ra biển thành đảo Lý Sơn. Cọp ở trên núi này, đến nay vẫn còn đi thăm mả con ở núi Thịnh Thịnh, núi Nam Châm, núi ở Vạn Tường, Sơn Hà, Cồ Lũy, Ba Làng An dưới ấy. Cho nên vùng biển, vùng núi và đồng bằng đều do một đất nước sinh ra. Con người cũng vậy, dù ở biển, ở núi hay ở đồng, tuy xa cách nhau, nhưng cùng chung đất nước, giống nòi. Vì sau trận lụt lớn ấy vẫn còn một ít người, nhờ bám được các cây to, hái hoa dẻ ăn, lấy mật trong bọng cây dẻ uống, theo nước lũ trôi dạt về xuôi. Họ cùng bà con sống sót ở vùng đồng bằng, ven biển làm ăn và sinh đẻ cho đến ngày nay.

Ở Trà Bồng, sau trận lụt lớn kỳ lạ ấy, chỉ còn lại một người trai nhỏ, nhờ bám chắc các ngọn núi cao và núp kín trong các khe đá vững nên gió thổi không rút, nước cuốn không trôi. Đến khi hết lụt, tỉnh người trở lại, anh thấy tất cả mọi vật xung quanh anh đều thay đổi. Nước rút đã cuốn đi sạch cả ruộng vườn, thức ăn, nhà ở. Núi về mang theo nhiều cọp, beo, voi gấu và muôn loài thú dữ khác. Một mình người trai nhỏ ấy, tay không, sống giữa núi rừng, vừa chống lại thú dữ, vừa lần hồi hái hoa quả kiếm ăn. Thú rừng rất nhiều và hung dữ. Trái cây củ rừng lúc ấy không nhiều và rất độc. Muốn sống được phải dũng cảm và khôn ngoan. Như một cái mầm tốt giống, cậu trai lớn nhanh như thổi, trở thành một thanh niên khôi ngô, khỏe mạnh. Cậu tự tay dựng nên ngôi nhà sàn rất chắc, trên một ngọn núi đẹp nhất Trà Bồng - ngọn Cà Đam hùng vĩ này đây.



Thương anh còn trai sống giữa núi rừng hoang vắng và giá lạnh nên quế rủ nhau mọc lên quanh nhà để che gió và tỏa hương thơm sưởi ấm anh. Cau cũng thi nhau mọc, đong đưa cành lá, đêm đêm thì thầm như tiếng đàn môi, véo von như tiếng đàn bróc để vui tai anh. Thương anh một mình sống giữa rừng, tuổi ngày càng lớn, một cây cau lớn vượt lên trước khung cửa anh thường nằm, lá cành mơn mớn, bẹ xanh mát rượi, tỏa hương thơm ngào ngạt khắp gian nhà. Đêm đêm trườn tay qua khung cửa, người con trai vuốt ve bẹ cau, mơ màng trò chuyện với cau như với một người bạn chân thành :

— Cau ơi, sao mày vui thế? Mày có biết còn người con gái nào trên đất nước này, hãy mách giùm ta với, cau ơi!

Đêm nào anh con trai cũng ní non chuyện trò như vậy. Cho đến một đêm, anh vừa thiếp ngủ thì bẹ cau từ từ hé nở, Hương quế, hương cau hòa lẫn với tiếng nhạc, tiếng đàn rộn ràng, réo rắt. Rồi từ trong lòng bẹ cau, một người con gái như vừa ngủ dậy, nhẹ nhàng bước ra, lọt qua khung cửa, nằng vào nhà, ôm ái, dịu dàng, khỏe và đẹp lạ lùng. Từ ấy hai người sống khăng khít với nhau, như đôi chim trên cành, đôi cá dưới nước. Nhưng trước mặt họ còn biết bao nguy hiểm, gian nan. Họ phải đi làm từ mặt trời mọc đến mặt trời lặn mới trở về nhà. Hai người đều giỏi làm rẫy, săn bắn và bắt cá, Cha mẹ sao, con cái vậy. Con cháu họ đều làm ăn chăm chỉ, thương yêu rừng núi, dám sống dám chết để bảo vệ Trà Bồng. Có người tay không đánh cả voi cạp. Có người nuôi cạp trong nhà, dạy

cọp cùng mình đi săn thú, đánh cá. Lại có người mưu trí cứu dân tộc mình khỏi bị tiêu diệt. Chuyện kể rằng có một con quỷ khổng lồ toàn thân bằng sắt, đi đến đâu cũng phun lửa, đốt làng, hãm hiếp phụ nữ, ăn thịt trẻ em. Người trai Cor anh hùng ấy đã một mình đi đến tận sào huyệt của nó, rí tai dụ vợ nó, lấy được chiếc khóa thần của nó để nhất chết mãi mãi nó trong hang đá sâu, đem được bầu lửa của nó về chia cho nhân dân. Thuở ấy, ngoài ma quỷ, còn có những giống người lạ cũng thường đến cướp bóc. Không chống lại bọn chúng, chúng sẽ giết sạch dân mình. Làm sao quên công lao của Sam Rạ được. Chuyện kể rằng Sam Rạ là vị tướng Cor khổng lồ. Ông có thể cưỡi con ngựa sắt nhảy từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Tay ông có thể nhất bổng cả ba tảng đá lớn để kê nồi nấu cơm cho binh lính kịp ăn đuôi giặc. Một chân ông hốt gần hết cát sông Tà Vin lên đỉnh núi cao Trà Hiệp để binh lính kịp chuỗi xuống núi ngăn chặn, bao vây quân giặc. Sam Rạ đến đâu thì quân thù tan tác đến đó. Nhân dân reo hò, rừng núi Trà Bồng rộn ràng chiêng trống. Đến khi hết giặc, đất nước thanh bình, Sam Rạ vô ý để cho người lính hầu của mình say rượu dẫn ngựa dẫm gãy quế non và ăn cả lúa non trong rẫy. Ma lúa bất bình, nhân dân không reo hò ca múa. Núi rừng ngừng im chiêng trống, Sam Rạ ân hận phi ngựa bay biến về trời !

Cho mãi đến nay, thỉnh thoảng thần Sam Rạ lại cưỡi ngựa về thăm Trà Bồng. Những lúc ấy, trên đỉnh Cà Đam mây trắng xóa, sấm chớp liên hồi, tiếng nhạc ngựa theo gió bay văng khắp nơi. Năm nào thần về thăm thì năm ấy nhất định Trà Bồng được mùa và

gặp nhiều may mắn.

Nhưng Trà Bồng chỉ là một bộ phận của một đất nước to lớn. Người Cor, ông bà kể, không phải chỉ biết khur khur sống chết ở Trà Bồng. Họ đã đi khắp mọi vùng đất nước, đến tận các rẻo núi cao nơi ông mặt trời đi ngủ và các miền đồng bằng ven biển xa xôi, cùng các dân tộc anh em chống giặc giữ nước, giữ nhà. Chuyện lại kể, thuở ấy, ở miền xuôi, có bọn giặc tóc đỏ, mắt xanh, dùng thuyền vượt biển vào xâm lược. Nghe tin ấy, Bà Linh, một nữ chúa Trà Bồng đã chiêu mộ binh lính, cầm đầu hàng ngàn quân cùng với người Kinh đánh thắng hàng trăm trận tại các cửa Sơn Trà, Cồ Lũy, Sa Kỳ. Da bà trắng muốt như mây, tóc bà xanh dài như suối, giọng bà ngân xa như tiếng cồng trong đêm. Bà cưới con cọp trắng, có con voi trắng theo hầu. Các loài ong, chim, voi, cọp, khỉ, gấu từ khắp nẻo đều theo làm binh lính của bà. Quân của bà không những đánh giặc giỏi mà còn rất thương dân. Họ trùng trĩ nghiêm khắc những tôn hèn nhát, phá dân, lia đàn phản chủ. Họ theo lệnh bà thì nhau mang muối về rừng để cấp phát cho các dân tộc miền núi và mang quế, mật, trâu, cau, chè thuốc của người dân miền núi gửi biểu các dân tộc anh em. Tuy chiến chinh ác liệt nhưng cuộc sống người dân khắp mọi miền vẫn đầy đủ. Muối đựng trong các lọ sành rất đẹp do người Kinh làm cho. Lâu lắm rồi, lọ sành bị vỡ. Bây giờ chỉ còn lại mảnh sành nằm ngồn ngang vài cây số trên các vùng đồi núi Trà Thủy, Trà Thanh, bà thương nước thương dân, nên nhân dân, đất nước thương bà. Được tin giặc dẹp xong, nhân dân miền núi vội vàng kéo nhau xuống

biển rước bà về. Nhân dân đồng bằng luyện tiếc tiễn đưa bà. Về đến Thạch An, bà dừng lại khao quân. Bỗng trời nổi mưa to gió lớn, nước thần dâng lên rước bà cùng quân tướng đi luôn về biển. Ngày nay, thỉnh thoảng bà cưỡi cạp trắng về thăm Trà Bồng, thăm động thờ bà ở Trà Thủy rồi phóng ngựa bay lên núi Thạch Bích (1), đề thăm hỏi cha mẹ Mặt Trời trước giờ đi ngủ, rồi bay về Thạch An, nơi lần cuối cùng bà từ biệt nhân dân hai miền xuôi ngược. Hết năm nào con cạp trắng của bà ngồi quay đầu về núi là năm ấy Trà Bồng được mùa và gặp nhiều may mắn.

Như thế đấy, từ bao đời nay, người Cor luôn gắn liền với Trà Bồng, với núi Cà Đam, với sông Trà Ích, nước Tạng, nước Riêng, với núi rừng, với cau quế, với những câu chuyện chiến đấu thần kỳ. Đất nước bao la đã giao cho người Cor một vùng núi non hùng vĩ với một kho của cải thiên nhiên giàu có. Các dãy núi Răng Cưa, Hang Bà, Núi Ông, Núi Chúa, Ngọc Dai, Thạch Bích, Mang Xin ... với trăm ngàn con suối hằng tỏa nước đi bốn phía để nuôi dưỡng các dòng sông. Mặt trời đứng rất lâu trên ngọn Thạch Bích, màu sắc êm đẹp, hơi ấm dịu dàng, động viên dân Cor hãy nhanh tay làm thêm nương rẫy. Cây quế là hiện thân cho lòng liêm chính quý báu của người Cor từ đời này sang đời khác. Người Cor sống trong quế, sống với quế, sống nhờ quế; và sống mãi như cây quế. Cho nên chớ phá quế, chớ bóc trộm quế. Dù phải phạt

(1) Núi Thạch Bích thuộc xã Trà Giang, huyện Trà Bồng, khác với núi Thạch Bích ở huyện Sơn Hà thường được gọi là Thạch Bích tả dương, một cảnh đẹp của Quảng Ngãi.

trầu rồi, lòng dầu vẫn không nguôi giận. Chớ dại nhờ quế non, phá hại lúa non như con ngựa và người lính hầu say rượu của thần Sam Ra! Ma quỷ sẽ bắt binh và lòng người Cor sẽ phản uất. Sao lại nỡ phá phách những mầm non? Không có những mầm non ấy, làm gì còn dân tộc, còn đất nước? Cha mẹ người Cor đã dạy cho con cái đạo lý sơ đẳng này từ khi chúng còn chưa biết đi, biết nói. Có thế, lớn lên nó mới chăm chỉ làm ăn, thương dân, thương nước như lính Ong của Bà Linh, mới gan góc kiên cường như quân thần Sam Ra, mới anh hùng bất khuất như đàn chim sip-blit lúc nào cũng hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu để che chở cho đàn stru (1) đẹp đẽ dịu hiền.

Người Cor muốn sống như thế đấy. Và núi rừng Trà Bồng lúc nào cũng muốn ưu đãi người Cor. Dây trầu thường tìm cây cau mà leo. Cứ hái! Chuối thay nhau mọc lên khắp rừng, ra trái rồi chín quanh năm, không làm sao ăn hết. Cây dói tự làm ra rượu rất ngọt, rất ngon, cứ uống cho đã khát. Nhưng chớ uống nhiều vì bụng dói dễ say! Vào giữa mùa cam chín, đi ngang qua Trà Thanh, Trà Hiệp, Trà Quân, Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Lâm, Trà Nham, cứ tha hồ ăn, bụng người Cor rất rộng. Sống nhiều cá. Rừng nhiều chim, nhiều thú. Trong đất có nhiều củ mài, củ dong, trên đất, trên cây có nhiều loài nấm, loài rau rất ngon, rất béo. Trên bầu trời có lắm loài chim. Oai phong lắm liệt là chim đại bàng với đôi cánh tung trời giữa phong ba bão táp. Bốn mùa xinh đẹp là chim phượng hoàng với bộ lông sắc sỡ, hình như suốt đời chỉ biết

(1) stru : chim vằn công.

sóng đôi. Yếu diệu, dịu dàng, duyên dáng là trĩ và công với hàng trăm mặt trắng, mặt trời trên cánh. Lanh lợi, vui vẻ là con da đa, suốt ngày bôn ba, tất tả tìm mồi cho con. Kêu la buồn thảm nhất là con chim cuốc gọi bạn lúc chiều hôm và khi tảng sáng. Nhưng đáng yêu thương nhất vẫn là chim *síp sluu*, đáng quý trọng nhất vẫn là *síp-blit*, đáng khinh bỉ nhất vẫn là lũ quạ và điều hâu.

Trên cây cao có loài chồn dơi với đôi cánh da bên mình để bay chuyền kiếm ăn từ cây này sang cây khác tránh được các loài thú dữ. tránh được cả lão trăn lúc nào cũng có vẻ lơ dờ, bí mật, nhưng sẵn sàng quần xiết đến chết nai, hươu, heo và cả cọp để chỉ ăn rồi ngủ quanh năm. Lanh lợi, thực thà, chuyên cần, hiền hậu nhất là con *broc* (1) siêng năng, cần kiệm, dững cảm, trật tự vệ sinh, tổ chức kỷ luật nhất vẫn là các đàn ong.

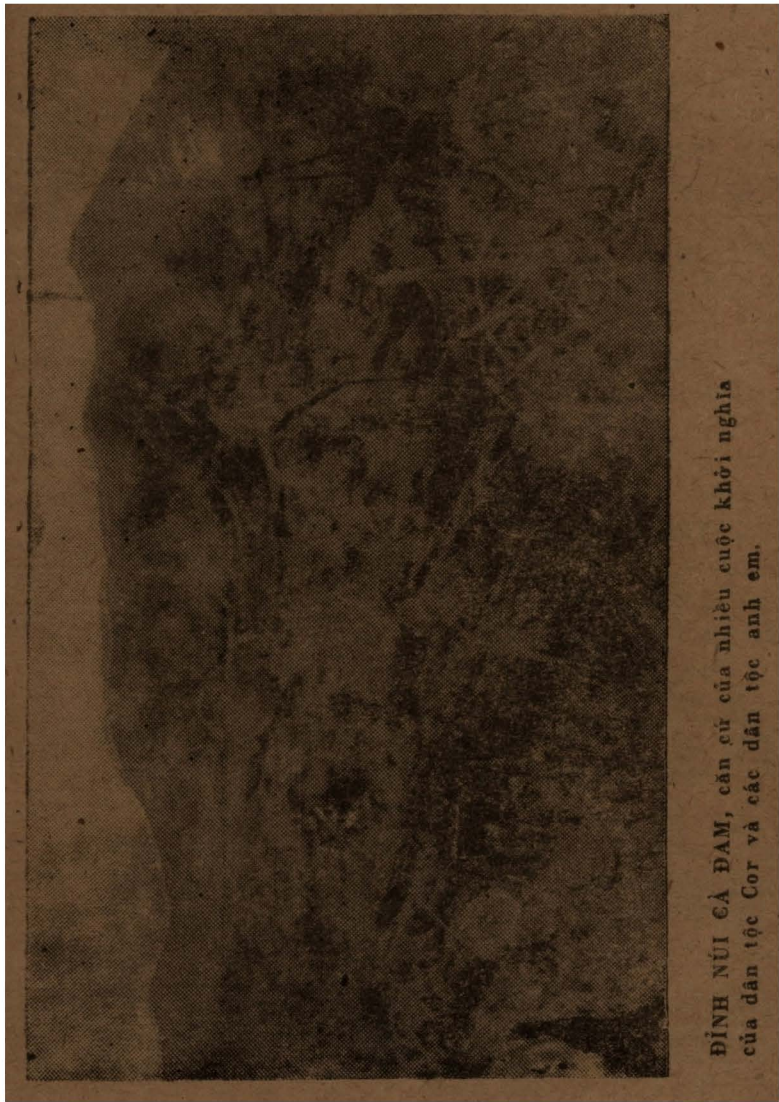
Trên đất có loài *sên rùa* (2) chuyên hút máu các loài bốn chân. Cọp, beo, voi, gấu, hươu, nai... khi sa cơ bị nó bám chắc, tuôn vòi vào thân thì chỉ còn đợi ngày chết khô chết rử. Sên rùa chui vào kẽ đá, hốc cây cho đến khi nào thấy đói lại lò dò bò ra, ăn mồi. Dưới suối thì có *trăn nước* hình như cả đời không dám lên bờ, chuyên lặn lội kiếm ăn giữa các vực sâu, đuối bắt, cá, tôm, ếch, rắn, chình... và nhất định không tha cả thú lẫn người, nếu đại đột bơi lội ngang qua vùng nước

(1) Con sóc

(2) Sên có nai như rùa, to bằng bàn tay nay còn rất ít ở Trà Bồng, Kon Tum.

thân thuộc của nó. Khi thả lưới đánh cá trong suối, nếu không may gặp phải nó thì lưới sẽ bị nó xé rách tan hoang và lỏi đi mất.

Nguy hiểm tinh ranh hơn, theo cha ông kể vẫn là con *đĩa bà*. Nó chuyên náu mình trong các gờ đá cheo leo ven bờ suối sâu vực thẳm. Bị nó cắn, lạnh lợi mạnh khỏe như hươu, nai, heo rừng, beo cạp, còn đánh chịu chết đứng hướng hồ là con người. Nếu bị dao rựa bằm vằm, chặt đứt thân, thì tự nó, nó nối liền chỗ đứt lại ngay để quyết giữ con mồi ở nguyên tại chỗ, nhiều ngày đêm liền, cho đến khi máu ngừng chảy. Con mồi chết khổ chết héo giữa dòng nước nó mới chịu buông tha. Kinh nghiệm cho biết trong trường hợp này, muốn được sống chỉ còn một cách là tự rạch thịt mình cho máu mình tuôn chảy ra hòa nhanh vào nước. Nhất định, *đĩa bà* sẽ «thả mồi bắt bóng», ngừng hút máu nóng trong người ta để ngóc đầu, tung miệng tìm ăn máu lạnh giữa dòng sông. Đừng dại tiếc máu trong lúc hiểm nghèo này, phải dám rạch thịt mình. Chỉ có cách ấy mới mong tự mình cứu thoát được mình thôi. Nếu nhanh tay lẹ mắt nhặt được một mảnh nhỏ có cả thịt, xương của *đĩa bà* thì thật là may mắn. Vì có nó những ai gặp phải tai nạn như gãy xương chảy máu chẳng còn phải lo nữa. Cứ mãi nó trong nước sôi hòa máu rồi xoa vào vết thương, chỉ vài ngày sau, xương nối liền xương, thịt nối liền thịt. Phải tự mình cầm dao rạch thịt cho máu mình tuôn ra để không chỉ cứu được mình mà còn giúp nhân dân sống giữa núi rừng đầy thử thách.



**ĐỈNH NÚI CÀ ĐAM, căn cứ của nhiều cuộc khởi nghĩa
của dân tộc Cor và các dân tộc anh em.**

Từ khi đặt chân lên đất Trà Bồng, thực dân Pháp đã đặt bộ máy cai trị của chúng trên toàn châu (lúc ấy huyện miền núi gọi là châu). Chúng chia Trà Bồng ra làm 2 tổng, mỗi tổng gồm nhiều sách, mỗi sách rộng 3-4 xã. Toàn bộ công việc cai trị đều do tên quan một người Pháp, đồn trưởng Trà Bồng, điều khiển. Tên này có sẵn dưới trướng một đám hạ sĩ quan người Pháp tự xưng là «ông lớn», một đại đội lính khố đỏ khố xanh và không ít mã tà, mật thám. Sát bên đồn lính là nhà châu lý Trà Bồng của viên kiểm lý, đại diện cho chính phủ Nam triều; một dãy nhà tù, mấy gian lều chợ và một hệ thống chánh phó tổng, phó mục sách trưởng (1), hương kiểm, hương mục, hương dịch người Cor. Bọn cai trị có đồn, có nhà tù, có chợ, lại vừa có súng với muối và rượu. Rượu rất nhiều, rượu ngon hơn, cay hơn, và uống mau say. Rượu bán kèm với muối, với vải vóc, rựa rìu... Bọn quan Tây thỉnh thoảng dẫn lính lên núi bản âm âm, rồi dẫn lính về đồn. Bọn quan quyền tay sai người Kinh, khăn đen, áo thụng, lúc nào cũng co ro khúm núm theo hầu bọn lính bọn quan. Lũ tay sai người Cor mỗi lần đi châu lý, vào đồn hầu «ông lớn» trở về đều có thêm quần áo đẹp, thêm giày dép, thêm nồi đồng bóng loáng, thêm chiêng, thêm ché, thêm vênh vào khó hiểu, khó tin và ngày càng xa lánh nhân dân.

Cho đến những năm hai mươi, ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách tận lực khai thác thuộc địa để làm giàu cho «mẫu

(1) Như lý trưởng ở đồng bằng.

quốc», và củng cố bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương. Tại Việt Nam cũng như trên toàn bán đảo Đông Dương, nhiều loại thuế được đặt ra. Lần đầu tiên trong lịch sử, người Cơ r mới hiểu thế nào là thuế. Quế, gai, cau chè, trâu, thuốc mang đến cửa rừng, mang qua cửa đồn, mang đến cửa chợ, chỉ còn một nửa. Gỗ trên núi, kiếm lâm đánh thuế. Gỗ đưa về xuôi, kiếm lâm phạt thuế. Trai từ 15 tuổi phải nộp 1 tạ quế và 50 bát gạo thuế thân. Năm 1939, đế quốc Pháp và Nam triều tăng giá thuế thân. Đồn cả rẫy quế cũng không đủ nộp. Dân nghèo chạy vay cả năm vẫn không sao đủ thuế. Còn phải đi xâu, mỗi người hàng năm mất 2 đến 3 tháng nhật gỗ, đắp đường không công, có người ra đi không thấy trở về, có người trở về ốm đau thương tật, chết mỗi, chết mòn. Thêm nữa, bọn chúng đi đến đâu, dân phải cung phụng đến đó. Dân phải khom lưng làm kiểu khiêng thặng quan một và những thặng mũi lỗ mắt xanh từ xâu này qua xâu khác, qua bao nhiêu dốc đèo, sinh lầy, khe suối. Bọn kiếm lý, chánh tổng, lý trưởng như một đám nhặng xanh khúm núm theo hầu, hò hét đánh đập những người dân phu. Các chánh phó tổng, một số phó mục uy quyền hống hách, giàu sang khác hẳn dân làng. Chúng bắt đầu xây nhà riêng rộng lớn, thỉnh thoảng lại rước «quan trên» «ông lớn» về làm tội dân làng. Ngoài xâu công ích còn phải làm xâu riêng cho gia đình bọn chúng. Chiêng, ché, trâu, heo, gà, cả đến những rẫy quế của ông bà để lại và những đứa con trai, con gái tài giỏi, siêng năng phải lần lượt, nộp riêng cho chánh, phó tổng để trừ tội thiếu thuế, thiếu xâu. Bọn lý trưởng, binh lính như một bầy rắn độc theo đóm ăn tàn

Những cuộc trả đũa, chém giết lẫn nhau, được chúng xúi giục, càng tăng thêm. **Của nước** được bao nhiêu đều phải chia phần cho bọn chúng. Chúng còn đòi phần cho viên kiểm lý và cho cả «ông lớn quan một Trà Bồng».

Cuộc sống vốn đã cơ cực nay có thêm quan trên quan dưới, có thuế, có sưu càng cơ cực trăm bề. Phải chống lại mới sống nổi. Nhưng chống như thế nào? Người dân Cor nghĩ đến những cuộc «trả đũa». Họ bí mật thủ tiêu những tên mã tà, mật thám, Những tên thư ký, lục sự quen thói đi lẻ úc hiếp nhân dân. Chúng là người Kinh. Người Kinh theo Tây cũng chẳng tốt bụng với người Cor, kể cả những thằng thu thuế, coi xâu những tên lái buôn chuyên phỉnh phờ lừa đảo. Những người Cor theo Pháp như một bày rắn độc quay lại giết hại dân Cor, chúng không còn mang dòng máu Cor trong người nữa. Bằng nhiều thủ đoạn khôn ngoan, họ diệt những tên lý trưởng và chánh phó tổng gian ác! Những đòn thù liên tục như thế xảy ra ở nhiều nơi. Nhưng hể bọn này bị giết thì bọn khác mọc lên thay thế, càng gian ác, xảo quyệt hơn. Máu cứ chảy nhưng cuộc sống dân tộc Cor vẫn không hề thay đổi. Mà làm gì thay đổi được khi cái đồn Trà Bồng với bọn quan Pháp, quan châu còn đó? Nhân dân Cor đã nhìn thấy nguồn gốc của mọi đau khổ, đã nhìn ra kẻ thù. Sau hàng chục năm suy nghĩ. Tèn, thò, giáo, mác có chống lại nổi đạn đồng, súng sắt không? Cứ phải vùng lên chống lại dù phải chết chóc, đói nghèo thêm. Hỡi thánh trời, thần núi, ông Sam Rạ, Bà Linh, hỡi ma quỷ thần của núi rừng Trà Bồng đau khổ, hỡi linh hồn của ông cha đang nằm im dưới đất Trà Bồng đầy hận thù uất ức, hãy về đây phù hộ cho dân Cor vùng lên.

III

THEO BÓNG MA «NƯỚC THẦN»

TỪ giữa năm 1937, tin truyền từ Kon Tum đến miền tây Quảng Nam, Quảng Ngãi, rằng ở hướng Đắc Lây có một dòng « nước thần », xoa nước ấy vào mình thì đạn Pháp bắn không thủng, mỗi người chỉ cần đổi một đồng xu nước là đánh thắng Pháp. Tin loan đi rất nhanh đến các làng nóc nương rẫy. Trên đỉnh Cà Đam mây vẫn trắng xóa, sấm chớp liên hồi. Các cụ già làng ít ngủ đều nói có nghe rõ tiếng nhạc ngựa của thần Sam Rạ. Nhân dân Trà Thủy, ai nấy đều khoe có thấy động Bà Linh sáng rực mấy đêm liền, con cọp trắng của Bà chạy xuống Thạch An, ngồi xoay đầu về núi. Nhân dân Kinh, Thượng từ Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà đến, hay từ Châu Ổ, Nghĩa Hành lên còn cho biết hươu nai của khắp núi rừng đang lũ lượt kéo từng đàn về Mễ Sơn, (1) mùa lượn ngày đêm

(1) *Mễ Sơn lưu trường*, một cảnh đẹp thiên nhiên của Quảng Ngãi, với rất nhiều hươu nai.

đề nghênh tiếp bà. Các thầy cúng sáng sáng đều vui mừng báo mộng trong đêm : thánh thần, ma quỷ đang họp, âm binh thiên tướng luôn quay quần nhảy múa, vui cười hơn hỏ khác thường. Các bà mẹ nằm mơ thấy hình vẽ trên cây nêu thần cử động, lón lên rất nhanh, hiện thành hình thật, rồi bay ra. Chao ôi, một đất nước Trà Bồng yên vui, tươi đẹp, con chim *st-p-bllt* xoe rộng đôi cánh lấp lánh ánh mặt trời, những người Cor nghèo khổ tự do làm ăn, nhảy múa, nôi đồng, chiêng đồng sáng loáng bóng lộn, từ trong mặt trời nhẹ nhàng rơi xuống khắp rẫy, khắp làng.

Họ hy vọng ở «nước thần» và bí mật rủ nhau đem xu đi đổi «nước thần». Từng đoàn người lần lượt kéo nhau đi mãi về hướng mặt trời lặn, theo những con đường mòn có chặt cây làm dấu. Sau chín, mười ngày, cơm đùm cơm gói, họ bám dây leo lên một dãy núi đá cao ngất trời rồi đến một khu rừng già, có nhiều con đường nhỏ dẫn đến một khu nhà sàn mới cất, lá còn tươi. Tại đây các dân tộc Tây Nguyên đã tụ họp đông đảo và sôi nổi bàn nhau chuyện đánh Pháp, chống xâm chống thuế vì chẳng khác gì dân tộc Cor, họ đang chết dần theo những con đường ô tô Pháp đang mở. Nó đã bò đến Trà My, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, nó sẽ bò dần lên núi cao. Nó đang từ Kon Tum muốn bò ra Đắc Tô, Đắc Lây, Đắc Pếch, Đắc Nhé, Kom Ma Har, Kom Brai, Kom Plông, Kôn Pông, Mang Đen... như một bầy rắn độc hồng hút máu các dân tộc chúng ta. Hỡi các dân tộc Tây Nguyên, hãy tin tưởng vào «nước thần», kiên quyết đứng lên ! Các cụ già thì nhau nói. Nói cho hả lòng, hả dạ, rồi ai nấy

kéo nhau đến chỗ «nước thần».

Khung cảnh quanh chỗ «nước thần» thật huyền bí. Mọi người đều yên lặng. Trước mặt họ là một cái động lớn có hang sâu thăm thẳm chạy luồng vào trong lòng núi. Nước từ các núi đá nhỏ giọt lách tách. Gió vĩ vu từng lúc như tiếng đàn ma. Ánh lửa đỏ nu leo lét dọc theo vách đá chập chờn nhảy múa. lúc đỏ, lúc xanh, vờn lượn trong bóng tối dày đặc, lạnh lẽo. Từ trong phía sâu thẳm của lòng hang dội ra tiếng chiêng, tiếng cồng, rục rục, nức nở, hòa lẫn với tiếng *tét hú* rừng rợn và uy linh. Rồi một đoàn *cá-rá* (1) từ trong hang bước ra, đầu bịt khăn nhiều đỏ, mình khoác áo thụng xanh, miệng lầm rầm khấn vái, qua lại, lượn vòng giữa đám người đang chờ đợi. Họ xòe vạt áo hứng lấy những đồng xu, nhận các chai lọ lớn nhỏ bỏ vào gùi rồi lặng lẽ trở vào hang. Một lát sau, họ trở ra trả lại những chai lọ đã đồ đầy nước, một thứ nước trong veo như nước suối. Cụ già đi đầu lần lượt xoa nước lên trán mọi người và dặn dò bằng một thứ tiếng nào không ai hiểu được. Một người đi theo sau cụ già ấy, nói lại bằng tiếng Cor, kè tội ác của giặc Pháp, kêu gọi mọi người đứng lên chống Pháp, chống xấu thuế, hãy cử ra ông Bút để giữ gìn các lọ nước thần, ông Cai để chỉ huy đánh Pháp, ông Bơi, ông Bàn để giúp ông Cai chỉ huy. Lần lượt các làng bị mật rù nhau kéo từng đàn lên Đắc Lây đồi «nước thần» và cử ra ông Bút, ông Cai, ông Bơi, ông Bàn, hy vọng «nước thần» sẽ đời đời cho họ.

(1) Ông già.

Mùa hè năm 1938, chỉ đề đàn bà, trẻ nhỏ ở nhà làm rẫy, cụ phó mục Gia, cụ Phú, cụ Chân, cụ Tài chỉ huy bốn đoàn quân «nước thần» xuống đánh đồn Trà Bồng. Trước giờ xuất quân đều có làm lễ đâm trâu, tế trời, tin rằng thần mặt trời linh thiêng của Trà Bồng lần này sẽ phù hộ. Mọi người xoa «nước thần» vào khắp mình, mang theo giáo, mác, tên, nỏ, chiếc léc trên lưng với rất nhiều ước mơ thắng trận. Bao nhiêu năm nay, sở dĩ chưa dám đánh Pháp, không phải vì người Cor sợ Pháp. Nhưng người Cor sợ cây súng của Pháp. Nay đã có «nước thần», súng sắt của Pháp sẽ như một cành cây khô. Còn cái lưỡi lê móc trên đầu súng giặc thì làm sao địch nổi giáo, mác, tên nỏ. Họ sẽ đồng loạt nhảy vào đồn, thu súng đạn, phá kho lấy vải lấy muối, lấy lại quế, sẽ chặt đầu mấy thằng Pháp để đem vô núi làm lễ *trả-nhuộc* cho bà con coi. Họ sẽ phóng lửa đốt đồn Trà Bồng cho ra tro, đốt nhà tên kiếm lỵ, nhà châu lỵ, đốt luôn cả chợ, cả nhà cửa của bọn lái buôn chuyên nghề lừa đảo. Tin tưởng ở «nước thần», họ hiên ngang kéo xuống vây đồn trong đêm, nằm yên chờ lệnh rồi đồng loạt xông vào giết Pháp cướp đồn. Súng trong đồn bắn ra. Có «nước thần» xoa khắp cả người rồi, chuyện chi mà sợ, hãy nhất loạt xông lên ! Liên tiếp nhiều người ngã xuống máu chảy đầm đìa. Trời ơi, «nước thần» lừa dối họ rồi ! Tiếp tục xông lên sẽ chết hết ! Hàng ngũ hỗn loạn, hoang mang, uất ức, họ khiêng mấy chục người bị thương chạy về núi, có hai người chết tại trận, phải bỏ xác bên đồn.

Từ đó bọn Pháp liên miên huy động các đơn vị lính khố đỏ, khố xanh đi dẹp «giặc mọi» Trà Bồng,

cũng như ở bắc Kon Tum và miền tây các tỉnh. Chúng kéo đến đâu bắn giết bừa bãi đến đó. Cuộc khủng bố lan ra khắp nơi. Những cuộc đi lại trao đổi hàng hóa, những cuộc vui chơi, hội họp trên 5 người đều bị nghiêm cấm. Nghe một tiếng động từ xa, người lớn phải vội vã chui vào rừng sâu lẩn trốn. Cỏ ăn hết lúa ngoài rẫy. Trong nhà bắt đầu hết muối. Một số người bị bắt đưa về các nhà tù Quảng Ngãi, Ba Tơ, Gi Lăng...

Cuộc sống càng thêm cơ cực. Nhân dân ngày đêm nom nớp lo âu. Nhiều xã kiệt quệ, cùng đường phải quay về với Pháp, với Nam triều, đành chịu nộp thuế, di xâu như trước. Chính trong những ngày sống dở chết dở này, cụ Gia đưa toàn bộ nhân dân xã Trà Nham từ chân núi Cà Đam lên đỉnh lằn hời chạy bừa nhịn miệng nuôi nhau, tìm đường chống Pháp. Cụ Chân cùng anh Mua, con trai đầu lòng và một số bạn già trong khắp Trà Bồng, dựa vào địa thế kín đáo, hiểm trở của làng Reo, đưa toàn bộ nhân dân xã Trà Phong đứng lên chống Pháp. Cụ Tài cùng các bạn già và hai con trai lớn là anh Cương, anh Nước đưa dân làng Búp (xã Trà Thọ) từ ngã ba hai con nước Riêng - Trà - Ích lên tận đầu nguồn sông Tang để tránh và đánh địch. Làng nóc quê hương và cả núi rừng Trà Bồng mông mênh giờ như không còn đủ đất cho họ dung thân. Họ cứ trườn dần lên các dãy núi cao. Và cuối cùng chỉ còn tám làng kiên quyết chống Pháp đến cùng. Dưới sự chỉ huy của cụ Gia, cụ Chân, cụ Tài..., họ đưa nhau trườn dần lên đỉnh Cà Đam để làm ăn và bố phòng chống giặc. Núi Cà Đam cao, toàn rừng già mưa nhiều và rất lạnh. Đói rét, tai nạn, thương tật ốm đau xảy ra liên tục khiến nhiều người.

nhieu cụ già và không ít người trai trẻ lần lượt ngã xuống. Họ chia xẻ cho nhau từng hột gạo, củ rừng. Họ ở tạm các hang đá rồi dần dần dựng lên các gian nhà nhỏ, kin đáo, trên các sườn núi cheo leo, không cau, không quế. Họ quyết chiến đấu đến cùng, hy vọng làm cho dân tộc Cơ Đốc bớt phần mỗi mồi, tử nhục như cụ Gia, các cụ Chân, Phú, Triều, Tài, Bung, đã ăn cần khuyến nhủ họ. Từ căn cứ Cà Đam, thống nhất dưới sự chỉ huy của cụ Gia, họ chia nhau thành từng toán, thường xuyên đi chặn các ngã đường lòng lọi của giặc. Họ mài sắc giáo, mác, vót nhiều tên, chông, tìm thuốc độc, chuyên các loại mang cung, hầm heo, bẫy đá, bẫy lâu chỉ để giết thú rừng thành vũ khí chống giặc. Họ đã làm cho cả Trà Bồng thành cạm bẫy. Những trận phục kích nhỏ thường xuyên thu được thắng lợi. Với tên thuốc độc thì cứ đứng xa, núp kín, ngắm giồi, bắn trúng vài tên rồi lủi nhanh vào núi. Với giáo, mác thì núp kín bên đường, cứ lựa những thằng đi sau đi lẻ. Đầu 1939, tại Gò Rô, xã Trà Phong, cụ Chân, cụ Bung đã chỉ huy một toán nghĩa quân đánh một trung đội lính khố xanh gần suốt một ngày. Nghĩa quân giật hết bẫy đá này đến bẫy đá khác, binh tinh ngắm từng tên địch đề phóng tên thuốc độc. Địch ở chân dốc không dám tiến cũng chẳng dám lùi. Mấy tên chạy bừa bị dính chông hai bên đường, rơi tõm xuống hầm heo dọc bờ rẫy. Chúng chết và bị thương quá nửa. Về phía nghĩa quân, cụ Chân và hai chiến sĩ hy sinh. Biết giặc sẽ trả thù, nhân dân và thanh niên các xã dọc sông Trà Ích, chung quanh căn cứ Cà Đam bí mật bố phòng đường sá. Những ngày sau, chúng lũng lên đã bị nghĩa quân đánh tía và bị đâm chông. Từ đó

chúng khủng bố ác liệt các xã này và đưa quân lên. Liên tục bao vây căn cứ Cà Đam. Chúng bắt dân các làng đi trước nhờ chông, gỗ thò. Chúng muốn người Cor thù hận, giết hại lẫn nhau. Nghe theo lời, cụ Gia đã dạy: «Người Cor không giết người Cor», «Người Cor không giết người Kinh», nhân dân trì hoãn việc nhờ chông, nhờ chỗ nọ lại cắm lại chỗ kia, ngày nhờ đêm cắm. Trên căn cứ, cụ Gia, cụ Tài cho nghĩa quân và nhân dân đốt làng, trảm đường, đi dần lên cao. Các bẫy đá hăm chông được gấp rút dựng thêm khắp quanh núi Cà Đam. Các trận bắn tỉa vẫn diễn ra liên tục. Mùa rẫy năm 1942, trong một trận đánh lớn có hàng trăm nghĩa quân tham chiến, với hàng chục loại vũ khí tự tạo, anh Thuộc con trai cụ Gia đã bắn trúng tên quan hai Pháp, đồn trưởng Trà Bồng. Tên này bị nhiễm độc, chết ngay trên vai bọn lính. Bọn giặc đành rút về. Nhân dân cùng nghĩa quân tranh thủ củng cố và phát triển các tuyến bố phòng từ sông Trà Ích đến chân núi Cà Đam. Vào tháng 9 tháng 10 dương lịch, giữa lúc nhân dân đang suốt lúa, chánh tổng Niêm dẫn giặc lên bao vây, càn quét, khủng bố đốt làng, phá rẫy. Chúng lại bị thương, bị chết nhiều hơn trước. Trường giặc bỏ trống đồn đi càn trên núi, nghĩa quân một lần nữa hăm hở xuống núi đi đánh đồn Trà Bồng. Nhưng họ đến nơi mới biết đồn vẫn còn lính. Họ không đánh mà đốt cho giặc cháy thiêu với súng trong đồn. Họ chỉ mới đốt được nhà tên chánh tổng Tam ở cạnh đồn thì đạn Pháp nổ dữ dội. Họ lại chạy về núi. Kéo ngang qua xã Trà Dục, họ đâm chết ngay tại nhà hai anh em tên chánh Niêm gần ác.

Tuy trận đánh đồn lãn này cũng không thành nhưng nó đã khiến bọn chánh tổng, lý hương điều khiếp sợ; nhiều tên đem cả vợ con xuống ở quanh đồn. Bọn pháp và Nam triều tung thêm thủ đoạn mới. Chúng triệt để bao vây kinh tế nghĩa quân đồng thời ra sức mua chuộc, dụ hàng. Nhiều lần chúng cho người mang quà, mang thư đến gặp cụ Gia và các thủ lĩnh nghĩa quân. Nhưng lần nào chúng cũng chỉ nhận được một câu trả lời: «Thề ăn củ rừng, chết rục xương trên núi chứ nhất định không hàng».

Họ sống theo từng làng nhỏ, vừa bố phòng chặt chẽ vừa trồng tía kiếm ăn. Nhưng núi rừng nơi đây thủ thách con người quá khắc nghiệt. Mưa, lạnh quanh năm, không sao làm rẫy được. Những đường tiếp tế lương thực bí mật của nhân dân dưới chân núi và của người Kinh ở đồng bằng gửi lên đều dần dần bị ngăn chặn. Khổ rách, họ thay tạm bằng vỏ cây. Niềc mòn, họ làm cỏ bằng tay. Nhưng rửa, riu thiếu, giồng hết, muối hết không thề lấy gì thay thế được. Củ rừng cũng không kịp lớn và hết dần. Họ phải chia đôi lực lượng, một số ở lại Cà Đam với cụ Gia, một số theo cụ Tài về hướng Nà Niều đề xây dựng căn cứ thứ hai dọc bờ sông Tang. Trên căn cứ núi cao, tránh được xâu thuế nhưng đói thiếu, bệnh tật, mưa, lạnh làm họ hao mòn mỗi năm một nhiều. Tại các làng nóc dưới núi, nhân dân bị xâu thuế, súng đạn của Pháp cũng đang kiệt quệ. Trong các trại giam, nhà tù của Pháp ở Quảng Ngãi, Ba Tơ, Gi Lăng, Sơn Hà, Trà Bồng, những người Cor trung thành bị đánh đập, tra tấn, chết héo, chết khô. Từ

mùa hè năm 1938 với lòng tin mãnh liệt ở «nước thân» và rất nhiều ước vọng to lớn, trải qua bao nhiêu mùa rẫy, bao nhiêu lần chiến đấu hy sinh, nhân dân Cor vẫn chưa tìm ra lối thoát. Cho mãi đến mùa rẫy năm 1945, vòng vây của giặc Pháp bỗng nhiên lỏng lẻo. Nhân dân các làng tập nập kéo lên căn cứ, báo tin Pháp, lính và bọn chánh tổng, tay sai đã bỏ chạy cả rồi. Tưởng thời cơ đã đến, cụ Tài vội vã tập hợp hai mươi nghĩa quân, từ nước Tang kéo về châu lỵ Trà Bồng, chiếm đồn giặc. Nhưng đồn vẫn còn lính. Châu Lỵ Trà Bồng không còn Pháp, nhưng có Nhật, mang súng và đeo kiếm dài quắc bên hông. Họ kéo thẳng vào nhà viên kiểm lý đòi phải giao đồn. Viên kiểm lý giao súng Nhật ra, dọa bắn. Nghĩa quân hăm hực theo cụ Tài kéo nhau về núi. Nghĩa quân cụ Gia vừa đến cũng kéo về.

Cứ mỗi lần nghĩa quân xuống núi đánh đồn thì hàng trăm lần quân giặc lên núi càn quét, đốt phá, bắn giết. Trên núi rừng Trà Bồng đầy ánh sáng mà họ cảm thấy như những người đi đêm trong rừng, không đèn không đóm, càng bước tới càngมืด mù, càng chui vào hang sâu thẳm thẳm với biết bao tai họa hiểm nghèo. Bước lui ư? Sau lưng họ cũng đầy đau thương, chết chóc. Họ đã thề với nhau thà chịu chết đến người cuối cùng chứ nhất định không lui, không hàng.

Cứ như thế họ sống lần hồi trên các dãy núi cao, ngày đi lang thang kiếm ăn, nghe ngóng tình hình, đêm bèn bếp lửa, các cụ già vẫn say sưa kể chuyện đời xưa cho con cháu, trai gái vẫn trao đổi tâm tình qua tiếng đàn rặng, chờ đợi cái chết sẽ đến với từng

người, với tất cả nhưng nhất định không chịu hề thẹn
với dòng máu hiên ngang, bất khuất của người Cor.
Họ nhìn mặt trời mọc hàng ngày, thần mặt trời
chuyên ban phúc lành cho dân Cor, họ ngóng trông
bóng ngựa thần Sam Rạ, ánh sáng nơi động Bà Linh,
chờ đợi.

IV

BA TƠ ĐÃ CÓ MẶT TRỜI

Mặt trời mọc rồi lặn. Ngày lại ngày, nghĩa quân Cor nhìn trời, tiếp tục kéo lê cuộc sống trên núi cao mỗi mòn, uất hận. Mỗi ngày mới đến, họ lại thắt thêm một cái gút trên sợi dây tinh thời gian. Chuỗi gút dài đến hàng ngàn gang tay. Và cho đến nay, sau vụ chiếm đồn Trà Bồng lần thứ ba không thành, tay họ vẫn gút dây mà bụng họ chẳng còn muốn tin một thứ gì trên đời này nữa.

Thần trời, hàng năm vẫn được họ khắc đồ rục trên đầu nêu, đã không đem lại cho họ một tí gì. Ma quỷ đã ăn không biết bao nhiêu heo, gà vẫn để đất ăn gần hết dân Cor ! Xương máu đổ ra suốt mấy năm nay chỉ để đòi lấy cuộc sống cùng đường hết lối và cái chết sắp đến nay mai âm thầm, tủi nhục !

Chính giữa lúc gần như tuyệt vọng đó, tới tấp bay về Trà Bồng nhiều tin mới làm xôn xao, náo nức lòng người. Tin cho biết mặt trời đã soi sáng, giúp nhân dân Ba Tơ nổi dậy đánh chiếm đồn, chia nhau súng, đạn, muối, vải, hàng ngàn người Kinh, Thượng hội

hợp giữa ban ngày. Rồi lại được tin có người mang sủng từ đày núi Cao Muôn kéo ra Gò-Rinh thuộc châu Sơn Hà. Họ hiền lành, ăn ở rất tốt, cái tay làm đúng như cái miệng nói, nên già Run, phó Nía, nhiều *cà-rú cãnh* (1), nhiều vùng chống Pháp trước nay của dân thượng Ba Tơ, Sơn Hà đều cho họ ăn ở chung nhà, uống chung con nước.

Họ là ai? Có thật thế không? Sao vẫn cứ nửa tin nửa ngờ. Kinh nghiệm xương máu nhắc người Cor phải thận trọng. Nghĩa quân số được cử đi vào Ba Tơ, Sơn Hà đề dò la tin tức, số được tung về các làng đề nhắc nhở nhân dân cảnh giác. Cụ Gia, cụ Tài cùng số nghĩa quân còn lại tranh thủ gài thêm mang cung, dụng thêm bẫy đá, cạm thêm chông, tên vào bình thuốc độc.

Đúng lúc ấy một số người Cor bị tù ở các nhà lao lần lượt trở về, trong đó có ông Khang, ông Rin, ông Xây, những chiến sĩ hăng hái nhất trước đây của phong trào «nước xu». Sau mấy năm trong tù, họ chỉ còn da bọc xương nhưng miệng họ nói ra nhiều điều khôn ngoan mới lạ. Họ nói rằng nước Nga-Xô đã thắng quân phát-xít, bọn Pháp ở Đông Dương đã đầu hàng Nhật lùn, bản rế dân ta cho Nhật, rằng dân ta một cổ hai tròng, rằng ngày 9-3 Nhật đảo chính Pháp đề một mình làm chủ Đông Dương, ngày 11-3 những người cộng sản an trí ở Ba Tơ đã nổi lên đánh Pháp, chiếm đồn và chia của cho dân...

(1) Cụ già lang có thể lực, uy tín lớn với nhân dân.

Đánh nhau lung tung như thế, đối với họ, thật là khó hiểu. Ông Khang lại giải thích tiếp cho họ về Việt Minh, về chủ trương đoàn kết toàn dân đánh đuổi Pháp, Nhật, giành độc lập và truyền đạt lại những lời dặn dò của cụ Nguyễn Công Phương tại nhà lao Quảng Ngãi, trước lúc chia tay ra tù.

— Cụ Nguyễn Công Phương là ai ?

Cả ba ông Khang, Rin, Xây đều nói là một người cộng sản, một ông Việt Minh, một cụ già Kinh, tốt bụng được toàn thể anh em trong tù thương yêu, kính mến. Cả ba ông đều khuyên mọi người nên ủng hộ Việt Minh để cứu nước cứu nhà, để chọn một đường đi đúng đắn và nhất định chiến thắng. Nhưng Việt Minh là ai ? Cộng sản là ai ? Nhiều năm liền đồ máu buộc người Cor phải cân nhắc kỹ càng. Trước đây, bọn Pháp, bọn chánh tổng thường nói cộng sản là những tay chuyên giết người, cướp của, đốt nhà. Đã nhiều lần, chúng huy động nhân dân các làng đi truy bắt tù cộng sản vượt ngục, hoặc dẫn đường cho bọn lính mã-tà, mật thám đi lùng cộng sản trốn trong núi, trong khe. Cũng không ít người Cor đã gặp những người cộng sản mặc quần áo tù đi quét lá gòn ở Ba Tơ, Gi Lăng, hoặc chặt cây, cuốc đất làm đường ở Đắc Lây, Đắc Sút, hoặc làm ăn hiền lành trong các trại an trí ở Ba Tơ, Trà Bồng. Nhất định họ xấu với Pháp. Nhưng với dân Cor, họ là những người Kinh hiền lành. Bà con ở Đắc Lây, Đắc Sút, Ba Tơ, Sơn Hà, Gi Lăng đều thương họ và nhiều lần giúp họ vượt tù để tiếp tục chống Pháp. Họ đánh lấy đồn rồi chia của cho dân, thật đúng với cái bụng người Cor. Không còn

ngghi ngờ gì nữa, những người khởi nghĩa đánh chiếm Ba Tơ và những người kêu gọi đoàn kết ủng hộ Việt Minh ở nhà lao Quảng Ngãi, đều là cộng sản. Tại sao không tin lòng người cộng sản, đề cùng cộng sản đoàn kết ủng hộ Việt Minh cứu nước, cứu nhà. Đúng vào lúc ấy, anh Út, con cụ Gia, một chỉ huy nghĩa quân, theo lệnh cha bí mật đưa quân đi trinh sát châu lý Trà Bồng trở về. Tuy vừa qua nửa ngày đường trời đèo, ngược dốc vất vả, anh vẫn tranh thủ báo cáo với cụ Gia và bà con Cor những điều chính anh vừa nghe thấy, với một giọng hồ hởi.

«Cờ mới, toàn là cờ đỏ sao vàng năm cánh, rợp trời.

Việt Minh, đánh Nhật, đánh Pháp, đánh luôn cả lũ Nam triều đề Kinh Thượng đoàn kết, đề nam, nữ bình đẳng, quyết giành cho được độc lập, tự do, hạnh phúc... Mọi người đều đưa bàn tay lên trước trán, ngang đầu thân ái chào hỏi nhau: «Hy sinh vì Tộc quốc»! Cụ Gia liền chống gậy đi thăm từng bếp, từng nhà. Tuy đã ngoài 80 tuổi nhưng với tầm vóc cao lớn khỏe mạnh, cụ vẫn bước từng bước chắc chắn. Cụ vào từng nhà, ngồi bên bếp lửa, vừa ăn bắp non mới nướng, vừa chuyện trò cười nói với những người đang hón hở quây quần bên cụ.

Lần đầu tiên người Trà Bồng mới thấy cụ cười, nói vui vẻ, chan hòa, như hôm nay. Họ rời căn cứ Cà Đam, nước Tang, kéo nhau xuống núi. Được tin Đội du kích Ba Tơ đã đánh chiếm xong đồn Trà Bồng và giải phóng toàn huyện vào ngày 15 tháng 8 năm 1945,

họ kéo luôn xuống châu lỵ Trà Bồng. Theo những con đường xuyên rừng họ hòa vào những dòng người Cor từ các bản làng đang đổ chung vào một hướng. Từ xa họ đã trông thấy những lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới. Cả châu lỵ Trà Bồng như cùng bay lên nhảy múa với một rừng người Kinh, Thượng cười nói, quàng tay sát cánh bên nhau.

Đồn Trà Bồng đã sạch bóng giặc. Những thanh niên Kinh và Thượng nước da rám nắng, mặc quần áo bà ba, mang kiếm, súng đứng gác các ngã đường hoặc đi đi lại lại trong sân đồn, chuyện trò thân mật với nhân dân, kẻ ra người vào rộn ràng, tấp nập. Họ hớn hở reo mừng được gặp lại *ay* (1) làm một thanh niên Cor từ lâu bí mật bỏ làng ra đi biệt tăm, đề nay lại đang hoàng trở về tham gia chiến đấu giải phóng Trà Bồng trong hàng ngũ đội du kích Ba Tơ. Họ rủ nhau kéo đến gần *ay* Tân và tự hào bắt tay anh, một con chèo bẻo Cor từ ngày còn nhỏ đã sớm say sưa hát bài:

Tôi ghét con diều hâu độc ác

Tôi không thích con đọt bàng to xát

Càng không ưa con quạ đen to mồm hôi thối

Cũng không ưng làm con công xòe lông sặc sỡ

Tôi mong muốn được làm con chim nhỏ

Nhưng không sợ bất cứ một con chim nào lớn hơn..

Ay Võ Thứ vừa chỉ huy bộ phận du kích Ba Tơ chiến đấu giải phóng Trà Bồng là một người trẻ, đẹp trai, mặt rám nắng và chân không giày đi đi lại lại trong sân đồn nhắc nhở anh em du kích, bắt tay chào hỏi.

(1) Cậu, em, từ xưng hô thân mật.

nhân dân. Cụ Gia, cùng với cụ Bung, cụ Tài, cụ Hót, cụ Truom... dẫn đầu đoàn nghĩa quân hăm hở bước vào sân đồn. Mọi người tự giác nhường đường, nhường chỗ và nhiệt liệt vỗ tay đón chào. Các đoàn nam nữ thiếu niên đồng loạt chạy đến tặng họ nhiều cờ đỏ sao vàng. Anh Võ Thứ rời lần lượt từng người chỉ huy của đội du kích đều niềm nở, lễ phép chào cụ, và cả đoàn. Anh Bùi Anh, thay mặt Đảng bộ cộng sản và chính quyền cách mạng huyện Trà Bồng luôn đi sát bên cụ Gia, lễ độ, khiêm nhường như con trẻ đi với cha già sau nhiều năm xa cách. Từ đôi mắt của cụ Gia, đôi mắt tưởng như đã cạn khô tự bao giờ bỗng ánh một nụ cười dịu dàng, hiền hậu với những dòng nước trong veo chảy ròng xuống đôi má nhiều nếp nhăn, rung rung xúc động theo từng nhịp vỗ tay và tiếng hò reo, tiếng hò khẩu hiệu đội khắp trong ngoài đồn.

Những giọt nước mắt buồn vui lẫn lộn, những tiếng khóc than, những nụ cười, những giọt mồ hôi, những dòng máu nối tiếp nhau chảy mãi khắp núi rừng từ trước đến nay, trong giờ phút thiêng liêng này, như càng quyện vào nhau để trào ra từ trái tim của mọi người Việt Nam yêu nước.

Đối với cụ Gia, dường như chỉ trong nháy mắt, bao hy vọng ước mơ của cụ từ hàng chục năm nay bỗng dung biến thành hiện thực. Nào tiếng nhạc ngựa ngân vang của thần Sam Rạ, ánh sáng rực rỡ nhiều đêm liền trong động thờ Bà Linh. Mặt trời hồng soi sáng rất lâu trên hòn Thạch Bích, hươu nai kéo từng đàn về mùa lượn ở Mế Sơn, các hình ảnh trên cây nêu

thần cử động, cất cánh bay lên... Nào hàng trăm chuyện thần linh, hoang đường, bí ẩn đằng sau bốn tiếng nước xu nước thần, nào những ước mơ chân thành, chính đáng, những hy vọng thiết thực, bình thường của mỗi một người Cor đều như đang hiện hiện dưới lá cờ đỏ sao vàng. Từ những giờ phút đầu tiên được sống trong bầu không khí ấm cúng, chan hòa này với một tâm trạng bàng hoàng, dập dồn kỳ ức âm thanh trải qua bao cảnh đau, thương, buồn tiếc..., bao lần chính cụ Gia cũng chẳng biết cụ đang khóc hay đang cười. Chân cụ cứ bước, mắt cụ cứ nhìn, tai cụ cứ nghe và lắng lòng từ cơn tim cụ cứ tự nhiên trào ra, qua ánh mắt làn môi trong đường gân, thó thọt.

Cách đây gần hai mươi năm, khi còn làm phó mục (1), qua mấy lần vào bầu tên Pháp tại đồn này, cụ Gia đã khám phá ra cái lối cai trị tàn bạo xảo quyệt của nó và tưởng đã tìm được con đường để giải phóng cho dân tộc Cor. Mục đích duy nhất, thăm kín khi đành tạm thời bắt tay với giặc Pháp và Nam triều đã đạt, cụ liền xin thôi chức phó mục để bí mật đi tìm gặp những cà rá của các dân tộc anh em ở bắc Tây Nguyên, bàn nhau đoàn kết đứng lên chống Pháp. Việc sắp xếp mưu mẹo, tổ chức ra vụ lấy xu đi đổi «nước thần», ở Trà Bồng chẳng ai biết sâu bằng cụ. Làm được như thế phải vắt óc suy nghĩ tính toán, phải ly kỳ và nhip nhàng, phải thân hành

1) Như phó tổng ở đồng bằng.

đi bàn riêng với từng hạng người, từng lứa tuổi mới xây dựng được cho các dân tộc một lòng tin để đoàn kết và quyết tâm đứng lên. Họ tin ở « nước thần » thật. Riêng cụ, cụ tin ở lòng dũng cảm của truyền thống, ở tinh thần sẵn sàng hy sinh của dân tộc **Cor** nhiều hơn. Nhưng xương máu, và mồ hôi đã đổ tám năm liền mà cái đồn Trà Bồng vẫn không sao phá nổi. Thế mà hôm nay, bồng dung cụ lại đứng giữa sân đồn Trà Bồng rõ ràng đã giải phóng. Ước mơ của họ đã đạt được.

Cụ Gia nhớ cách đây vừa tám con trăng, bọn Tân Việt cử người lên tận chân **Cà Đam** mời cụ tham gia phong trào « chống Tây cứu nước » của chúng. Cụ hỏi :

— Lấy sức lực ở đâu mà chống ?

— Đại Nhật Bản trong Đại Đông Á của ta — Họ trả lời.

— Ta, ta là ai mới được chứ? Cụ cười gằn rồi tiếp — Nhật da vàng dấy nhưng cũng như Tây thôi.

Tên Tân Việt quen thói huyền thuyên dài dòng, đề rồi lúi thủi xuống núi, sau câu cuối cùng của cụ Gia :

— Việt Nam ta cũng có lắm hạng người, có nhiều kiểu thương dân thương nước. Nếu tin cách làm của các ông là đúng thì các ông cứ về mà làm đi.

Sau ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, bọn Tân Việt lại cho người mang lễ vật lên núi, huênh hoang « đại thắng lợi » và tha thiết mời cụ Gia về thị xã Quảng Ngãi tham gia chính quyền. Thêm một lần nữa cụ thẳng thừng từ chối. Cụ lại tiếp tục dồn công sức

vào còn đường cứu nước của mình mà chính cụ cũng cảm thấy nó bế tắc từ lâu. Hình ảnh từng người, từng gia đình trên đoạn đường tám năm bước theo cụ, dưới bóng ma nước xu nước thần, cứ hiện dần lên trong trí nhớ. Cụ khóc. Kể từ khi biết cầm ngọn giáo đến nay cụ chưa hề khóc. Kể từ khi tai cụ nghe súng « ông lớn Pháp » bắn bừa bãi vào núi rừng, mắt cụ phải nhìn thấy ngọn lửa đốt nhà của lính Tây, khổ đỏ, khổ xanh đến nay chưa một ai được nghe thấy cụ cười. Thế mà nay cụ lại cười.

Nước mắt và nụ cười của một cụ già trên tuổi tám mươi ấy tự nó đã vang lên ý nghĩa lịch sử thiêng liêng vô giá.

Trước mắt cụ, nhân dân Kinh Thượng kéo đến mỗi lúc một đông, mặt mày hớn hở. Thế theo yêu cầu của nhân dân, các cụ già tha thiết mời cụ nói chuyện cho dân nghe. Anh Tim giúp cụ bước lên một bụi gỗ cao ở giữa sân đồn. Những tràng vỗ tay kéo dài như pháo nổ. Cụ tươi cười, khẽ xoay người vẫy tay chào đồng bào khắp phía, rồi nói bằng tiếng Cor :

- Bà con Cor chúng tôi chống Pháp nhiều năm rồi mà chưa được gì. Nay ta đánh thắng bọn giặc Nhật, Pháp và bè lũ Nam triều. Thắng lợi này lớn lắm và chắc chắn sẽ đổi đời cho chúng ta. Từ nay, nương rẫy chẳng cần rào, tối ngủ chẳng phải gài cửa ngõ. Thế là sướng rồi. Siêng năng hơn, đoàn kết hơn, ta sẽ sướng hơn nhiều. Đồng bào vui lắm, tôi cũng rất vui.

Những tràng vỗ tay cứ ngắt quãng và kéo dài.

- Từ lâu ở trên núi cao, chúng tôi đã biết có cọng sắt mình dẫn đường chống Tây cứu nước. Chúng tôi

có đi gặp các đồng chí Nguyễn Công Phương, Nguyễn Chánh, Trần Lương, Lê Vỹ ... ở các trại tù an trí ở Ba Tơ, Gi Lăng, Trà Bồng, biết ở đồng bằng có Việt Minh, cộng sản minh lãnh đạo phong trào đang lên nên cố duy trì cho kỳ được phong trào chống Nhật, Tây trên đường rừng. Mười mấy nóc của chúng tôi vẫn «bất hợp pháp» cho đến hôm nay. Nhân dân Cor chúng tôi rất ủng hộ cộng sản, rất mong cộng sản lên.

Việt Nam đoàn kết, đoàn kết, đoàn kết!

Cụ cố hô to khẩu hiệu đoàn kết đến mấy lần bằng tiếng phổ thông và tiếng Cor. Từ rừng cờ đỏ sao vàng phát phới tung bay, trong những tràng những tràng vỗ tay như không bao giờ chịu ngừng, vang lên như sấm dậy :

- Việt Nam độc lập muôn năm !
- Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm !
- Kiên quyết ủng hộ mặt trận Việt Minh !
- Hy sinh vì Tổ quốc, hy sinh, hy sinh ... !

Mọi người đều tự động hò theo tiếng Kinh và bằng tiếng Cor. Đây là tiếng lòng của họ, của tất cả những ai có mặt, cứ đề nó tự do cất lên. Cụ Già đứng lặng hồi lâu, áp bàn tay vào ngực rồi vẫy chào mọi người, với nụ cười như đọng mãi trên môi và hai hàng mi mắt rung rung. Những tràng vỗ tay lại vang dội khắp trong, ngoài đồn. Cụ chỉ nói thế nhưng cụ đã nói được rất nhiều, rất sâu sắc, nhờ những âm thanh từ ngàn xưa vang dội lại, những hình ảnh từ thực tế hiện lên... Đứng vào giờ phút lịch sử thiêng liêng này nó càng có sức, cổ vũ, thúc giục mọi người.

Trong đời mỗi một người Cor chưa có một ngày nào đáng ghi nhớ và cần phải ghi nhớ đậm đà, sâu sắc bằng ngày hôm nay. Chỉ một thời gian ngắn, sau khi cướp chính quyền xong ở Trà Bồng (15-8-1945) và Cách mạng tháng Tám hoàn toàn thắng lợi trên cả nước, Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Trà Bồng được thành lập, chế độ cai trị của Pháp và Nam triều đều bị bãi bỏ. Chính quyền các cấp do nhân dân bầu ra từ những người hăng hái chống Pháp, chống Nhật, yêu nước thương dân nhất. Cụ Gia được bầu làm Chủ tịch huyện. Đồng chí Bùi Anh làm Phó Chủ tịch. Nhiều cán bộ, chiến sĩ, nghĩa quân được bầu vào chính quyền thôn xã. Nông dân, nam nữ thanh niên xung phong vào du kích bảo vệ xóm làng.

Theo chủ trương của chính quyền cách mạng, từng đoàn người rủ nhau đi thăm đất nước. Họ đi thăm đồng bằng thăm biển, thăm các thành phố, đi vào Bình Định, Phú Yên, ra đến Quảng Nam, đến Huế, đi thăm bộ đội, thăm nhà máy, đi bằng xe hơi, bằng xe lửa. Những chuyến đi xa núi rừng Trà Bồng dài ngày nhất của dân Cor, những chuyến đi thăm thân trong tình đoàn kết anh em giữa các dân tộc, đã giúp cho người dân Trà Bồng cũng như các dân tộc Tây Nguyên mở rộng tầm mắt, nhìn rõ cả đất nước Việt Nam bao la hùng vĩ, gọi họ nhớ lại những ngày lẻ loi đau khổ do chính sách chia rẽ của thực dân Pháp gây nên, đề cùng nhau xác định dứt khoát mục tiêu đoàn kết chống Pháp cứu nước. Thực tế cuộc sống trước đây đã đẩy họ đến chỗ hoài nghi tất cả. Nhưng giờ họ lại bắt đầu, một lòng tin mới, với con người, với đất nước, với từng bước họ đi, từng

giờ họ sống, một sức mạnh mới trong tinh đoàn kết toàn dân.

Giặc Pháp trở lại xâm lược đất nước. Theo lời kêu gọi của Bác Hồ, của Đảng, hàng trăm thanh niên Cor rời quê hương đi bộ đội. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, dân tộc Cor mở cửa nhà làng đón tiếp những người mang súng hết sức ân cần, và tích cực giúp đỡ những xường quân giới về đây làm súng đạn, góp phần tích cực vào chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cuộc kháng chiến mỗi năm một thêm thắng lợi, lòng tin của người Cor mỗi năm một thêm vững chắc. Họ cảm thấy con chim sip-blít từ đây không xếp cánh há mồm cầu khẩn nữa. Cũng như dân tộc Cor, nó ưỡn ngực, xòe cánh bay dưới bóng cờ đỏ sao vàng, ngày đêm đứng vững trên đầu nêu tế trời và lòng tin thần trời linh thiêng từ đây nhân dân Cor chỉ dành riêng cho Bác Hồ, cho Đảng.

Chín năm kháng chiến chống Pháp, Trà Bồng nằm sâu trong vùng tự do Liên khu V, không có bóng giặc. Nhân dân Trà Bồng đợc hoàn toàn miễn thuế nông nghiệp. Họ hăng hái sản xuất để cải thiện đời sống và đi dân công phục vụ chiến trường. Những phong tục tập quán lạc hậu đợc xóa bỏ dần. Họ bắt đầu trồng bắp, đậu, bí, dưa xen với lúa. Họ tích cực trồng quế. Họ ra Trà My xin giống mì gòn tốt cây, nhiều củ. Họ đi đồng bằng, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, kháng chiến và mua sắm. Cơ quan «Kinh--Thượng» (Kinh tế thượng du) cung cấp cho nhân dân những nông cụ và nhu yếu phẩm cần thiết. Muối, nay đã có dư thừa. Gạo lúa cấy mỗi năm một nhiều, ăn uống bắt đầu có tính toán, nạn đói triển miên sớm đợc chấm dứt. Các làng xây dựng lại nhà cửa theo đời sống mới trên những

ngọn đồi cao, quang đãng, nhiều quế, nhiều cau. Một số làng xã bắt đầu có trạm cứu thương, có lò rèn, có trường văn hóa. Cán bộ đi sát từng nóc giúp dân. Các đoàn bộ đội và những anh bộ đội Cor thỉnh thoảng đi phép về làng dạy cho các em ca hát, nhảy múa. Các bài ca điệu múa được truyền nhanh từ nóc này qua nóc khác, lời cuốn mọi người. Trên rẫy có đàn gió, dọc suối có đàn nước, cả Trà Bồng ngày đêm đều vang lên tiếng đàn, tiếng hát.

Đến năm 1950, xã nào cũng có chi bộ Đảng lãnh đạo, có chi đoàn thanh niên, có các đoàn thể nông dân, phụ nữ. Hai năm sau cùng của cuộc kháng chiến, khi nhân dân một số xã bước đầu học tập làm ruộng, khi phong trào học chữ đang đông, khi các đoàn bộ đội, dân công liên tiếp kéo nhau lên hướng Kon Tum để liên tiếp mang về nhiều tin thắng trận thì quân dân Trà Bồng được lệnh chuyển quân tập kết.

Theo chủ trương của Đảng và chính quyền cách mạng, các kho dự trữ lương thực: gạo, muối, vải, thuốc men, các kho nông cụ đều được phân phối cho dân. Các đoàn cán bộ, bộ đội chia nhau đến từng làng để tặng quà tạm biệt. Nhân dân Trà Bồng buồn vui lẫn lộn tiễn đưa những người tin mến nhất của mình và gần một trăm em nhỏ chuyển quân ra Bắc, để chúng thay mặt dân Cor sống bên Bắc Hồ, mặt trời mới của toàn đất nước. Họ dựng nêu lên và thề với nhau trước mặt trời: tuyệt đối trung thành, tin tưởng ở Bắc Hồ, ở Đảng.

Lời thề danh thếp ấy là kết tinh của bao đời chiến đấu, hy sinh và hy vọng của nhân dân, dân tộc Cor Trà Bồng.

V

LỬA HỒNG DƯỚI TRO

CUỐI năm 1954, đầu năm 1955.

Nhân dân Việt Nam ở miền Nam đã phải trải qua một thời kỳ lạ: hòa bình vừa giành được sau hàng chục năm liên tục chiến đấu, đề rồi phải tiễn đưa những người chiến thắng thân yêu của mình ra đi, tiếp đón quân thù bị thua quay trở lại và cuộc đấu tranh một mất một còn lại tiếp tục.

Không khí và ánh sáng bỗng như tan dần với các bước bàn giao theo lối «cuốn chiếu» của quân đội nhân dân và chính quyền cách mạng. Bóng đen của kẻ thù và một cuộc đảo lộn kỳ quái, theo gót giày của bọn chúng, từng đợt, ập bừa lên quê hương còn nóng hổi bao kỷ niệm. Sự đổi thay đột ngột bề ngoài, người thắng mở cửa để đón kẻ thua đề tạm biệt ra đi, tuy có được chuẩn bị tư tưởng nhưng vẫn bàng hoàng như trong một giấc mộng. Nhân dân Cơ cũng thế, nhưng trong họ, những giờ phút như vậy

nhanh chóng trôi qua. Thời gian để tính toán, suy nghĩ của họ cũng chẳng cần phải kéo dài như cách đây 50 năm, khi giặc Pháp mới đặt chân lên đất Trà Bồng.

Cũng núi rừng ấy, những người dân Cor đã từng từng đứng dậy đề canh giữ Trà Bồng yêu thương của họ. Không dễ gì có sự « đổi ngôi » trong lịch sử như quân thù mong muốn rêu rao. Cùng với nhân dân miền Nam, người Cor ở Trà Bồng đã trải qua 9 năm kháng chiến, đã có một sự thay đổi lớn lao về tầm vóc, một sự thay đổi diệu kỳ mà quân thù dù gian ngoan xảo quyệt đến đâu cũng không sao hiểu được và xóa nổi.

Con cọp dù cày có bốn chân, nanh dài, vuốt nhọn vẫn không thắng nổi con ốc khôn ngoan vừa lớn gan, vừa biết đoàn kết. Điều hâu không thể nào biến thành chèo béo (1). Người Cor đã thoát khỏi cái vỏ ốc nặng nề lở loi đơn độc - gần mười năm nay. Người Cor muốn đời vẫn là con chèo béo, một con chèo béo đang xòe rộng đôi cánh bay cao dưới ánh mặt trời. Và quân thù, muôn thuở, cũng chỉ là một lũ điều hâu tàn bạo, xảo quyệt.

Họ bình tĩnh đón chờ quân thù mang xác trở lại Trà Bồng với niềm tự tin của người thợ săn lành nghề với lòng tự hào kín đáo và tinh thần cảnh giác cao, của những người đã từng chiến đấu, chiến thắng.

Ngày 30 tháng 10 năm 1954, địch tiếp quản Trà Bồng và một số huyện phía bắc Quảng Ngãi. Chúng đến quận lỵ trong không khí buồn tanh, kéo theo bọn lưu manh hồng đục nước béo cò. Chúng giữ những

thủ đoạn phỉnh phờ, dụ dỗ, mua chuộc. Chúng nói xấu chính quyền cách mạng, vu khống trắng trợn những người cộng sản. Chúng hô hét chống cộng sản, ly khai Đảng, kêu gào «thiện chí» xây dựng «chính quyền cách mạng quốc gia». Nhưng từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1955, bọn chúng gồm hơn một đại đội lính ngự, hàng

(1) *Truyện dân gian Cor* : Cọp thách ọc chạy thi, bên thắng cuộc sẽ ăn thịt bên thua. Ốc nhận lời, giao ước chỉ chạy theo bờ suối. Cọp hí hửng chắc thắng, nhưng chạy đến đâu cũng thấy có ốc, bèn nổi khùng, bắt ốc bỏ vào mồm nhai ngấu nghiến. Ốc chui vào kẽ răng thò càng ra cắn. Cọp đau quá, nhảy bừa, mất sức, bèn nhờ heo rừng gỡ ốc hộ. Heo rừng theo lời dặn của ốc, bảo cọp há mồm rồi lấy cây đập gãy răng cọp. Cọp thua cuộc, tức tối bị làm mưu mẹo khôn ngoan của ốc, khóc lóc rồi lăn ra chết. Vì thế đến nay, lúc nào cọp cũng gầm gừ tức tối.

- Điều hâu thấy chèo bẻo được các loài chim thương yêu, kính phục, gần gũi nên muốn trở thành chèo bẻo để dễ kiếm ăn, bèn đi mượn lông của quạ, quạ tìm lời can ngăn, nhưng điều hâu một mực không nghe buộc quạ phải nộp đủ lông. Nhưng lông quạ thô và thối như lông điều hâu nên các loại chim sớm phát hiện cho chèo bẻo. Vì thế đến nay chèo bẻo đánh không thương tiếc điều hâu và quạ.

trăm cao bồi, linh kin vẫn lăn quăn với nhau tại quận lỵ, không giám lộ mặt «lên núi». Chúng chỉ lập được bảng danh sách đảng viên cộng sản và cán bộ Trà Bồng trong kháng chiến chống Pháp, bí hững tưởng đã nắm chắc trong tay chiếc chìa khóa của thắng lợi.

Cũng trong thời gian này, nhân dân từng làng tự quản lý đời sống của mình. Những cán bộ đảng viên ở lại tiếp tục, giải thích tình hình, giúp đỡ nhân dân sản xuất, học tập. Khẩu hiệu «không biết, không nghe, không thấy» được nhắc nhở nhau kỹ hơn. Các lớp học văn hóa được phân tán nhỏ lại để tránh con mắt của bọn gián điệp. Nhân dân Cor vẫn tiếp tục nếp sống kháng chiến bình thường của họ trong cảnh giặc và chờ đợi. Khi hòa bình lập lại, họ đã nhờ các bẫy đá, hầm chông chống Pháp, phát rộng thêm một số đường làng để tiễn đưa những người tập kết, để tiễn đi chuyển về xuôi các kho tàng cơ xưởng và cũng để tiễn cho việc đi lại, giao lưu hàng hóa với đồng bằng, cải thiện đời sống. Hàng ngàn người lớn và trẻ em tự nhiên đoàn tụ về đây trên đường ra miền Bắc. Nhân dân Trà Khê, Trà Quân, Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Nham tiếp đón nhân dân các dân tộc anh em từ Kon Tum xuống. Nhân dân Trà Giang, Trà Thủy, Trà Lân, Trà Nham tiếp đón nhân dân từ Quảng Nam, bắc Quảng Ngãi vào. Nhân dân Trà Bồng nhường nhà góp gạo để tiếp đón nhân dân các tỉnh, huyện bạn với lòng mến khách truyền thống của mình. Có gì ăn nấy thôi, nhưng cũng có cơm với thịt heo, thịt gà và rượu. Có gì biếu nấy thôi, nhưng mỗi người cũng được một gói lương khô, năm ba lon gạo, một nhúm hạt tiêu,

vài quả cam, chuối, một ống tre mật ong và một vài miếng quế nhiều dầu. Thanh niên bủa giăng màn lưới để bảo vệ an toàn khách đến, khách đi. Các em nhỏ Cor trở thành những chiến sĩ trinh sát, giao liên, thông tin, văn nghệ trên khắp các nẻo đường. Cả Trà Bồng no đầy tình cảm Bắc Nam trong kẻ ra đi, trong người ở lại. Chính trạng thái no nê tình cảm tạm thời này đã tạo ra cảnh đói thiếu tình cảm, cảnh khao khát độc lập tự do đến cháy lòng cháy ruột. Và như một bản năng sinh tồn của dân tộc, nhân dân Cor luôn nhanh chóng chiến thắng bản thân mình để vững vàng từng bước tiếp tục tiến lên. Trên thực tế, từ khi quân giặc tiếp quản Trà Bồng không còn hòa bình. Núi rừng Trà Bồng luôn làm bọn chúng hoang mang khiếp sợ. Chúng nổ súng cả ngày lẫn đêm để tự trấn tĩnh tinh thần, để uy hiếp đe dọa dân chúng. Dụ dỗ không được, chúng sẽ cũng phải dùng súng, dùng theo kiểu người Anh ở Mã Lai : « Một bàn tay sắt, một bàn tay nhung », vừa xoa vừa đánh. Chúng sẽ cướp sẽ đốt, sẽ giết có trọng điềm để tóm gọn « cộng sản nằm vùng », để bẹp toàn bộ sức phản kháng của bọn « mọi Trà Bồng » nổi tiếng cứng đầu, cứng cổ. Tiếp đó, chúng sẽ tung muối, vải, áo quần, thuốc men cho người lớn, bánh kẹo cho trẻ con, lập trung hết lại để tiến hành tày nã, « tở cộng », « tở dung » (những người dung túng, nuôi dưỡng cộng sản) tở chức lễ ly khai Đảng và cho đi « mò tôm » (bỏ vào bao bố, cột đá vớt xuống sông). Ngó mặt thẳng nào có « thiện chí quốc gia », chúng sẽ giao cho đưa làm « đại diện » đưa làm an ninh, đưa làm phụ tá, tổng cho mỗi đưa ít tiền, ít rượu ... Thế là hoàn thành cuộc « tảo thanh »

nhanh chóng lập lại an ninh, đưa dân chúng đi vào «phong trào cách mạng quốc gia». Nhiều lần chỉ trong mười hai tháng chúng sẽ xóa sạch toàn bộ vết tích của Việt Minh.

Chúng tính toán, chuẩn bị, duyệt đi duyệt lại chương trình, và chờ thượng lệnh. Cuối tháng 5 năm 1955, sau khi toàn bộ chính quyền kháng chiến và bộ đội Liên khu V chuyển quân tập kết, chúng chia thắng lợi về phía nhân dân, quảng cáo rùm beng cái «chiến dịch thượng du vận Phan Châu Trinh», mở hướng trọng điểm đầu tiên ở 5 xã miền núi bao quanh quận lỵ Trà Bồng: Trà Giang, Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Đông. Nhiều đơn vị lính ngự có cả lính Nùng, lính Thổ, một số Kitô giáo miền Bắc bị lừa phỉnh dụ dỗ di cư, và bọn *chỉ xẻng* Sơn Hà ðạt kéo nhau lên núi. Một số tội phạm hình sự chưa kịp cải tạo, những kẻ phản bội cùng với bọn lưu manh còn ðồ.. đi theo các toán lính ðề dẫn đường, dò la tin tức, làm phiên dịch, tố giác cán bộ, đảng viên phát niệm các kho tàng hầm hố vv... Cùng một lúc, chúng chặn các ngã đường, vây quanh các xã, rồi bí mật cho từng cánh quân vây chặt các làng, ðể lại các bộ phận nhỏ phục kích dọc các đường mòn, các lối kín làm ðơm bắt nốt những «Việt cộng» sống sót tẩu thoát, trong lúc đại bộ phận rúc vào các nhà lục soát, phá phách, cướp giật. Theo phương thức trên, chúng mở hết ðợt này, ðến ðợt khác, hết vùng này ðến vùng khác, cho ðến tháng 6 năm 1956, chúng tuyên bố kết thúc năm ðầu chiến dịch «Phan Châu Trinh» tại huyện Trà Bồng. Chúng kéo nhau về quận lỵ ðể ăn mừng «thắng lợi». Túi thắng nào cũng ðầy của rừng ðất giá, heo gà ăn uống phí phè, «chiến phẩm» nhiều

ngôn ngang đến nỗi không mang về hết. Còn đối với nhân dân Trà Bồng, cũng có thể nói đó là một thắng lợi. Họ đã làm đúng lời hứa, dám hy sinh, chịu đựng tất cả và đã bảo toàn trọn vẹn đảng viên, cán bộ của mình. Mười hai tháng ròng rã, sống trong khủng bố man rợ của quân thù, cũng là mười hai tháng thử thách lòng trung thành vô hạn của dân Cor với Bác Hồ, với Đảng. Làng, sóc nào cũng có người bị bắt bớ, đánh đập tra tấn một cách vô lý, cũng bị cướp bóc một cách trắng trợn. Những bó quế quý nhiều dầu mất sạch. Những rẫy quế già tốt đều bị đánh dấu là của cộng sản, trưng thu về cho «chính phủ quốc gia», không một người dân nào được đụng đến. Nhân dân Trà Bồng, máu trào lên mắt, vẫn kiên gan bám sát bọn chúng, chứng kiến những việc chúng làm, theo dõi bọn chúng từng cử chỉ, hành động để bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ. Họ giăng thành một lưới trinh sát dẫn đường, canh gác, bố phòng tiếp tế nuôi dưỡng cán bộ, đảng viên. Không một người dân nào khai báo với giặc nên không một cán bộ, đảng viên nào bị bắt hoặc bị giết.

Giặc buộc họ phải tố cộng, chống cộng, cho đủ các bước của cái «chiến dịch thượng du vận» của chúng. Họ đều nói :

- Vàng, chúng tôi sẽ tố chức, sẽ dự thật đông, sẽ tố thật mạnh những người cộng sản, cái miệng người Cor không bao giờ nói sai cái bụng người Cor bao giờ mà.

Quần giặc cứ ngỡ cái chiến thuật «tay sắt, tay nhung» của chúng đã có hiệu quả. Chúng xum xoe khen ngợi dân chúng và vỗ ngực tán tụng cái công lao chống

cộng của chúng. Chúng tỏ chức lễ «tổ cộng» thật long trọng. Dân đến dự rất đông. Họ biến những lễ «tổ cộng» do địch tỏ chức thành lễ kè công lao của Đảng, công khai và khôn khéo động viên nhau kiên quyết giữ trọn lời thề. Họ kè nào dân tộc Cor trước nay đói, nghèo, khổ cực, không muốn đi xa núi rừng Trà Bồng, thế mà Đảng bắt đi bộ đội cụ Hồ, đi du kích, đi dân công đến tận Kon Tum để đánh Pháp, đi tận miền Bắc để học khôn, nào Đảng bảo thi đua sản xuất, lúa rẫy đã nhiều mà còn bảo làm thêm lúa nước, bắp ăn không hết mà còn bảo trồng thêm mì, cau, quế, đã nhiều mà cứ bảo trồng thêm, nào người Cor trước đây chỉ tin có ma mà Đảng bảo phải bỏ dần mê tín, phải ăn ở vệ sinh, cắt tóc ngắn, phải biết tiết kiệm, lại còn phải học chữ, học hát nữa. Họ «tổ» đảng viên, cán bộ chịu khổ, có củ ăn củ, có rau ăn rau, giúp dân làm rẫy, dạy dân học hành, đi đêm về hôm, đi chen với con voi, con cọp vv... Họ kè lẽ hết sức chân thành, chất phác, vị bản tình, tâm hồn của họ chất phác, chân thành và vì hình ảnh của Đảng trải qua mười năm đã in đậm trong đời họ bằng những hành động và những con người cũng thật anh dũng can củ, chất phác, chân thành như họ. Họ «tổ» mạnh mẽ sôi nổi, liên tục, người tổ vừa nói vừa làm điếu bộ cho tăng phần hấp dẫn, người nghe chăm chú và nghiêm trang có lúc mỉm cười chua chát, có lúc uất ức căm thù, lắm lúc rờn rờn nước mắt, sụt sùi, nức nở, rồi sắc mặt mọi người đánh lại, mắt đỏ hoe, cái nhìn tóe lửa, đôi tay sờ soạn như tìm một vật gì để ai hiểu nổi.

Thật là một hiện tượng kỳ dị khi cùng đấu một trận quyết liệt, cả hai đối thủ đều tự cho mình là người chiến thắng.

Cần phải nói đến một mục tiêu quan trọng của chiến dịch «Phan Châu Trinh» là triết tiêu tận gốc chính quyền cách mạng đề thiết lập nên «chính quyền cách mạng quốc gia», và nhồi nhét vào đầu dân chúng «lý tưởng chính nghĩa quốc gia». Đề làm được chủ trương này, «bàn tay nhưng» đẫm máu của giặc đã tung ra nhiều bánh kẹo cho trẻ em, muối, vải, thuốc men cho người lớn. Cũng như toàn thể nhân dân miền Nam, người dân Cor rất cảnh giác.

Chúng nói cộng sản Việt Minh là độc đoán chuyên quyền, là không tự do dân chủ. Vâng, vâng, thế thì chúng phải tự do dân chủ hơn Việt Minh, thế thì tại sao chúng lại đánh đập, bắt bớ, cướp của, bắt heo, giết gà của dân, thế thì không được tự tiện chỉ định người nọ, người kia ra làm ông làng, ông xã mà phải đề cho nhân dân bầu. Chúng nói trong thời kỳ Việt Minh, kháng chiến chống Pháp, dân Cor chưa biết dân chủ, nay «Cách mạng quốc gia» cho tự do dân chủ có đồng ý không? «Có lắm chứ. Dân Cor đang đói, đang khát tự do, dân chủ, như cần không khí để thở, ánh sáng mặt trời để thấy đường đi», Lẽ tất nhiên, những kẻ tự xưng là dân chủ, tự do, đành phải đề cho nhân dân bầu cử công khai. Dầu sao đối với chúng vẫn là một cơ hội thuận lợi không ngờ. Còn đối với nhân dân, cuộc đấu tranh đã diễn ra đúng như kế hoạch đã bàn trước. Nhờ vậy, nếu không thể đưa những đảng viên «hợp pháp» đủ điều kiện bảo đảm an toàn, thì họ cũng cử được những người đáng tin cậy của làng vào chính quyền thôn xã.

Mùa thu 1955.

Một mùa thu âm dầm. Cùng với cả miền Nam núi rừng Trà Bồng bồi hồi nhớ thương bao anh chị em đồng chí của mình đã ra đi, chưa hẹn ngày về. Nơi đây những giọt sương vẫn long lanh như những giọt nước mắt trên các đồi mì, rẫy lúa xanh tươi mà họ đã trồng giúp dân. Đêm đêm, bèn bếp lửa hồng mọi người đều im lặng lắng tai, nghe ngóng. Đêm nào cũng vậy, những giọt nước mắt vẫn lăn tròn trên gò má các cụ già, tiếng nức nở bị cuốn đi trong tiếng gió thổi suối reo. Bỗng một đơn vị lớn tự xưng là «Tiểu đoàn cộng sản» xuất phát từ Trà My hành quân xuyên rừng đến quận lỵ Trà Bồng. Một số tên mặc quần áo xi ta, mang dép cao su, nhưng cứ nhìn điệu bộ chúng đi, nghe những lời chúng nói, nhìn những tàn thuốc chúng vứt nơi dọc đường, nhân dân Trà Bồng thừa biết chúng là ai. Chúng rúc bura vào các làng đề đòi nợ hồi kháng chiến và buộc dân phải mang thật nhiều quế ra trả cho chúng.

— Chính quyền kháng chiến đã xóa hết nợ cho chúng tôi rồi. Không còn nợ nần gì nữa. Không hẹn nhau mà nhân dân khắp nơi đều một câu trả lời. Quán thù nổ súng lung tung và hạ mức:

— Quế tốt không trả thì trả quế vườn cũng được.

Chỉ mỗi nóc anh Rinh phải nộp cho chúng gần ba tạ quế. Rồi chính anh Rinh còn nhận dẫn đường chúng đến núi Ông để tìm cộng sản. Hơn ba mươi thằng hơn hử đi theo anh Rinh. Nhưng đi mãi, đi mãi trèo hết núi non, đèo dốc gập ghềnh hiểm trở, chúng

mệt nhòai, trượt ngã liên tục mà người dẫn đường vẫn cứ hối đi mau. Chúng đánh anh Rinh chết ngất rồi nhanh chóng quay về. Chúng là toán cướp quế đầu tiên của cái « quân lực cộng hòa ».

Ngang qua xã Trà Xinh, chúng lại đòi số trâu gửi dân hồi kháng chiến. Ông Trương, anh Thơ và vợ, chị Nhị, chị Ái và chồng, anh Trương, cùng một số dân đã nhanh chóng lừa trâu vào núi. Số trâu được giữ nguyên và phân phối hết cho nhân dân các nóc. Tại xã Trà Phong, chúng chặt được một ít quế của xóm Cà Nhông, vội vàng bóc vỏ rồi giành giạt nhau, tất tưởi mang đi. Dọc đường chúng bắn chết nhiều heo gà, cướp một số lúa gạo của dân và bóc vỏ nhiều cây quế. Những hành động cướp phá trắng trợn này, tự nó đã vạch rõ mặt quân thù trước mắt nhân dân. Hồ sâu ngàn cách giữa nhân dân và quân thù càng thêm thăm thẳm. Nhân dân Trà Bồng càng hiểu rõ quân thù càng thấy rõ tình hình trước mắt. Một số người trước đây lừng khừng nay thực tế giác ngộ họ, đưa họ đến những hành động đấu tranh chống kẻ thù một cách gan góc ngoài sức tưởng tượng của chính họ. Những cây quế đang chảy máu và cả rừng quế, đang thiết tha kêu gọi họ đứng lên.



Tháng 3 năm 1956, giữa lúc phong trào đấu tranh đòi nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, tờ chức tổng tuyên cử tự do đang sôi sục khắp miền Nam và đang bị khủng bố đẫm máu ở khắp nơi, thì

bọn ngụy quyền Quảng Ngãi tổ chức một cuộc phổ trương vũ khí khá quy mô ở các quận lỵ miền tây của tỉnh. Chúng trắng trợn phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, chống cộng đến cùng. Chúng đang chuẩn bị « Bắc tiến ». Chúng phải khàn trương ồn định miền Nam với bất kỳ giá nào. Tên trưởng đoàn đặc biệt của tỉnh trưởng Quảng Ngãi oang oang trước 50 vị đại diện, phụ tá, công an các xã của Trà Bồng và dự rằng hẳn tha thiết kêu gọi các vị được « quốc gia » giao cho chức trách làm cha làm mẹ của dân, hãy tỏ « thiện chí quốc gia », phải ra tay « tố cộng, diệt cộng », phải lùng bắt hết bọn « cộng sản nằm vùng ». Đề làm được việc ấy, hẳn trình trọng tuyên bố, hãy chia nhỏ ra cho dễ trị, phân Trà Bồng ra thành bốn tổng với các tên Bồng Thủy, Bồng Sơn, Bồng Lam, Bồng Xuân và hẳn ra điều trang nghiêm giới thiệu ông Châu (1), một chánh tổng thời Pháp, làm quận trưởng, hẳn chỉ định các chánh tổng mới, và đề không quên tỏ ra dân chủ, hẳn đề nghị các vị đại diện, chánh tổng tự mình cử ra một vị quận phó Trà Bồng, « cứ cử tự do tùy sở thích ». Thế là tất cả nhất trí cử ông

(1) Làm chủ tịch xã thời kháng chiến chống Pháp, là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam do ta bố trí vào bộ máy chính quyền địch từ đầu, có con tập kết ra Bắc, sau vì bị lộ phải thôi việc, nhưng vẫn tích cực hoạt động chống giặc, lại nhiều lần bị giặc bắt giam tra tấn dã man, ra tù càng hăng say hoạt động đến ngày kiệt sức rồi mất vào tháng 9/1969.

Huệ (1), một nhân sĩ yêu nước có trình độ văn hóa cao nhất của dân tộc lúc bấy giờ, một đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

Đến giữa năm 1956, có thể xem như địch đã thiết lập được bộ máy chính quyền của chúng từ quận đến xã, ấp.

Và thực tế là, trong bộ máy « chính quyền quốc gia » phản động, triệt để chống cộng, giả nhân giả nghĩa ấy từ xã đến quận vẫn có những người đảng viên cộng sản do dân nhất trí bầu ra. Họ đã trải qua nhiều đêm dằn vặt, gay go. Vì dù không muốn, từ nay dân làng vẫn phải khúm núm gọi họ là « ông đại diện », « ngài phụ tá ». Rồi quân giặc sẽ ghi tên họ vào sổ cán bộ của chúng, mặc dù đã được đổi tên mới. Nhưng con cháu Cor về sau có biết được sự thật đau lòng này không? Họ sẽ đi báo cáo, đi họp với quân thù, dù chỉ là đóng kịch. Nhưng người ngoài vẫn cứ thấy, máy ảnh cứ chụp, báo chí cứ ghi, làm sao xóa lấp đi được. Bác Hồ ơi, chắc Bác hiểu rõ nỗi lòng của đảng viên, cán bộ dân Cor. Thề trước tấm ảnh nhỏ của Bác dù sống chết vẫn một lòng theo Đảng, quyết không quên công ơn trời biển của Bác.

(1) Vóc người khôi ngô, đẹp, khỏe, lao động, săn bắn, ca hát nhảy múa đều giỏi, trình độ văn hóa lớp 3, một nông cốt của nhân dân miền Tây Quảng Ngãi ủng hộ bộ đội du kích Ba Tơ từ ngày đầu thành lập, tham gia Việt Minh từ 3/1945, làm chủ tịch xã... rồi Phó chủ tịch Ủy Ban kháng chiến hành chánh huyện Trà Bồng trong kháng chiến - I, có con tập kết ra Bắc vẫn luôn hăng hái và khôn khéo hoạt động chống Mỹ, được nhân dân Thượng Kinh trong vùng hết lòng thương yêu tin tưởng, kính trọng đã chiến đấu anh hùng đến hơi thở cuối cùng.

VI

MUỐI CƯỜI RA NƯỚC MẮT

MỌI thắng lợi, dù nhỏ, vẫn thường đem lại niềm vui cho con người. Nhưng giờ đây với người Cor, chưa hẳn đã như vậy. Họ quen nói và làm trước sau như một, nhưng bây giờ đã phải tiếp thu phương thức đấu tranh mới, dùng mách khéo, lý lẽ, mặt giáp mặt đấu trí với quân thù. Vì vậy, sau mỗi lần đấu tranh thắng lợi, họ vẫn cảm thấy khó chịu trong lòng, ngứa ngáy trong gan. Nhưng còn có cách nào khác khi chèo bẻo đang phải tạm đậu chung cành với lũ điều hầu đáng ghét. Họ đã đạt được mục đích của các đợt đấu tranh, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại cho nhân dân, cho cách mạng. Họ cũng thấy rõ Bác Hồ và Đảng đã nâng đôi cánh chèo bẻo của họ lên thành đôi cánh đại bàng giữa phong ba bão táp nên càng cảm ơn, càng quý trọng tin tưởng. Chính những tình cảm chân thành, cung kính này đang tạo nên những dãn vật gay go, những thái độ phản đối nhiệt thành, những giọng hờn lầy, những tiếng nức nở đau thương buồn tủi, những lúc im lặng

nặng nề, những cuộc tranh cãi sôi nổi giữa nhân dân với cán bộ, đảng viên, giữa lớp trẻ với lớp già, giữa đàn bà với đàn ông, giữa các làng các xã suốt mấy tháng liền trước ngày bầu cử « tổng thống ». Đã đến bước này, người dân Cor thấy cần phải báo cáo thật với Đảng rằng họ không chung sống với giặc được nữa, họ không thề dối bụng, dối lòng họ được nữa. Chúng định bầu « tổng thống » là để chia cắt mãi mãi đất nước ta. Điều này dứt khoát không được, phải kiên quyết chống lại, nếu cần thì đổ máu đi thôi, nước Việt Nam là một. Bác Hồ đã dạy thế. Phải bỏ phiếu cho nó làm « tổng thống » ư? Người Cor nhất định không bỏ phiếu vì cái tay người Cor chỉ làm những việc cái bụng muốn, cái đầu tin. Lại còn đi quản lý bỏ phiếu để kiểm gạo, kiểm muối về nữa ư? Càng không thề được! Gạo, muối, vải, của bọn chúng chứa chấp biết bao nhiêu âm mưu ma quỷ. Từ bao lâu nay không có các thứ ấy dân Cor vẫn sống được và nếu cho đánh không muối, không gạo cũng đánh ngay tức khắc kia mà.

Thực tình vào những tháng nắng năm 1956, họ đã dứt bữa và lạt muối. Trước đây, chỉ sau hai năm đầu chiến tranh chống Pháp, muối thừa ăn và còn dự trữ rất nhiều, nạn đói đã gần chấm dứt. Bây giờ quân giặc trở lại chưa đầy hai năm, hai năm tay không phải đánh mãi với hàng ngàn cây súng, năm đầu nhớ thương bộ đội cụ Hồ chẳng ai buồn làm rẫy, năm thứ hai rú nhau làm rẫy thì giặc không cho, cỏ ăn dần hết lúa. Những bao muối Bác Hồ trọn tình nặng nghĩa, những kho muối của chính quyền kháng chiến gửi lại tặng dân để có đủ ăn chờ ngày thống nhất, dân Cor quý

báu trân trọng chưa dám dùng đến, đề phòng khi mưa gió ngất nghèo. Giờ quân thù đã thò bàn tay lên, mang muối chạy ngược về đồng bằng, về lại vùng biển, nơi mà trước kia anh chị em người Kinh, các anh bộ đội cụ Hồ đã đổ ra biết bao nhiêu công sức, mồ hôi và máu, để làm ra giữa bom đạn của Pháp rồi chuyển lưng nhau mang đến tận tay người Cor. Với hai bàn tay không, người Cor đã không giữ được bát muối của Bác Hồ, của Đảng. Nay cán bộ Đảng lại khuyên dân đi bỏ phiếu cho đồng đề đòi chúng phải trả gạo, muối cho nhiều người Cor! Thà chết đói, chết rét chứ không thể nào làm theo chủ trương ấy được!

Những tình cảm thiêng liêng của nhân dân đối với Bác, Đảng, lòng căm thù sâu sắc của nhân dân đối với bọn nguy quân, nguy quyền đã hết sức mạnh mẽ, không dễ gì thuyết phục. Thời gian giảng co, suy nghĩ đã kéo dài để chọn một quyết tâm : hoặc là kiên quyết tầy chay, nếu cần thì đổ máu, như ý kiến của đại đa số thanh niên các làng, hoặc là làm theo ý Đảng đã được tất cả đảng viên, cán bộ, và đồng đạo người già, người lớn tuổi đồng tình, ủng hộ. Lý lẽ, lợi hại ai nấy đều đã rõ, kế hoạch cũng đã trình bày tỉ mỉ chi li. Họ tranh luận nhiều đêm liền và cuối cùng họ nhất trí ra đi. Trai, gái các làng tình nguyện làm đoàn chim đầu đàn sẵn sàng xông vào những nơi khó khăn, trong mọi tình huống xấu nhất.

Đáng lẽ vào tháng 7 năm 1956, theo hiệp định Giơ-ne-vơ, nhân dân miền Nam tạm thời dưới sự kiểm soát của quân đội viễn chinh Pháp được tổ chức tổng tuyển cử để hòa bình thống nhất nước nhà. Nhưng đế quốc Mỹ đã hất cẳng Pháp, cần phải hất luôn tên Bảo Đại bù nhìn, tay sai của Pháp và hợp pháp hóa Ngô Đình

Diệm, tay sai của Mỹ, nên chúng bày trò bầu cử « tổng thống ». Có đi bầu hay không thì kết quả cũng đã được quyết định. « Con xanh bỏ giấy, con đỏ bỏ thùng » (1) đó là cái khẩu hiệu được chúng quảng cáo rùm beng từ lâu. Lẽ tất nhiên, nếu cần, chúng phải đi súng dương lê, phải có « bàn tay sắt, bàn tay nhung », để có đồng người bỏ phiếu chứng tỏ trong và ngoài nước thấy « chế độ cộng hòa » cũng được toàn dân ủng hộ. Do cái chiến thuật 2 bàn tay này, từ trong kế hoạch « thượng du vận Phan Châu Trinh », chúng đã cố tạo mọi điều kiện để « tắt thắp », bắt chấp cảm hờn, vượt qua thù oán. Chúng cũng thấy sự cần thiết phải tranh thủ lòng dân, phải nắm lấy dân. Và để nắm được dân, còn phải dùng sức mạnh của đồng đô-la và các « món hàng chiến lược ». Với nhân dân miền núi, chẳng cần phải nghiên cứu nhiều, chúng cũng biết ngay giá trị của muối, và đưa muối lên tầm hàng chiến lược quốc gia, lấy muối làm yếu tố chiến lược trong quốc sách chống cộng với các dân tộc Tây nguyên, qua muối phối hợp rập ràng cả hai « bàn tay sắt, bàn tay nhung ».

Chính vì thế, từ chiến dịch « thượng du vận », chúng đã nhắm thẳng vào muối, lợi dụng muối để cướp bóc cho đầy lòng tham không đáy của chúng, cho kiệt quệ đời sống của dân. Chúng sục sạo tìm muối, phá hủy hết muối, đồ muối xuống suối, trút muối xuống sông.

Thế mà giờ đây, trước ngày bầu cử « tổng thống » chúng lại rêu rao: « Ai đi bỏ phiếu sẽ được cấp một

1) Phiếu xanh cho Bảo Đại, phiếu đỏ cho Ngô Đình Diệm.

bát gạo trắng, một gói muối trắng». Mặc kệ, có trắng cũng đi, không trắng cũng đi, đi thật đông, để kiếm thêm gạo muối về có ăn trong mấy tháng mưa gió, để nói cho kẻ thù biết rằng nhân dân Cor phản đối cuộc bầu cử « tổng thống », nhân dân Cor chỉ biết, chỉ tin, chỉ muốn có Bác Hồ Chí Minh. Thế rồi họ đi đông, kéo hết cả làng cùng đi.

Những ngày cuối tháng 7 năm 1956, bộ mặt của quận lỵ Trà Bồng thay đổi hẳn. Cờ ba que song song với cờ Mỹ, kéo cao trên nóc các trụ sở quân đội, chính quyền và dán khắp các tường nhà, cửa ngõ, chuồng trâu, chuồng bò, lều chợ, cầu tiêu và các gốc cây dọc đường. Có cái dán đứng, có cái dán nghiêng, có cái dán chéo lên nhau, và chẳng biết bàn tay vụng về nào đã phết một lớp keo thối trên hai lá cờ, nên có cái tem hèm rách nát, lại phết cả vào mặt mày mình mẩy của hai vị ứng cử viên « tổng thống », có nơi dán lộn đầu xuống đất, có nhà lại quá cung kính mang dán vào chính giữa cửa chuồng tiêu. Lính tráng từ đâu kéo về đông nghịt, súng ống nai nịt trông khá chỉnh tề, rải ra vòng trong vòng ngoài quanh quận lỵ, thành nhiều tuyến canh giữ các ngã đường từ ven chân núi đến tận cầu Bà Lành. Quan các thùng, các giỏ phiếu, lính càng nhiều, lưỡi lê sáng ngời đầu súng. Các ngài chỉ huy, súng ngắn sẽ xuống dưới hông, giày da lộp cộp trên đá, mình lác qua lác lại ra điệu của các ngài cổ vấn Huế Kỳ. Khác hẳn mọi ngày, hôm nay quan lính đều chào hỏi nhân dân và dặn một câu hết sức trang nghiêm gần như một lời đe dọa: « Con xanh bỏ giỏ, con đỏ bỏ thùng, nhớ chưa ? »

Còn các nhà chức trách thì khăn đen áo dài theo kiểu Ngô Chí khi (1) hiện thời, đi lại lẳng xăng, khúm núm trước các ngài đại diện tinh đường nhưng cũng tỏ vẻ đàng hoàng, bề vệ trước mắt nhân dân. Quan lính nói gà nói vịt một chặp rồi trợn tròn con mắt, nhìn sát mặt từng người nhắc lại « Con xanh bỏ giỏ, con đỏ bỏ thùng, nhớ chưa ? ».

Các đoàn dân Cờ từ nhiều hướng im lặng kéo đến rồi đều lần lượt dừng lại ở bên chân núi. Các bà mẹ ôm chặt con vào lòng. Thanh niên thăm dò thái độ nhau bằng mắt. Người lớn thấy lạnh lạnh trong người, sắc mặt có phần thay đổi. Các cụ già vẫn đi lại điềm tỉnh nhưng giọng nói có hơi run. Riêng các cô gái vẫn tươi cười như chơi. Bọn lính lấn nhau đồ đờn về phía các cô, mặt mày đũa nào cũng ra điệu hiền lành, tươi tỉnh. Rồi bỗng nhiên đổi bên to tiếng, giăng cò, lộn xộn. Lúc đầu một vài chỗ, rồi năm sáu chỗ nổi lên, rồi hầu như mọi chỗ có đám lính bên đám con gái đều trở thành hỗn loạn. Làng vạn người nhốn nháo. Trẻ con khóc thét lên. Bọn con trai chạy đi chạy lại như thoi, đề đưa tin, truyền lệnh. Đàn bà la ré ồn ào. Đàn ông sắc mặt hậm hực, cũng la ó rộn ràng, đi lại lung tung. Ai yếu bóng vía mới nghe, mới nhìn đã phát sợ. Các cụ già, các cán bộ xã, nghiêm khắc lên tiếng phản đối chỉ huy cho lính chọc ghẹo con gái, vì phạm đến phong tục dân tộc và đòi phải đưa lính đi xa, nếu không tất cả sẽ quay lưng về làng, nhất định không

(1) « Ngô chí sĩ » thường bị nhân dân nói trại thành « Ngô chí khi »

đi bỏ phiếu. Tia này bay nhanh về quận lỵ. Đồng bào Kinh cũng phấn uất, xông xao, lên tiếng yêu cầu các viên chỉ huy, các ông quận trưởng, quận phó phải can thiệp ngay đề sớm bước vào nghi lễ. Tình thế thật cấp bách và khó xử. Quận trưởng Châu, quận phó Huệ lập tức bàn với viên thiếu tá chỉ huy và xin ý kiến của các ngài trong phái đoàn đại diện tỉnh đường. Cuộc bàn luận khá gay go nhưng vì thể diện của chế độ « quốc gia », vì sự có mặt của các ông làm phim, làm báo nên cũng phải đi đến thống nhất nhanh về cách giải quyết. Đoàn đại biểu dân Cor đòi rút lính đi hết đề bảo đảm cho nhân dân được tự do, dân chủ. Các viên chỉ huy đồng ý sẽ trưng trị những tên lính ghẹo gái, sẽ giảm bớt số lính đứng giữ an ninh dọc đường nhưng phải giữ nguyên số canh gác sát quận lỵ và số kiểm tra các phòng phiếu đề hướng dẫn nhân dân bầu cử, nhận gạo, muối thưởng. Ý kiến này ông chính quyền quận lại khác: cứ đề lính dọc đường lo giữ trật tự trị an, đàn áp những kẻ phá rối, dận dò nhân dân cách bỏ cho đúng ý định của thượng cấp, nhưng cần phải rút hết số lính canh gác, kiểm tra các thùng phiếu đề bảo đảm cho dân được tự do lựa chọn và tránh những cuộc ẩu đả lộn xộn giữa phòng phiếu. Và lại cái khẩu hiệu « con xanh bỏ giỏ, con đỏ bỏ thùng » ai nấy đều thuộc lòng rồi thì còn lăm lăm sao được. Phái đoàn đại diện tỉnh đường tán thành ý kiến của các ngài quận trưởng, quận phó. Các viên chỉ huy, cuối cùng cũng gật đầu khen ông Huệ, ông Châu khôn ngoan.

Với câu phù chú « con xanh bỏ giỏ con đỏ bỏ thùng » thọc sâu vào trí óc của dân Cor, bằng lưỡi lê

và muối, bọn địch tưởng đã chinh phục một cách dễ dàng tim óc của người dân Trà Bồng. Nhưng chúng đã lầm. Đối với nhân dân Trà Bồng và những đảng viên, cán bộ có nhiệm vụ trực tiếp trong cuộc đấu tranh mới mẻ này, cái trở ngại lớn nhất, nguy hiểm nhất là màng lưới an ninh dày đặc của quân thù, đặc biệt là chung quanh các thùng phiếu. Phải khôn khéo gây sự, kiên quyết đấu tranh, có tình, có lý, lúc cứng lúc mềm hiệp đồng chặt chẽ với người Kinh tại quận lỵ, nhanh chóng phối hợp, trao đổi chủ trương từng lúc giữa những đảng viên đã lồng vào trong bộ máy chính quyền của giặc, phải làm sao xóa sạch hết mọi sự kiểm tra, khống chế của giặc mới bảo đảm bước đầu cho thắng lợi. Đến đây họ đã giành thắng lợi bước đầu, bước quyết định nhất. Số người đồng đảo ngoài tưởng tượng của họ vừa mới gây lý thú cho quân thù bỗng trở thành một sức mạnh áp đảo đầy hiệu lực buộc chúng phải nhân nhượng. Nếu những lý lẽ về phong tục tập quán của họ cách đây vài tháng trong « chiến dịch thượng du vận Phan Chu Trinh » chẳng được quân thù chấp nhận, thì nay, trước cái danh dự giả tạo của chế độ bù nhìn, chúng phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Họ lần lượt gây sự, đấu tranh và đuổi khỏi các phòng phiếu những tên an-ninh ngoan cố cuối cùng. Thế rồi họ tấp nập, hớn hử bước vào các phòng phiếu, vò nát cả « con xanh » lẫn « con đỏ » tự do bỏ giấy hay bỏ thùng. Có người rút từ trong léc ra những lá phiếu viết sẵn tên Hồ Chí Minh và những khẩu hiệu đả đảo cuộc bầu cử, đả đảo Mỹ Diệm. Họ mang được hàng ngàn cân gạo, muối về núi rừng.

Họ đã thắng lợi trên nhiều mặt. Phần quân địch đã đổ ra bao nhiêu mưu đồ, công sức nhưng khi mở thùng mở giỏ ra, chúng hấp tấp đóng kín ngay trở lại, hết sức cay cú và kinh ngạc. Chúng lại vắt óc suy nghĩ, dấn sâu thêm vào con đường phục thù điên cuồng và man rợ.

VII

QUẾ CHÁY MÁU

NẾU thiên nhiên đã ưu đãi đặc biệt cho Trà Bồng, cây quế thì đáp lại, dân tộc Cor Trà Bồng cũng giành cho cây quế nhiều tình cảm cao quý của mình. Có người dân Cor nào, trong cuộc đời của mình lại không có những kỷ niệm êm đềm bên cây quế. Quế đối với làng nóc dân Cor như tre đối với xóm làng dân Kinh. Nếu thời xa xưa, theo truyền thuyết, tre đã giúp ông Dóng đánh tan giặc Ân để cứu dân cứu nước, thì ở núi rừng, quế đã tự mọc lên để cứu sống người Cor cuối cùng để trở thành thủy tổ của người Cor Trà Bồng ngày nay. Theo dấu người xưa, tre đã bao lần ra quân đánh giặc, quế đã bao lần cứu vớt dân Cor qua những cơn hoạn nạn hiểm nghèo. Cha mẹ suốt đời lam lũ vẫn cố trồng thêm quế, vẫn cố nhịn ăn để dành nhiều quế tốt cho con. Các con khi biết cầm rựa chặt rẫy, phát rẫy phải lo ươm quế, trồng quế, vun xới trông nom chăm sóc quế để rồi tập luyện tình tự ca hát, nhảy múa, vui chơi dưới bóng

mát trong hương thơm của quế. Ông, bà đến tuổi gần đất xa trời vẫn gắng trồng quế để chia thêm cho các cháu. Quế đã được chia cho ai thì vĩnh viễn thuộc quyền sở hữu của người ấy, dù quế đứng giữa rừng xanh hay đứng chen chung rẫy làng khác, quế ấy vẫn thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Quế được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, quế sống mãi và luôn mang theo trong nhựa sống của mình lòng thương yêu, kính cần của các thế hệ Cor với nhau. Qua bao thế kỷ, quế hết lòng với người Cor nên người Cor trồng quế, thương yêu quế, mặc nhiên thừa nhận cây quế tượng trưng cho tinh thần đoàn kết, bác ái, truyền thống của dân tộc, cho đạo đức thanh bạch của người quân tử, cho sức sống dồi dào của loài người trước thiên nhiên muôn màu muôn vẻ — khác nào các nhà nho ca ngợi đạo lý ấy qua cây trúc, cây tùng.

Song dưới con mắt của chế độ « Việt Nam cộng hòa », quế chỉ là quế, quế là đồ la. Nếu trong lịch sử thế giới đã có những cuộc « chiến tranh nha phiến », « chiến tranh hồ tiêu » thì ở miền Nam Việt Nam, trên mảnh đất Trà Bồng, từ năm 1956 đã diễn ra cuộc chiến tàn khốc, một chiều vì quế. Từ cuối năm 1956, một thời gian sau khi đoàn « thương du vận Phan Chu Trinh » trở về, chính quyền Sài Gòn cũng như bọn cầm đầu ngụy quyền Quảng Ngãi liên tiếp hạ nhiều thống tri, chỉ thị quy định việc khai thác nguồn quế ở Trà Bồng. Đầu năm 1957, vợ chồng Ngô Đình Nhu cùng bọn tùy tùng các cấp đến tận xã Trà Thanh để trực tiếp kiểm tra nguồn quế. Từ đây toàn bộ quế phải ưu tiên bán cho « Bà Trần Lệ Xuân, đệ nhất phu nhân » và chỉ được bán cho « Bà », « Bà »



Đồng chí **TRƯƠNG NGỌC KHANG**, dân tộc Cor,
một trong những đồng chí chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

độc quyền xuất cảng quế. Xe chở quế của « Bà » mang nhãn hiệu đặc biệt được quyền bắt tất cả các xe khác. Kề cả xe nhà binh phải nhường đường, dù cố tình hay vô ý cán chết bất kỳ ai trên đường vẫn hoàn toàn không tội và thậm chí người bị tai nạn không chịu phạt bồi thường vàng lượng, bạc cân thì phải vào tù vì tội đã cố tình gây chập trễ hành trình chuyên quế ngoại thương của « Bà lớn » của « nhà đương cục ». Chẳng một ai dám cạnh tranh với « Bà » vì không những sẽ sạt nghiệp mà còn có cơ mất mạng. Quế, người bạn lâu đời tận tình tận nghĩa của nhân dân Cor đã trở thành nguồn kinh doanh độc quyền của gia đình Ngô — Trần và bọn chính quyền tay sai quận, tỉnh, là một trong những nguyên nhân đưa đến việc khủng bố, cướp phá ác liệt từ năm 1956 về sau, trên khắp núi rừng Trà Bồng rồi lan nhanh ra các huyện miền tây Quảng Ngãi, tràn sang huyện Trà My của Quảng Nam.

Ngay từ đầu năm 1957, cùng với chuyến « công cán đặc biệt » của « ông bà cố vấn », bọn lính hùng hổ kéo lên Trà Bồng. Chúng chia làm nhiều cánh, đi thành từng đợt, trú lại từng vùng, nổ súng lung tung. Các cuộc lùng ráp dữ dội, đồng thời với các đợt « tố cộng » dai dẳng ác liệt bắt đầu. Phải đắp đường cho lính đi. Lính đến đâu, đồn bót trải ra đến đó. Đồn bót ở đâu, các trụ sở chính quyền, các trại quế dựng lên cạnh đó. Bao trùm lên toàn bộ những biến đổi trên là một bầu không khí ngột ngạt, tiếng súng hòa trong tiếng kêu la rên xiết, tiếng hò hét hống hách hòa trong tiếng xăm xi uất hận, tiếng cười giỡn dâm ô man rợ chen lẫn với tiếng khóc đau thương, mùi thuốc súng, mùi quế lẫn

lộn với mùi máu mỡ hôi và nước mắt. Như cả miền Nam lúc ấy, dân Cor Trà Bồng phải đương đầu với một kẻ thù được trang bị đến tận răng, tận bạo và tham lam phải chịu đựng rất nhiều đau thương tang tóc không phải chỉ vì cái tội đã lỡ để ra và lớn lên ở giữa Trà Bồng lắm quế. Bọn địch ngang nhiên khoanh vùng, đóng cọc, treo các biển cấm, dính vào quế các bản niêm yết có in cờ ba que: « Quế này trước đây là của Việt cộng, từ nay thuộc quyền quốc gia ». Trước kia người Cor từng biết bọn chủ đồn điền Tây biến máu của người Việt Nam ra mù cao su để đem về nước Pháp, thì ngày nay, trước việc làm, lời nói của kẻ địch, càng thấy rõ mối hiểm họa diệt vong của loài quế và của cả người Cor. Chúng sẽ bóc da của người Cor như chúng lột vỏ quế vậy. Chúng sẽ vét đến tận tủy tận xương của người Cor như chúng sẽ vét tận cành, tận rễ của cây quế để đem về Sài Gòn rồi đem đi Hồng Kông, Luân Đôn, Nữ Ước. Tiếp sau Ngô Đình Nhu Trần Lệ Xuân, một phái đoàn Mỹ mò đến Trà Bồng rồi lên Trà Thanh, Trà Sơn « Một phái đoàn hòa bình Mỹ ». Không. Đó là một phái đoàn Mỹ tìm quế! người dân Cor Trà Bồng không thể hiểu lắm được.

Trước mắt họ, cái cảnh làm xâu khô nhục thời Pháp nay đã tái diễn, dài ngày hơn, chửi bới roi vọt nhiều hơn và thúc ép cưỡng bức nặng hơn. Trước mắt họ, cũng những thằng cai, thằng đội, thằng linh, lúc nào cũng có thể chửi rủa đánh đập bất kỳ trẻ, già, trai, gái, cũng những tiếng « mọi », tiếng « cu-li » tiếng giày đinh lộp cộp, tiếng lưỡi lê lác các bên đầu súng tiếng roi đánh trót vào da thịt. Khác trước may ra chỉ còn

vài tiếng nổ, c-kê, next (1). Toàn bộ quế Trà Bồng đã bị chúng đóng dấu là của Việt cộng, là vết tích còn lại của thời Việt Minh. Do đó, cứ theo pháp lý «chính nghĩa quốc gia» mà suy thì toàn bộ nhân dân Trà Bồng đều «thiên cộng», đều là «thượng cộng». Đã là cộng sản thì dù thượng hay hạ đều phải diệt như diệt cỏ. Nhưng vì «Ngô Tổng thống tri âm ông bang tá Đào nên không cho làm cỏ bọn «mọi trâu» mà chỉ hắt làm xâu thối (2) Thế là lưới lè đi vào hồng dân Cor buộc phải đi lam xâu hết đợt này đến đợt khác để khỏi bị

(1) Một số tiếng Anh có nghĩa là không, được, Việt cộng.

(2) Trong cách mạng tháng Tám, Ngô Đình Diệm bị bắt tại Quảng Ngãi. Sau thời gian tạm giam tại nhà tù Thao thuộc thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh chuyển lên giữ tại nhà ông Đào ở Trà Bồng. Sau đó thực hiện chính sách khoan hồng của Hồ Chủ Tịch, Ngô Đình Diệm được tha. Cụ Phan Xích nguyên chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh sau cách mạng tháng Tám kể lại. Khi lên ngôi Tổng thống, Diệm tôn Đào lên bậc đại nhân của mình, mời Đào vào Sài Gòn tiếp đón trọng thể, nể nang và thuyết phục vào làm quan cận thần cho nó. Đào từ chối về lại Trà Bồng. Trong nhà Đào treo ảnh Hồ Chủ Tịch dưới cờ đỏ sao vàng đối diện với ảnh Ngô Đình Diệm dưới cờ 3 que. Bọn bù nhìn tinh, quận nhiều lần đích thân đến yêu cầu Đào cất ảnh Bác và quốc kỳ ta, định làm khó dễ với Đào. Đào điềm nhiên trả lời «Hồ Chủ Tịch là bạn và là thầy tôi. Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng là bạn và thầy, đao bằng hữu phải thế». Cây thế đại ân nhân của Diệm. Đào cự tuyệt, bọn tay sai các cấp không làm gì nổi.

quán cộng hòa làm cỏ. Hết làm đường đến làm đồn. Đồn làm chưa xong phải làm trụ sở chính quyền tổng, vừa phải làm trại quế. Những dãy nhà dài nối mái nhau đề che nắng che mưa cho lũ người bóc quế. Những dãy nhà kho to lớn, có sàn vững chắc để chứa quế-chứa máu xương của người Cor. Chúng bắt người Cor tự đào huyết chôn mình. Trước mặt, sau lưng, toàn là lưỡi lê và nòng súng. Dân Cor với bàn tay không đành phải cắn răng đi làm. Đêm đêm họ nhìn về phương Bắc, đợi chờ, mớ than hồng dưới bếp tro thời gian càng nóng, càng nóng. Trong lúc ấy, các con đường mới cứ hò dài xa mãi như một bầy rắn độc. Mười ba cái đồn lớn: Nà Nêu, Trà Cú, Làng Ngải, Trà Xinh, Trà Khê, Trà Lạnh, Đá Líp, Eo Reo, Eo Chim, Nước Vọt, Tầm Rung, Con Lãng, Tà Lạt, như mười ba cái miệng rắn lúc nào cũng há hốc, đề sẵn sàng nuốt chửng cuộc sống của dân Trà Bồng. Một loạt bát canh rải khắp các nẻo đường, bám dày quanh các đồn lính, các trụ sở ngục quyền, chằng chịt như những sợi dây rịt các trại quế cứ nối rộng mãi ra, ngọam hết rẫy quế này đến rẫy quế khác. Chỉ tính riêng một trại quế ở Đá Líp chúng phải thương xuyên dùng một tiểu đoàn lính và hàng mấy trăm nhân công để hạ quế, bóc quế và phơi, cất quế. Giữa lúc nhân dân các làng bị lừa đi làm xấu thì các đoàn lính, đoàn người cũng liên tiếp kéo lên, hi hục mang quế xuống núi. mỗi ngày một thêm đông.

Chỉ mới năm đầu, những rẫy quế lâu năm của ông bà để lại đã bị chúng bóc sạch. Tính từ giữa năm 1957 đến giữa năm 1958, chúng đã cướp không của Trà Bồng trên 3 triệu cây quế trên mười tuổi. Bọn thương

lái thực chất là gián điệp, bọn phòng nhì đóng vai thương lái được gió phát cờ, hoành hành lòng lợi khắp làng đề vơ vét, đòi chác, dò la tin tức. Bọn lính «thượng du vận» nằm làng đề thực hiện «ba cùng» với nhân dân, tha hồ xúc gạo, bắn giết heo gà và giành giật với nhau những bó quế đất tiền. Bọn «công an vụ» cùng bọn «xây dựng miền núi», có hàng chục lính mang súng theo hộ tống, kéo nhau đi rảo từng nóc, từng vùng đề điều tra dân số, lập danh sách từng làng, chụp ảnh làm thẻ căn cước, bán ảnh Ngô Đình Diệm. Tất cả đều lính bằng quế. Một ảnh Ngô Tổng Thống một yển quế. Chụp một tấm hình một yển quế. Làm một thẻ căn cước, một yển quế. Đồn trưởng ký tên, một yển quế. Phụ tá đóng dấu, một yển quế. Phạt vạ, đòi chác, đều toàn bằng quế. Tất cả bằng quế và hình như đối với bọn chúng quế là tất cả.

Mặt trời lặn rồi lại mọc. Nước chảy mãi về xuôi mà lòng suối vẫn đầy. Còn các rẫy quế yêu thương thì cứ tiêu biến đi đâu. Rẫy không làm được. Heo gà không nuôi nổi và cũng chẳng muốn nuôi. Một số gia đình các xã Trà Thanh, Trà Hiệp, Trà Nham, bỏ làng bồng bế nhau lên các xã Trà Xinh, Trà Khê, Trà Phong đề lần hồi chạy bữa. Một số gia đình nhẩn nhục bám làng bám rẫy thì phải đi đào củ rừng, trở lại những ngày đen tối dưới thời thuộc Pháp.

Tuy thế, Trà Bồng còn dân tộc Cor, Trà Bồng nhất định phải còn cây quế. Họ lại ương giống, dọn rẫy, trồng quế và nâng niu vun xới những mầm quế non trong các rẫy quế già tiêu điều tro trụi. Xin chó ai động đến những mầm quế non triu mển này. Nó là mầm hy

vọng vào một ngày mai tươi sáng, là sức mạnh của niềm tin thiêng liêng ở Bác Hồ, ở Đảng, là sức sống bất diệt của dân tộc Cor.

* *
*

Những toán lính đồn cùng với bọn công an mặt vụ cảnh sát, phòng nhì vẫn thường xuyên lùng lội, cướp phá, bắn giết một cách vô tội vạ. Chúng có quyền nghi tất cả và bắt tất cả. Những ai mặc quần, áo, cắt tóc ngắn, mặt mày lanh lợi đều bị nghi là «thượng cộng» và đều bị bắt đem về đồn để tra cứu. Những ai đi sớm về tối, đi lẻ trên đường trên rẫy đều bị nghi là tiếp tế cho cộng sản nằm vùng và bị chúng xả súng bắn bừa không cần phải hỏi. Ở Trà Sơn, chúng bắn gục sáu người dân vì đã cười giữa lúc chúng đang «tri ân Ngô Tổng thống». Làng xã nào cũng có người bị thương, bị chết hết sức oan ức.

Trong lúc ấy, bọn «xây dựng thượng du vận», lục soát, kiểm tra các gùi giỏ, ngõ ngách để khai tìm tài liệu cộng sản. Chúng tịch thu cung, nỏ, dao mác, tịch thu cả bát dĩa, chăn, chiếu, «vết tích còn lại của thời Việt Minh cộng sản». Chúng lên lút dòm ngó, lội dần vào các đường mòn, ngõ hẻm để tìm nhà bí mật. Ban ngày không được mang cơm ra rẫy «để tiếp tế cho Việt cộng». Ban đêm không được đốt lửa «để làm dấu cho Việt cộng». Đêm cũng như ngày, không được la hú lớn tiếng để «ra hiệu cho Việt cộng». Không được đi thăm giữa làng nọ, làng kia, không được chứa người quen trong nhà, không được mang của cải trong nhà ra núi, để «báo tin, liên lạc với Việt cộng». Không được

tụ họp quá 4 người trong nhà, 5 người trên rẫy «đề bàn chuyện chống lại quốc gia, tiếp tay cho cộng sản»... Trời Trà Bồng vẫn cao xanh lồng lộng, gió Trà Bồng vẫn chuyền mây, chuyền nước cho núi rừng, sông suối. Người dân Trà Bồng, ngày ngày nhìn đàn chim chèo bẻo vun vút liệng đuôi trên trời cao, mà càng cảm thấy ngọt ngọt như sắp tắt thở.

Không phải bỗng dưng, nhân dân Cơ Trà Bồng – cũng như nhiều dân tộc anh em trên Tây nguyên hùng vĩ – ca ngợi, yêu mến chim chèo bẻo, ham thích cuộc sống của chim chèo bẻo, và mong muốn bản thân mình, con cháu mình được sống như chim chèo bẻo.

Chim chèo bẻo thích đậu trên những cành cao mềm mại, nhất là những ngọn tre thưa lá, sáng choang ánh nắng mặt trời, đu đưa lên xuống dịu dàng theo từng cơn gió thổi. Khi đôi chân thon thon sắc cạnh của nó bám chắc lấy cành, đôi cánh đen óng ánh gọn gàng của nó nhanh chóng xếp lại bên mình, nó ngừng đầu nhìn bao quát cả bầu trời bao la, lúc nào cũng bình tĩnh như một người chỉ huy xem xét trận địa. Nó yên lặng ngẫm nghĩ rồi cất cánh vút một đường thẳng qua một cành cây khác. Nó lắng tai nghe đàn chim vẫn công với thân hình nhỏ nhắn, dịu dàng, với những bộ cánh mịn màng, màu sắc duyên dáng. Đầu mang phướn óng ánh như nhung đuôi xòe ra hai giải lông, dài mềm mại như các giải lụa của các cô gái trong ngày hội lễ, miệng kêu riu ra riu rít, chân thoăn thoắt chiyền cành, nhảy dấn lên gần nó. Nó cúi, xuống, nhìn đàn sừu chắc chắn, nhỏ nhỏ như muốn khuyên : các bạn vẫn công yêu đời ơi, hãy cố gắng tý nữa, lên đây. Rồi nó tung mình bay vút lên trời cao

chao nhẹ đôi cánh, chuyền mình theo những đường vòng rất gấp cho vòng bay lên xuống nhanh chóng theo đường sóng lượn, sà thấp và hẹp vòng dân quanh đoàn văn công đang rộn ràng bay lên lưng chừng bụi rậm. Trong trường hợp này, chèo bẻo mới vui lòng đậu thấp và cũng chỉ trong trường hợp này đoàn văn công mới dám lên cao, để kiếm được nhiều sâu đủ no đề ca mùa hết ngày. Chèo bẻo đứng đó, hiền từ và vui vẻ, giữa đoàn văn công yêu điệu duyên dáng, mạnh bạo hơn mùa lượn thêm phần uyên chuyền rộn ràng hơn. Chèo bẻo lại bay lên để quan sát tình hình. Đoàn văn công nhanh chóng chuyền dần vào giữa bụi cây rậm cành rậm lá, nghe ngóng, đợi chờ. Cho đến khi nào nó ngheh đầu lắng nghe những tiếng kêu rất đanh gọn, những tiếng kêu gọi đàn của chèo bẻo, những tiếng kêu báo động có điều hâu trên bầu trời lúc ấy, nó mới thu gọn đội hình, chuyền nhanh điệu múa xuống tầng thấp. Thật là một ngày không may. Chèo bẻo bay rất nhanh, và lúc nào cũng bay nhanh, miệng kêu «quyết quyết» đanh gọn, điềm tĩnh. Thế là chỉ trong nháy mắt từ khắp phía cả đàn chèo bẻo lao vút lên trời cao với những bộ cánh đen láng óng ánh phản chiếu ánh sáng mặt trời. Một trận chiến đấu quyết liệt xảy ra, một trận truy kích đến cùng, có chặn đầu, có khóa đuôi, có những dũng sĩ lao toàn thân vào cổ điều hâu để quyết đánh quy nó ngay tại chỗ, có những chèo bẻo xung kích bám sát điều hâu, dùng cánh đập, dùng mỏ cắn để quyết làm cho điều hâu hoàu toàn kiệt sức, phải vút ngay cái đồng thịt hơi thối khét lẹt của nó xuống tận đất đen. Chim chèo bẻo lại cất tiếng gọi đàn lanh lảnh, chấp cánh nối đuôi nhau bay giữa bầu

trời trong lành yên tĩnh. Đoàn chim vẫn công lại riu ra, riu rít trông mong chèo bẻo trở về. Chim chèo bẻo không biết ca hát nhảy múa nhưng hình như nó chỉ tạm ngừng hoạt động mấy lần trong ngày để vui chơi với đoàn vẫn công lúc nào cũng múa lượn ca hát.

Với bộ cánh đen tuyền óng ả, với điệu bộ điềm tĩnh, với đường bay nhẹ nhàng, uyển chuyển, với tiếng kêu gọn gàng với tinh thần thương yêu đùm bọc che chở cho các loài chim hiền lành sinh ra chỉ để làm cho đời thêm vui, thêm đẹp, và với ý chí đoàn kết quyết chiến quyết thắng, vừa dũng cảm vừa khôn ngoan mưu trí, nó không hề biết sợ, nó chỉ biết chiến thắng và hình như nó sinh ra đời là để chiến thắng mọi loài chim dữ, che chở cho các loài chim lành. Nó ghét điều hâu, vì điều hâu hời hợt, tham lam, độc ác. Nó ghét quạ, vì quạ đồng lõa với điều hâu. (1) Vì quạ cũng sống do bản, tồi tệ như điều hâu và có thể là vì quạ có tiếng kêu nặng nề, buồn thảm. Vì thế chỉ cần nghe một tiếng quạ từ xa, chèo bẻo đã vội vàng ra quân đánh đuổi.

Dù chèo bẻo phải tạm thời chịu đựng chung cảnh với quạ và điều hâu, nhưng chèo bẻo vẫn là chèo bẻo, người Cor dù sống chung trời với giặc vẫn muôn thuở là của Đảng và của Bác Hồ gần gũi yêu thương :

(1) Xem truyện thuyết Cor đã ghi chú trước

... Ngày đồng bào ơi,
Ngày thanh niên ơi.
Mặt trời (1) ngày xưa nay vẫn đợi
Ta không thể có hai mặt trời !

Mặt trời luôn sáng trên núi rừng sông nước, ta luôn tin mặt trời đoàn kết đấu tranh. Nước nhà nay mai nhất định thống nhất. Hãy hát lên bài ca mặt trời.

Ta hát lên bài ca mặt trời...

Toàn Trà Bồng hát lên bài ca mặt trời, bài ca hy vọng. Như tiếng chim chèo bẻo gọi đàn từ trong những điều kiện ngọt ngào của những năm 1957 - 1958, toàn Trà Bồng vang lên những bài *xà ru*, *ajóli* (2), đẩy lên một phong trào văn nghệ quần chúng nhằm động viên nhau giữ vững lòng tin ở Đảng, siết chặt đội ngũ và tranh thủ tấn công chính trị quân thù. Trên rẫy, trong nhà, bên bếp lửa, giữa đàn, trước giặc, chỗ nào cũng có nhảy múa, đánh đàn broc, thổi đàn môi, chơi đàn răng, giáo dục, nhắc nhở nhau cảnh giác thương dân, thương nước, chớ để làm lẫn sa vào âm mưu của giặc.

Ngày thanh niên ơi :
Hãy lắng nghe đây lời tôi nói :
Đừng đợi đi xa mẹ già, ai phát rẫy ?
Đừng đợi đi xa bố cha, ai sản xuất ?
Đừng có đi xa rẫy quế, bị dầy « Ri-oi » leo, sẽ
thánh cỏ dại

(1) Danh từ cao quý thiêng liêng nhất của dân tộc Cơ-gô gọi Bác Hồ.

(2) *Xà ru* : điệu hát tâm tình. *Ajóli* : điệu hát cúng kính trong lễ lễ



TRÀ BÔNG KHỞI NGHĨA — Phát thảo tượng đài của Nguyễn Cao Thâm



Đồng chí NGUYỄN QUANG LÂM (người đánh dấu X) nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, một trong những đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, đang chủ trì hội nghị bàn về công tác Đảng trong tỉnh.

✕

*Đừng có đi xa, vườn chè, bị dây « lốt già mù » phủ
đi chết hết chè*

Này thanh niên ơi !

Hãy lắng nghe đây, nghe cho kỹ :

Đừng ham ka ki, mà làm âm mưu Mỹ

Chớ mê vải phin, mà bỏ làng theo Mỹ

Rầy quê nó buồn, vì nạn của ai ?...

Nhưng những tia ánh sáng xuyên qua bóng đêm dày đặc, những tiếng chim chèo bẻo gọi đàn làm rung động lương tri những người Cor bị quân thù bắt ép làm nguy quyền hay làm dân vệ ăn lương của giặc.

Anh ăn ở bất lương, sao anh không nghĩ?

Anh ăn đồng tiền Mỹ sao anh chẳng biết suy?

Anh đi xe gíp Mỹ, sao anh không biết nhớ?

Núi rừng này luôn biết nhớ, biết ghi...

Những tiếng gọi đàn dju dajng ân ái, có nghĩa có tình nhưng luôn dồi dào hào khí biên cương của người chính nghĩa và có lúc lại thành thật nghiêm khắc với những ai đã lỡ lầm đường, lạc lối :

Suối nước Trà Bồng, có bóng anh trong đó,

Rừng núi Trà Bồng, có dấu chân anh trong đó

Vì thương anh, nhiều lần dân chỉ rõ

Thống nhất nước nhà, anh sẽ ở đâu?

Anh núp bụi lách?

- Bụi lách cũng trống!

Anh chui bụi tre?

- Bụi tre cũng kêu!

Anh rúc xuống nước?

- Nước Trà Bồng trong lắm!

Anh bay lên trời?

- Anh nào phải con diều hâu!

Anh sẽ ở đâu khi nhân dân ta còn đó?...

Cũng có lúc, quên hẳn cái thế tay không trước mắt, giữ vững cái thế tấn công chiến lược của mình, họ thấy sự cần thiết phải nờ ra những lời đe dọa :

Hãy nghe đây các người ơi,

Đầu người ta không mọc đến hai lần.

Mỹ thua, Mỹ về nước Mỹ.

Diệm thua, Diệm còn đường chạy theo Mỹ

Mỹ Diệm thua, người chạy đi đâu?

Hỡi ai ngu, ai khờ, hãy mau chạy lại!

*Đề lúc mặt trời lên, còn thấy được câu mọt mọc,
ai ơi!*

Trên đất nước Trà Bồng ngày xưa, đã có lần diều hâu định mượn lông quạ để làm chèo bẻo. Ngày nay, diều hâu lại muốn mượn giọng chèo bẻo để thiên hạ khỏi tưởng mình là diều hâu.

Chỉ một thời gian ngắn, của cải trong nhà của nhân dân chẳng còn gì để cho bọn «thượng du vận» vơ vét. Gà mái không kịp đẻ trứng, ong chẳng kịp gây mật. Cuộc đời nằm lý, chỉ có ngủ và ăn tháng này qua tháng khác hình như cũng dễ chán. Chúng bèn giở giọng nghêu ngao đôi bài đề tỏ ra là những người thích ca hát. Chúng nghe dân hát và cũng tham gia hát với dân cho tiêu khiển và đề mon men, «xơ múi» các cô gái Cor. Chúng năn nỉ dân nhảy múa ca hát, chúng đứng ra tổ chức cho dân hát ca nhảy múa. Nếu không thưởng thức được cái gì của phụ nữ Cor,

It nhất cũng nói lên « thiện chí » của dân thượng với chính thể, lòng « tri ân » với « Ngô tông thống », cái bộ mặt phồn vinh giả tạo của chế độ cộng hòa, và cái công lao « thượng du vận » xây dựng miền núi của bọn chúng !

Tiếng chim chèo bẻo gọi đàn nhanh chóng trở thành phong trào hợp pháp của quần chúng khắp Trà Bồng. Nó phải biết lợi dụng tâm lý của quân thù, phải đánh trúng vào chỗ yếu của quân thù, phải biết tấn công quyết liệt vào hàng ngũ quân thù và phải giáng những đòn trực tiếp búa bở vào chính giữa mặt quân thù. Quân thù muốn đóng vai chim chèo bẻo đậu xuống lưng chừng bụi rậm để chiếu cố đoàn văn công. Đoàn chim văn công phải biết nhân cơ hội này mà tỏ rõ tinh thần hảo hớn của chèo bẻo đã,

Chúng đã nghe dân hát nhiều rồi, giờ đây phải đến lượt chúng hát cho dân nghe và chúng phải dạy cho dân hát dân múa như bộ đội cụ Hồ ngày xưa chứ!

Chẳng lẽ « thế giới tự do » lại đành chịu thua Việt Minh cộng sản sao ? Nhưng phải chọn bài hát nào mới được ? Chúng bàn đi bàn lại với nhau mãi.

Nếu thời Việt Minh có bài « Muôn năm Hồ Chí Minh » thì ngày nay chúng nó cũng có bài « Tri ân muôn năm Ngô Tông thống », nhưng khi chúng vừa há mồm hát thì dân làng đều cười rộ, mấy cô gái Cor, đối tượng thịnh giả « quan trọng » nhất với bọn chúng, lại chê chúng « hát như quạ kêu » và kéo nhau đi nơi khác. Rồi tất cả mọi người lần lượt lặng lẽ rút lui.

Người dân Cor Trà Bồng biết rõ cái « chế độ cộng hòa » phân dân hại nước, cái bàn tay nhuộm máu dân lành, cái miệng dính đầy dơ la Mỹ của bọn chúng không làm gì có những giọng hát, bài ca được. Hình như chính bọn chúng cũng thấy được cái cảnh khốn khổ này. Khi chính quyền trung ương của bọn chúng còn phải lấy những bài « kêu gọi thanh niên » làm quốc ca quốc thiều, « Hồn tử sĩ » làm nhạc truy điệu thì làm sao bọn chúng có những bài hát được dân ưa nghe. Thế thì học tập kinh nghiệm của trung ương chống cộng tại Sài Gòn chúng phải khéo léo lập lòe trộn lẫn trắng đen để lừa phỉnh - phỉnh trăm lần ma quỷ cũng thành người có xương, có thịt, chuyện dối cũng hóa thành chuyện thật kia mà. Thế thì « chính thể quốc gia » và « quân đội cộng hòa » của bọn chúng cũng có nhiều bài hát giống các bài của cộng sản Việt Minh. Bài « Đồng chí », bài « Tự túc » chính là của bọn chúng, chính là Việt Minh cộng sản đã ăn cắp của bọn chúng, trước khi bọn chúng đến đây, nên bây giờ chúng hát cho dân nghe và dân làng hãy học hát đề « quân dân cả nước đoàn kết diệt cộng cứu nước » !

Từ đó, bên cạnh phong trào xà - ru, a giới, nhảy múa ca hát theo điệu cô truyền của ông bà để lại, nhân dân Trà Bồng, nhất là các em nhỏ sội nổi nhảy múa, ca hát lại các bài « Kết đoàn », « Đồng chí », điệu « Nóng tác vũ »... nhảy hiến ngang trước mặt quân thù và các nam nữ thanh niên đảng hoàng dạy lại các em nhỏ những bài ca thời kháng chiến. Mỗi một bài ca, điệu múa đều gọi lại cho dân làng biết bao nhiêu hình ảnh sâu sắc, kỷ niệm êm đềm của thời chống

Pháp, của những người tin yêu nhất đã ra đi chưa thấy trở về.

Tiếng chim chèo bẻo gọi đàn. Bài ca hy vọng, tình cảm chung thủy sắc son, tinh thần lạc quan cách mạng kỳ lạ này, tiếng hát của trái tim Việt Nam, cất cao lên từ không khí chết chóc, nghệt thờ lúc bấy giờ đã nhanh chóng xua tan dần tâm lý khủng khiếp lúc ban đầu và soi sáng dần từng bước sẽ đi, phương hướng sẽ đến giữa dày mịt mùng tưởng khó tìm ra lối thoát.

Về thực tế, sau nhiều đợt « tố cộng » hết sức ác liệt, từ giữa năm 1956 trở đi chính quyền tay sai được tạm thời ổn định. Ở Trà Bồng, những cán bộ thời kháng chiến, những đảng viên, những người tốt trước đây được bố trí vào bộ máy chính quyền của giặc hầu hết đều bị chúng thanh lọc, bắt bỏ tù hoặc thủ tiêu bí mật. Bộ máy thống trị của chúng, với hàng loạt đồn bót, trụ sở, tháp canh, trại quế... xem ra có vẻ bề thế. Những người bị ghi vào danh sách chính quyền xã thôn, dân vệ đều được ăn lương, đắp mền của Mỹ. Nhưng dân vệ không được phát súng, chỉ đến trụ sở chính quyền đề tính ngày có mặt lãnh lương. Nhiều viên đại diện, phụ lá, cảnh sát do dân cử ra, qua nhiều lần thanh lọc đã bị chúng bắt bỏ tù hay bãi việc. Nhân dân Cor không còn một người nào cầm vào bộ máy chính quyền của giặc. Họ hầu chỉ còn mấy ông già một ngày không nói nổi một tiếng bị chúng đút bừa vào cơ quan cho có mặt để làm vi. Hồng hách quyền hành trong bộ máy kim kẹp ở xã chính là những tên thương lái, gián điệp và những tên cộng an mật vụ, xây dựng «thượng du vận» khét tiếng gian ác, chỉ biết có quế và đờ-la hòa với máu.

Tuy có chính quyền, có súng trong tay, nhưng ngoài việc ăn cướp và bắn giết, chúng cảm thấy bất lực trước sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Chúng chụp ảnh đề làm thẻ căn cước. Dân kiên quyết không chịu, viện lẽ ma quỷ không cho, sẽ bắt ốm đau chết hết. Chúng bắt khai tên, lập danh sách, nắm dân số các làng. Mọi người đều xưng một số tên chung nhất, quanh đi quẩn lại chỉ có năm sáu tên Ay, Ó, Non, Dót, Dé (anh, em, trắng, cao, lùn...) Có trời mà kiếm soát được họ! Xin nhường cái giàn bếp thiêng liêng, nơi hàng ngày có lửa ấm, có sấy lúa, sấy ngô, sấy thịt rừng và quế cho chiếc hình của «Ngô Tổng thống» trị giá một tạ quế. Nhưng vì mỗi «con dân» phải mua một tạ quế hình «Ngô Tổng thống» nhiều quá nên «Ngô Tổng thống» ngồi dọc vách nhà, vách chuồng heo chuồng gà, cái đầu chúi xuống đất, đề cho heo gà tri ân, đề cho khỏi làm với ma quỷ, phong tục lễ nghi của người Cor là thế. Chỉ có loài dân mới rất kém lễ nghi! Chúng nó cứ gặm các chỗ bôi hồ. Thành thử «Ngô Tổng thống» phải chịu mất mát, mất miệng, mất mũi. Thế cho nên đề tỏ lòng tôn kính giữ «Ngô Tổng thống» được lâu trong nhà không còn chỗ nào tốt hơn cái giàn bếp cả ngày đêm có khói chổng dán. Thật là có tình có lý đến thế là cùng! Lý lẽ của chính nghĩa quốc gia không làm sao bác bỏ được. Một vấn đề cấp bách là phải đuổi ra khỏi nhà bọn xây dựng «thượng du vận ba cùng». Thực tế cũng chẳng phải tất cả bọn chúng đều xấu như nhau. Cũng như trong bọn lính đồn, trong bọn chúng cũng còn đôi thằng biết nghe dân, biết được cái bụng, cái lòng của dân. Phải dùng cái tay, cái bụng, dùng

cả cái súng trên vai bọn chúng để chúng tổng tiến nhau đi. Dù sao đã mang súng của giặc, tất cả bọn chúng cũng chỉ là một bầy chó. Cứ suýt cho nó cắn nhau. Họ cầm cành lá kiêng cũ vào cánh cửa để không cho bọn lính sục sạo vào làng. Họ xúi bọn lính nằm lỳ trong làng xua đuổi bọn lính đi lũng. Có những trận chúng đánh nhau dập đầu chảy máu, Họ bắt những tên đi kiếm ăn riêng lẻ, trói gó lại, kiêng lên đồn vì tội ghẹo gái, phá rối phong tục tập quán của dân, không «giữ tình quân dân cá nước» như quan đồn trưởng đã từng dạy bảo. Những lời lẽ dễ mát lòng mát dạ như thế nhất định làm cho tên đồn trưởng phải lên mặt «phụ mẫu chi dân» để lên lớp bọn tay chân của hắn, trước dân làng. Họ tiến lên chém chết những tên gián điệp, phòng nhì lén lút hoạt động trên các đường mòn ngõ hẻm, rồi xóa luôn dấu vết, hoặc hờn hờ kiêng xạc lên đồn để đòi thưởng công lao đã «lấy đầu cộng sản». Ngậm bồ hòn làm ngọt, bọn đồn phải khen ngợi lòng trung thành của họ đối với «chính thể quốc gia» và buộc phải cam kết làm theo một số yêu cầu thiết tha của họ.

Những màn kịch ngộ nghĩnh vừa đau buồn vừa hài hước này cứ diễn đi diễn lại trên cái sân khấu Trà Bồng ngày càng rộn ràng tiếng chim chèo bẻo gọi đàn giữa tiếng súng nổ không bao giờ ngừng và tiếng què ngã rặng rặc không bao giờ yên. Riêng họ, họ càng cảm ơn, càng thương yêu quý mến, càng lo lắng đến hồi hộp cho số phận những cán bộ, đảng viên theo dõi chỉ vẽ đường đi nước bước cho họ hết sức chỉ lý đúng đắn, từ những hang đá, những trại, những hầm sâu bí mật giữa rừng cao lạnh lẽo.

VIII

THOÁT LY THEO ĐẢNG

Khi chèo bẻo lên tiếng gọi đàn, cả Trà Bình bỗng vang lên khá nhiều âm thanh mới lạ :

- Thoát ly theo Đảng!

- Thoát ly !

Những tiếng này như thốt ra từ trái tim của nhân dân miền Nam lúc ấy, lúc mà niềm hy vọng ở đấu tranh bằng phương pháp hòa bình đòi tổng tuyển cử thống nhất nước nhà lắng xuống, lan dần trong máu và nước mắt, lúc mà qua những đêm sám hối, những phòng tra tấn, những cảnh lần lượt nhìn nhau cố sống, cố chịu đựng để chờ một giờ phút nào đó quân thù bước đến, rút dao găm, chặn cổ, dè dặt, đâm thẳng vào ngực.

Thoát ly theo Đảng ... Thoát ly ...

Những tiếng ấy dù chỉ mới là suy nghĩ hay chỉ mới dám nói thầm rất nhỏ, miệng kẻ tài, vẫn vang lên

trong lòng niềm tự hào to lớn, vẫn gọi ra trước mắt con đường lịch sử tất yếu phải đi, con đường đầy gian nguy chết chóc, tan cửa nát nhà, cho kẻ ở «hợp pháp» cũng như cho những người thoát ly «bất hợp pháp». Phải nhìn thấy trước những hy sinh to lớn tiếp nối theo 4 tiếng «thoát ly theo Đảng». Phải dám hy sinh, hy sinh hết thảy, phải thoát ly, phải tiễn đưa con, cháu đi xa. Đắt nước đang dơ vì bóng dáng quân giặc. Phải lấy máu để rửa sạch mình đất nước. Phải chuẩn bị quay lại con đường bạo lực cách mạng. Trên thực tế, chẳng có con đường nào khác. Phải thoát ly ra đi. Chỉ có thoát ly mới tìm ra con đường chiến thắng, con đường chết vinh hơn sống nhục, chết đứng hơn sống quỳ, truyền thống ngàn đời nay của dân tộc Việt Nam.

Những thoát ly đi đâu, đi như thế nào, đi bằng cách gì, đi rồi làm gì ?

- Nhất thiết là phải thoát ly, phải ra đi, dù đi rồi nhà cửa sẽ ra tro, gia đình sẽ tan nát. Cứ đi đi, đi tìm Đảng và quyết phải tìm cho ra Đảng. Như thế đấy, cha mẹ dặn con, ông bà dặn cháu, người yêu khuyên nhủ người yêu, xóm làng đau thương tủi hờn, âm thầm hy vọng; bí mật mở đường cho những người nhận nhiệm vụ ra đi. Hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn người lặng lẽ ra đi. Họ cứ đi, đi tìm Đảng và quyết tìm cho ra Đảng.

Nhân dân Trà Bồng cũng thế. Nhưng họ có những điều may mắn hơn các nơi khác: nhiều đảng viên, cán bộ Trà Bồng, kể cả người Cơ và người Kinh, không chuyên quân tập kết. Trải qua bao nhiêu chiến dịch «tố cộng», bao lần đấu tranh quyết liệt, họ vẫn còn,

vấn bám sát nhân dân, vẫn luôn chiến đấu, chẳng một ai đầu hàng, khai báo, họ vẫn sống trong sự che chở, của đồng bào và của núi rừng Trà Bồng uy nghi, hiểm trở. Tất nhiên họ phải chuyển lối sống bình thường của con người thành cuộc sống bám chặt vào thiên nhiên, của con tắc kè, hết sức bí mật nhưng cũng hết sức linh hoạt.

Với sắt thép của chiến tranh phá hoại, đế quốc Mỹ muốn đưa nhân dân ta trở về thời kỳ đồ đá, cố dầy đồng bào ta vào một địa ngục trần gian. Chúng muốn lập lại tại đây lịch sử dân tộc của Huế Kỳ trong cuộc đi săn người da đỏ và cuộc hành hình người da đen. Bởi thế những đảng viên người Kinh «hợp pháp», phải phơi nắng cháy da, bôi cho thân hình lem luốc, phải đóng khố, quần xà bần (1), đeo lóc dài, đeo cườm vòng mang lóc (2), tay luôn luôn cầm giáo mác, tên nỏ, phải cà răng căng tai, phải biết quên tiếng mẹ đẻ và mọi nếp sống bình thường, tóm lại phải đóng hết như người Thượng. Chẳng có cách nào khác. Những đảng viên sống «bất hợp pháp» thì đi dần lên núi cao, sống trong các bãi lau lách trống trải dề tận dụng thế bất ngờ, hoặc ở sâu giữa các rừng tre, nứa, móc mèo, móng cong, gai góc chẳng chịt tưởng chẳng còn một lỗ nhỏ cho chuột chui, hoặc ở sâu trong các hang đá, các hầm bí mật kín đáo, giữa đồng đá bên khe suối sát vực cao, trên lưng chừng núi chung quanh chẳng một dấu chân người. Chẳng còn cách nào tốt hơn và cũng

1) Tấm vải xanh, đỏ thường quấn chéo từ vai đến một phía hông.

(2) Gùi đồ.

chẳng có cách tu hành của bất kỳ một đạo giáo nào nhiệt thành và nghiêm khắc đến thế. Với những đảng viên « nửa hợp pháp », hoạt động có tự do và nguy hiểm hơn. Họ là loại tác kè có cánh, lúc mặc khố mang léc như người địa phương, lúc ăn mặc bảnh bao giả dạng bộ gian thương, gián điệp, lúc trông cả bộ đồ lính « cộng hòa », vào mình, ung dung bước trên đường. Cũng có lúc họ khoác bộ quần áo tăng ni, sự cụ lui tới vùng địch, sẵn sàng ứng phó trước mọi tình huống không lường có thể xảy ra trong mây mù.

Chung quanh họ là mạng lưới bảo vệ của nhân dân, mạng lưới ấy chẳng chặt, rất nhạy bén, linh hoạt, đầy mưu trí và dũng cảm, gây dựng bằng đường gân thớ thịt của dân tộc Việt Nam, bằng sự xả thân hy sinh cho nhau hết sức nhẹ nhàng, cao cả, mạng lưới bằng tình người, tình đồng bào, đồng chí, hàng trăm lần tinh vi, khoa học hơn mạng lưới ra đa mắt thần, máy tính điện tử.

Mạng lưới này đến đầu 1957 đã hình thành rõ nét. Nhưng nó đã nảy mầm từ gần ba mươi năm về trước. Nó đã trải qua trên một phần tư thế kỷ thử thách. Làng nọ qua làng kia, họ giảng ra thành tuyến, tạo thành một màn trình sát, tinh báo, thông tin liên lạc, vận tải tiếp tế, tìm mọi cách nắm chắc tình hình, ngăn chặn quân giặc, nếu cần thì gây sự giảng co giữ lại, khăn cấp thì ra tay luôn đề bảo vệ Đảng, như đề tự bảo vệ bản thân mình. Họ tự tổ chức thành những nhóm, sản xuất, giữ rẫy, lấy củi, lấy rau, luân phiên nhau thường trực suốt đêm ngày quanh các khu bí mật. Người Cor trong bộ máy nguy quyền có nghĩa vụ phải báo cáo

tình hình, âm mưu của địch cho nhân dân Cor. Nam nữ thanh niên Cor, có đôi mắt sáng của hươu, đôi giò khỏe của nai, cánh tay mạnh của gấu, đảm nhận nhiệm vụ trong các nhóm trung kiên, tiếp tế tình hình, cơm, muối cho cán bộ, chuyển đạt rõ cho nhân dân những lời lẽ của cán bộ, đảng viên, làm con thoi giữa đảng viên và dân làng khi cần thì dám chết để bảo vệ dân, bảo vệ Đảng. Họ đã là lớp thanh niên, gan góc, tài trí dồi dào nhiệt tình, yêu đời và rất cầu tiến. Họ say sưa hoạt động, không kẻ ngày đêm, không nề hà mưa nắng, nghiêm minh với chính bản thân mình: đã nói là làm, nói ít làm nhiều và làm đến nơi đến chốn. Cứ như thế, những cô Xuân, cô Dũng, cậu Tân, cậu Mân, cậu Nam (1) ... tất cả vượt thời gian nhanh chóng lớn lên.

Họ vừa làm vừa học, dạy bảo, nhắc nhở nhau. Mỗi bài học đều được chuyển thành bài ca, điệu hát dân gian, xà - ru, a - giới, không phải được viết trên giấy trắng, mực đen mà in sâu trong tim óc họ. Những lời khuyên răn dạy bảo của Đảng, của Bác Hồ, những câu dẫn dò, trò chuyện của cán bộ, đảng viên cùng với những lời ca tiếng hát từ ngàn xưa của ông bà để lại nay quyện vào nhau, lỏi cuốn mọi người. Tất cả những kỷ niệm sâu sắc êm đềm, xà - ru, a - giới, bao nhiêu chuyện thần thoại ngày xưa với Sam Rạ, Bà Linh, đến chuyện « Nước Xu, Nước thần » với cụ Gia, cụ Triều ... đến Mang Đen, Kon Tum, Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ - ne - vơ ... đều cùng sống lại để tiếp sức chờ họ.

(1) Những đồng chí này hay đã thành cán bộ chỉ đạo cấp tỉnh, huyện

Là con cháu, là lớp chèo bẻo vừa ra ràng đã sớm đủ lòng, đủ cánh, họ làm nhiệm vụ chuyên đạt ý kiến của cán bộ, đảng viên cho ông bà, cha mẹ, lớp chèo bẻo dạn dày kinh nghiệm. Họ vươn lên thay thế cán bộ đảng viên, vừa làm học trò, vừa làm thầy, những người thầy trẻ tuổi, say sưa, lần đầu tiên trong lịch sử xã hội người Cor, được sự tín nhiệm tuyệt đối của dân làng, cả những già làng có uy thế xưa nay. Phải trải qua mấy ngàn thế hệ, mới có được sự thay đổi tâm lý mới mẻ lớn lao này, cái lỗ hồng thăm thăm trong lòng người Cor đã được một phần nào lấp kín. Chữ viết, cái bí quyết diệu kỳ của trí tuệ, đã khơi mạch họ về lại với dân Cor. Mỗi lần đến trại bí mật, họ học thêm vài chữ. Bút là cành cây, giấy là lá chuối, lá dong, và mo cau, tre ống. Họ cất chữ trên chồi rầy. Các lớp bình dân chuyên ngay ra rầy. Hãy học, cố tranh thủ mà học cho nhớ, cho thuộc để tất cả đồng loạt bước vào bài học mới, nay mai họ sẽ mang về. Và dường như đã thành lệ, mỗi bài học thường kèm theo một câu chuyện mới, một vài bài hát mới. Họ chạy đua với thời gian, tự chấp dãi thêm đôi cánh để đáp ứng đòi hỏi thiết tha chính đáng của nhân dân. Họ học được bao nhiêu tại nhà bí mật lại gấp rút mang ngay về rầy trao lại cho nhân dân. Cán bộ, đảng viên tại nhà bí mật thanh niên làm chiếc con thoi, nhân dân tại làng, tại rầy, đều trở thành những học trò và những ông thầy ăn của nhau từng bữa- về chính trị, tư tưởng, thời sự kinh tế, vệ sinh văn hóa và ca hát. Trong lịch sử xã hội loài người đã có một dân tộc nào tiến lên thêm của nền văn minh với những cố gắng lạ kỳ như

dân tộc Việt Nam trên dải Trường Sơn bất khuất của chúng ta ?

Từ năm 1957, cuộc chiến tranh « diệt cộng » « cướp quê » càng trở nên khốc liệt. Diện « hợp pháp », « nửa hợp pháp » ngày càng co hẹp lại. Các trại bí mật đời đời liên tục. Các nhóm thanh niên trung kiên « sống thom chết thom » tiến lên tổ chức luân phiên dài ngày bên trại, để tiện cho việc liên lạc và để học tập được nhiều hơn với những bài vở ngày càng dài càng khó hơn. Mạng lưới bảo vệ cũng phải kiên toàn vững chắc hơn, không chỉ với tai mắt của nhân dân mà còn với hàng trăm hàng ngàn chiến sĩ vũ trang im lặng : Chông thò dưới dạng gài thú rừng để chống giặc lòng sục. Bên cạnh những tuyến « bố phòng hợp pháp » này đã bắt đầu một cuộc kháng chiến đờ máu, hết sức âm thầm bí mật, địch không hay, dân không biết, cán bộ, đảng viên cũng không sao biết được hết. Lúc ấy, con đường thoát ly đi tìm Đảng của đa số thanh niên ở đồng bằng là nhằm vào hướng núi. Còn ở miền núi, tại Trà Bồng, nhân dân và thanh niên đều hướng vào « trại bí mật ». Qua nhiều năm lẫn lộn, họ thuộc núi rừng như thuộc lòng bàn tay của mình. Lần lượt, qua các trận càn quét dữ dội của địch, thanh niên kéo nhau ngày càng đông vào trại, không chỉ để tạm thời tránh giặc mà đề xin Đảng cho phép đánh giặc.

Theo kế hoạch được bàn luận, họ chia thành từng toán nhỏ vài, ba chục người, kéo nhau đến khu vực được phân công phụ trách. Họ chọn những nơi có địa thế lợi hại nhất, khăn trương bát tay vào dựng trại. Họ tự quản lý lấy nhau, hoàn toàn tự giác. Họ vừa làm thầy, vừa làm trò, tôn trọng lẫn nhau, chấp

hành mọi sự phấn công, không hề so đo tính toán. Họ vừa học tập, vừa bố phòng chiến đấu, phục vụ nhân dân, giúp đỡ đảng viên, cán bộ. Họ luân phiên lẫn lộn ngày đêm giữa rừng để kiếm ăn và theo dõi tình hình. Họ bí mật về làng để động viên tuyên truyền giữ chặt mối liên hệ với nhân dân. Họ đến « nhà bí mật » học hỏi về phổ biến cho anh chị em trong trại. Họ đi thăm các trại lân cận để củng cố hệ thống trình sát thông tin liên lạc, bố phòng thường xuyên thay đổi và để học tập, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Họ trâm đường, cắm chông, gài mìn, đặt thò, làm bẫy, nghiêm túc thực hiện sinh hoạt của quân đội thời chiến. Họ luyện tập đánh khiêng, bắn ná, tự tạo ra súng gỗ, tập lẫn lê bò toại, ném lựu đạn, xung phong và thường xuyên báo động để rèn luyện tác phong khẩn trương, sẵn sàng chiến đấu.

Những gương đấu tranh anh dũng, những thắng lợi bước đầu của nhân dân trong các làng làm họ thêm hăng hái. Cách đây chẳng bao lâu giặc kéo lên đi súng bắt nhân dân nóc già Chiến ở Trà Khê cầm roi, gậy đánh nhau.

- Người Cor không đánh người Cor, người Cor không đánh người Kinh. Dân Cor kiên quyết chống lại. Giặc lừa hết họ vào đồn, nhốt hết vào trại giam. Cả ngày họ hát *xà-ru, a-giới*, la ré véo cho con khóc đồng loạt trong đêm khuya, buổi trưa và giờ nghỉ. Họ phóng uest lung tung rồi bất thình lình cùng nhau hô to các khẩu hiệu, hô lộn xộn, gây ồn ào để chỉ nghe toàn đả đảo Ngô Đình Diệm, ủng hộ Hồ Chí Minh.

Giặc đành phải thả họ về. Tất cả đều phản đối.

Về làng thì quốc gia bảo theo cộng sản, thì quốc gia nhất mồi trong nhà tù đề được tự do dân chủ hơn.

Càng được quân thù « mở rộng dân chủ » họ càng sống lộn xộn, rộn ràng, càng ồn ào bừa bãi, đề rồi cuối cùng, đại diện « chính quyền quốc gia », Trà Bồng phải năn nỉ họ nhanh chóng về làng. Già Chiến một mặt khuyên dân, một mặt buộc địch hứa bảo đảm đưa hết nhân dân về xã Trà Khê. Tên sĩ quan chỉ huy phải bắt tay hoan nghênh và cảm ơn cụ... Thực ra thì, sẵn trên rẫy cũng đang đòi họ phải về rồi.

Về làng họ bắt tay ngay vào việc. Người con cả của cụ Chiến lại đang hoang làm nhiệm vụ bí thư chi bộ. Cụ Chiến thì miệng liền tay, chống gậy đi thăm nhân dân các làng. Lắm người khuyên cụ nên nghỉ ngơi cho khỏe tuổi già, cứ giao hết mọi việc cho dân lo. Cụ bảo : « Càng già càng phải làm nhiều rồi chết mới vui ». Cụ càng hăng say hoạt động. Người con trai út của cụ và bạn bè cùng lứa tuổi vừa ở trại giam về, nay cũng vừa đến trại thoát ly.

Giặc lại kéo lên lục lọi các nóc. Các gia đình liền sắp đặt bàn thờ, cúng ông bà ma quỷ, người khỏe mạnh đắp chiếu nằm rên. Các làng đều rấp ngõ không cho ai vào vì lẽ cả làng đều ốm đau và đang cúng. Hàng trăm tên lính mang súng đánh phải loanh quanh bên ngoài. Có thằng đập gậy rào định chạy ào vào sân. Nhân dân vây bắt sống từng tên, kẻ nắm tay người nắm đầu, buộc nó phải trở ra ngay. Lắm thằng dọa bán. Nhưng chẳng một tên nào dám bán. Quân thù đành lạng lẽ rút lui. Ai nấy liền vào nhà dọn dẹp bàn thờ. Những kẻ ốm đau lặt tung chẵn chiếu

ngồi dậy. Tất cả cùng cười, rồi nhanh chóng ai làm việc nấy theo kế hoạch đã phân công.

Núi rừng tạm im tiếng súng. Nhưng chỉ mấy ngày sau quân giặc lại ò ạt kéo lên, hí hửng đã bắt sống Ấy Thọ, Ấy Loa rồi truyền đơn cộng sản tại quận lỵ. Chúng vây kín hai nóc cha Noa, cha Lum ở xã Trà Sơn, mỗi nóc chỉ trên dưới mười bếp. Chúng bắt được Tím, anh ruột của Thọ, dắt ngay về quận lỵ đánh đập, khảo tra. Nghiến răng chịu đựng đủ loại cực hình, Tím hô to khẩu hiệu cách mạng, chửi thẳng vào mặt giặc, chẳng khai một điều gì. Giặc đành chịu thả Tím về lại núi rừng.

Lũ giặc lại kéo lên vây bắt già Đưa, cha của Tím, Thọ, trói chặt hai tay giải về quận lỵ. Dọc đường, càng bị chúng đánh, già Đưa càng chửi chúng to hơn. Về đến quận lỵ chúng hò hét ra lệnh binh lính tập hợp và buộc nhân dân các xã quanh đồn xem chúng xử tội «thằng mọi già Đưa» để uy hiếp tinh thần của họ. Bị chúng trói đứng vào một gốc cây giữa sân đồn, già Đưa vẫn nói:

- Cụ Hồ Chí Minh rất tốt, cộng sản rất tốt, tao tin cụ Hồ, nhất định không theo Ngô Đình Diệm của lũ bay.

Giặc càng đánh, già Đưa càng hô to các khẩu hiệu cách mạng và nhắc đi nhắc lại một câu trên. Và đây cũng là câu nói cuối cùng của đời cụ Đưa trước khi bị giặc đâm chết. Từ trong đám đông lộn xộn vang lên tiếng hô của già Đưa, tiếng nói từ trái tim Việt Nam yêu nước. Chẳng một ai nao núng.

Giặc kéo lên khủng bố nhân dân hai nóc cha Noa, cha Lum. Cô em út của Tím, Thọ đã bị giặc bắn chết

giữa lúc em đang chạy xuyên rừng tìm đường đến báo tin cho cán bộ, đảng viên. Nhân dân hai nóc này đành phải bỏ làng bồng bế nhau đi đề sống bên các « trại thoát ly ».

Những chuyện ấy được thanh niên thoát ly chuyển ngay ra thành *xà - ru, a - giól*. Những tên người bên cạnh các tên núi, sông, làng, *nóc* nối tiếp nhau thành những khúc ca hào hùng. Đêm đêm trong tiếng suối reo, quanh bếp lửa hồng, họ kể lại cho nhau nghe các cuộc đấu tranh chống giặc thu giáo mác, các chuyến đi làm đường, đắp sân bay trực thăng, đi đòi cứu đau cứu đói.

Từ sau 1955, qua bao lần bao vây, càn quét khốc liệt, sục sạo, nổ súng lung tung, kiểm soát ngặt nghèo. « quân lực cộng hòa » chẳng thu về được một hột muối, chẳng lừa về được một con trâu nhỏ nào. Chúng lại kéo lên đòi thu giáo mác của dân. Chẳng cần nhiều thời gian trao đổi luận bàn, cả Trà Bồng đều thẳng thừng chống đối, khắp các làng *nóc* đều thống nhất một câu trả lời :

— Việt Minh cộng sản có cho chúng tôi nhiều giáo mác đề chống cọp, beo, heo, nai gln giữ núi rừng nương rẫy. Khi ra đi họ chẳng thu lại mà theo lệnh Bác Hồ, họ còn cho thêm. Quốc gia giàu tiền, giàu súng, giàu sắt thép, tự do dân chủ hơn Việt Minh cộng sản mà cũng đòi thu sao? Chúng tôi không đưa và nhất định chẳng ai đưa. Nếu muốn chống lại quốc gia thì chúng tôi chỉ cần rựa, rìu, gậy gộc, núi rừng Trà Bồng, chúng tôi có nhiều đá cuội, đá hòn, nhiều tre, nhiều nứa cũng chống được thôi.

Nhiều toán lính liên tục hùng hổ kéo lên đi sủng vào hòng bắt dân đi làm cầu, đắp đường, xây dựng đồn bót. Mọi người đều kêu ốm đau, bệnh tật, mệt mỏi đề từ chối. Lũ giặc phải lật tung chăn chiếu để xem mặt, rồi bắt nhân dân tập trung trong hàng rào binh lính. Dân vẫn nói: « Không nôi, không gạo, không muối, không lửa nấu cơm đun nước, chúng tôi không đi ». Quân thù buộc lòng phải hứa trả công cho mỗi người mỗi ngày ba lon gạo. Vài hôm sau, cả làng kéo nhau đi. Chẳng ai mang theo nôi đề rồi phải cử những người mạnh khỏe đi tìm chặt lồ ô to ống, cử nhiều mế lạnh tay đi lượm củi để đem về đun nước, nấu cơm. Chỉ riêng việc bấp nước, đã tốn gần một nửa số « cu ly » của quốc gia rồi. Số còn lại cứ theo ý kiến đã bàn mà làm. Đi lấy gỗ về làm kèo cột thì cứ đốn loại cây nặng, mất đến hàng chục người khiêng, chờ khi khô để làm, hóa ra cong queo, rỗng xốp, mục nát ngay khi nhà vừa lợp xong. Giặc bảo nộp tranh tấm thì cứ rủ nhau đi cắt tranh non về đánh thành tấm voi hoin bằng tre non. Chỉ năm ba hôm sau, khi đưa tranh lên mái thì hoin gãy, tranh khô rơi rụng tơi bời. Với khối vật liệu kỳ quặc và việc làm ngược đời như thế, hệ thống đồn bót giặc không sao chịu đựng nổi vài ngày nắng ráo hay dãi trận mưa rào quanh đỉnh Cà Đam.

Giặc lại bắt đi làm cầu. Về lý lẽ cũng như về việc làm thực tế thật quá dễ dàng:

— Dân Cor chúng tôi không biết đi cầu nên không biết làm cầu, khi gặp sông sâu suối lớn thì lội ào qua thôi,

Nhưng cuối cùng rồi họ cũng làm. Chỉ một vài

cây tre lắc-lắc đu đưa thì lũ lính quốc gia, chân mang giày đen, vai tròn súng đạn không thể nào dám bước qua.

Chỉ có đắp đường là hơi khó. Họ rủ nhau đi chặt lồ ô, bó thành từng bó, sắp sát bên nhau rồi phủ một lớp đất đá vụn khá dày lên trên. Hàng mấy cây số đường mới như thế chỉ làm xong trong năm sáu ngày. Và cũng chỉ cần một vài cơn mưa nặng hạt là đất trôi phần đất, lồ ô lồi cuốn lồ ô, hình dáng con đường biến mất trên đất liền lồm chồm.

Bọn địch nghĩ, đề tranh thủ trái tim của dân Cor Trà Bồng chẳng còn cách nào hay hơn là làm đau cái bụng đói meo của họ.

— Dân đau thì tổng thống cấp thuốc, dân đói thì tổng thống sẽ phát gạo thơm ngon để đủ ăn chờ đón ngày mùa, mỗi người một bao, mười người mười bao. hãy khai đủ số người trong nhà rồi mới được đi nhận.

Được rồi, lũ chúng muốn nắm số người của ta là bao nhiêu đấy. Thế thì cứ khai cho thật nhiều, thật nhanh, có đói cũng đi, không đói cũng kéo hết cả làng cùng đi, dân Trà Bồng không biết viết chữ thì chỉ báo cáo bằng miệng thôi.

Thế rồi họ ra đi. Ngày đầu địch qui định phát gạo 5 xã thì cả 10 xã cùng đi. Nhân dân các xã Trà Lãnh, Trà Khê, Trà Phong, Trà Quân, Trà Lâm, Trà Nham cũng rủ nhau đi gần hết về quận lỵ. Họ bàn với nhau: nếu gạo xấu, trộn lẫn với đậu, ngô thì nhất định không nhận, kéo nhau trở về, không chỉ đấu tranh đòi cho kỳ được gạo tốt, mà đòi giặc từ

nay không được bắt dân di xâu, nộp thuế, đắp đường.

Trong « lễ phát chẩn đề ngộ hầu tri Ân Ngô Tông thống » đặc biệt này, quận lỵ Trà Bồng bỗng nhiên trở thành « bộ mặt văn hóa » của « chính thè quốc gia ». Tiếng máy nổ âm âm, tiếng còi hú, chuông reo, tiếng búa sắt đóng đinh phá thùng, đập gỗ khắp nơi, tiếng la ré, khóc lóc, van xin, than thở ngấn dài hòa trong tiếng nói cười khoác lác, tung hứng, nịnh hót, bợ đỡ nhau.

Mặc kệ! Nhân dân Trà Bồng cứ nhận gạo cứu tế, nhận càng nhiều càng tốt. Họ mang ra được gạo chất thành từng đống bên đường. Tên đại diện tỉnh đường Quảng Ngãi nóng mặt vừa đến nơi liền ngăn chặn họ.

Nó nói với ông Châu đứng gần bên nó :

— Ông hãy bảo họ trả hết lại ngay.

— Khoan đã, không được đâu.

Ông Châu trả lời nó rất gọn, rần rỏi và dễ nghe. Số người bên đống gạo liếc nhìn ông Châu rồi thét lớn :

— Ông Châu! Ông phải xin lỗi nhân dân đi. Vì ông dẫn ông lớn tỉnh đi nên ông tỉnh mới bắt chúng tôi phải trả hết số gạo này, phải không?

Ông Châu xin lỗi đồng bào vừa xong thì trong đám đồng bồng có một giọng gát gỏng :

Còn ông tỉnh nữa, bà con ơi! Ông ấy có phải xin lỗi đồng bào mình không?

Những nắm tay giơ lên trên đầu và hàng loạt tiếng hô biểu thị đồng tình. Chẳng còn cách nào khác, viên đại diện tỉnh cúi đầu nhận lỗi với nhân dân. Họ lại tiếp tục đi nhận gạo đồng thời mang gạo dần lên

núi cao để phân phối đều cho nhau. Rồi họ lại kéo cả làng đi quận. Các nhà đương kiêm chức trách phải phân bua đến trăm lần rằng quốc gia thiếu gạo.

Họ lại kéo cả làng ra đi đòi gạo cho đến khi vị « đại diện quốc gia » chịu mắc nợ.

Dân Cor lại bảo: « Quốc gia đã lấy muối thì nay phải mang muối lên trả lại chúng tôi ».

Cứ mỗi lời phát ra thì hàng trăm tiếng hô biểu thị đồng tình. Lần này viên đại diện tỉnh đường cũng đành phải nhượng bộ, chấp thuận cấp cho mỗi người mười lon muối.

Ngày phát muối cũng đông đảo ồn ào chẳng kém ngày phát gạo. Họ kéo cả làng cùng đi. Khi gần đến nơi, một nửa số người ở lại chân rừng giữ gìn, giữ giỏ, một nửa còn lại đi thẳng về quận lý lúc trời chưa sáng. Quận lý Trà Bồng bỗng nhiên trở nên lộn xộn đầy nghịt cả người hô vang mọi thứ khẩu hiệu. Nỗ sức thì càng gây sự lóí thời, quân thù đành phải đuổi họ về bằng cách phát muối. Họ vội vàng mang muối về chân núi, đổ ngay vào giỏ, tạm nghỉ cho số anh chị em giữ gìn giỏ ra đi.

Ở núi rừng càng nhiều muối càng hay, họ lại lần lượt đi đòi, đi mua muối. Các tiệm buôn cứ bán muối cho họ. Nhiều người Kinh cho họ muối để mang về. Lời bàn tán xầm xì bay đến tai lũ giặc. Chúng liền ra lệnh từ nay không ai được bán muối cho dân Cor.

Những ai không còn thể « công khai » đều lần lượt rủ nhau đến « trại thoát ly ». Các trại ngày một thêm đông. Mỗi người mới về là cả một tập truyện dày với rất nhiều thành tích, kinh nghiệm hoạt động.

Xuân Trà Tân gan góc, xông xáo, khôn ngoan sau lần thoát chết vượt vòng vây của giặc, nay bị thương thêm một một lần nữa lúc đang nói chuyện với nhân dân Trà Thọ. Anh trai của Xuân vẫn còn hoạt động được. Ri, em gái của Xuân chắc nay mai sẽ lên thay chị và *xà - ru*, a *glót* chó đồng bào mình nghe.

Út, chưa đầy 10 tuổi, con nhỏ của chị Tơ ở nóc cha Lum, Trà Sơn, là một chiến sĩ liên lạc dũng cảm, một trinh sát viên đặc lực đã từng giúp mẹ và các anh chị nuôi dưỡng che dấu cán bộ an toàn. Nhiều lần lủ giặc ở đây trong nhà, chỉ một mình em mang ống tre vờ ra suối lấy nước để chạy một mạch đến nơi bí mật báo tin, xin ý kiến, đem cơm cho cán bộ, đảng viên rồi chạy về với chiếc ống tre đã hết sạch thức ăn để đựng toàn là nước.

Út, Sơn, Non thôn Sơn Bàn, xã Trà Sơn là ba chị em ruột, một «tổ ba người» cũng mới về đây. Đảm nhận nhiệm vụ nuôi dưỡng cán bộ, đảng viên và liên lạc thường xuyên với nhân dân Kinh hai xã Trà Phú, Trà Hòa, họ hoạt động hăng say, không kể ngày đêm, mưa nắng. Riêng Út là tổ trưởng và là chị cả thì thường xuyên đi quận lỵ để nắm tình hình. Bị lộ, đêm đến ba chị em ra ngủ ngoài rừng, để phòng giặc lên. Rồi giặc lên thật. Họ đi dần qua các xã bạn rồi đưa nhau đến trại thoát ly.

Làm sao quên được gương sáng của *mơ Nga* ở nóc cha Noa. Sau khi bắt được *Ấy Thọ*, *Ấy Loa*, giặc đứng lên bắt sống *Nga* đem về đồn tra tấn cực kỳ dã man. Liên tiếp bị chúng bắt đi tàu bay, tàu lặn, uống nước xà phòng nước vôi, động đầu vào vách, treo ngược lên trần nhà, bỏ vào bao bố ngâm xuống

nước hồi lâu rồi vọt lên, Nga vẫn một mực không khai mà luôn vạch trần tội ác của giặc. Sau bảy ngày bị giam, hàng chục lần bị tra tấn, Nga phải trả lời lại giặc hàng trăm lần khẩu hiệu « ba không ». Nhưng những lúc tỉnh người trở lại, Nga siêng đi sát từng anh chị em trong tù dặn đi dặn lại.

— Cứ yên tâm, chớ lo gì cho tôi. Nếu được sống trở về thì chăm tốt cho sip-blit, bróc, stru.

Chẳng khai thác được gì, giặc đành phải thả Nga về. Hồng mùa chuộc người con gái gan góc này, chúng gọi Nga đến bàn giấy cho Nga ba túi gạo, ngô, đậu, trộn chung. Suy nghĩ hồi lâu, Nga định không nhận. Nhưng rồi Nga xách cả ba bao lạng lẽ bước ra khỏi phòng.

Được tin Nga về, đồng chí Khách phó Bí thư huyện ủy đến thăm.

— Tôi chỉ lấy một bao đề kỷ niệm thôi, còn hai bao tôi định mang về đề biếu các anh.

Nga khóc. Nga cười. Nga lại khóc, lại cười. Hai dòng nước mắt chảy ròng ròng trên đôi má trắng vẫn còn in đậm những lần roi, những nếp nhăn bầm tím trước đây chưa hề thấy.

Nga đã ho ra máu rồi chết giữa tuổi xuân phơi phới.

Mơ Dững (Trà Lâm) luôn đi sát từng nhà hiều chác từng người, vận động nhân dân làm tốt mọi việc, vận động được cả một phó mục già dao động đi dự hội nghị toàn dân, lên tiếng kêu gọi đồng bào

góp sức, góp tiền để xây dựng thôn xóm vững mạnh chống giặc giữ làng. Và xã Trà Lân sát bên đồn giặc đã tiến bộ nhanh chóng về mọi mặt.

Mơ Ai (Làng Gấm, Trà Quân) xông xáo, độc đảm, gan góc chuyên đưa cán bộ đi gặp dân sát bên đồn bắt giặc luôn bảo đảm an toàn. Có lần nhân dân một xã bạn hoang mang vì viên « đại diện » ở đây đâm ra lưng khùng dao động trước thủ đoạn khùng bố, dụ dỗ, mua chuộc của quân thù.

Ai lân la trò chuyện với các em nhỏ từ trong nóc chạy ra, làm quen dần với nam nữ thanh niên và cả gia đình cha mẹ, ông bà của họ. Chỉ hai ngày sau, Ai đưa cán bộ vào nóc trước cả trăm đồng bào có mặt.

Ở Trà Quân, sau khi giặc lên, nói là thiết lập xong bộ máy chính quyền « cách mạng quốc gia », rồi với « tay sắt tay hung », một viên « đại diện » ở đây cũng hóa lưng chừng dao động, thỉnh thoảng cũng trở tài khen ngợi Mỹ Diệm và « quân lực cộng hòa ». Cứ mỗi lần lão ta đến nhà, nhân dân trái chiếu bỏ trâu thuốc rồi lên ngõ sau đi luôn. Đồng bào ngay trong xóm của lão ta cũng chẳng một ai nói chuyện với lão. Cán bộ, đảng viên đã nhiều lần khuyên dân chưa nên có lập lão ta quá sớm. Nhưng chẳng ai chịu làm theo. Vợ con lão ta qua bao lần thuyết phục không kết quả, phải yêu cầu cán bộ, đảng viên trực tiếp đến nhà gặp lão để dân làng có chứng cứ cụ thể tiến lên áp đảo, giáo dục lão. Mấy hôm sau, hai đồng chí Nã và Thường đến ngay nhà lão. Lão trái chiếu mời ngồi rồi bảo vợ nấu cơm mời khách. Nhân dân kẻ qua người lại chỉ liếc mắt nhìn, chẳng ai chào

hỏi. Khi khách đi rồi, lão mở đến từng nhà yêu cầu nhân dân giữ bí mật giúp lão sự việc bất ngờ vừa qua.

— Ông liên lạc với cộng sản, mời cộng sản về nhà ăn cơm thì ông biết, vợ con ông biết thôi, chứ nhân dân chúng tôi thì không giám gặp cộng sản đâu. Gặp họ để ông đi báo cáo cho quốc gia lên chặt đầu chúng tôi sao ? Chỉ có ông mới thường gặp họ thôi.

Ai cũng trả lời như vậy rồi khen lão ta quen biết rất nhiều đảng viên cộng sản. Ít lâu sau lão lại lần mò đi các nóc nò hào chống cộng, tổ cộng với chính quyền « quốc gia ».

— Có ông cán bộ quốc gia đưa cộng sản vào nhà, nấu cơm mời cộng sản ăn, có tổ cáo không ?

Lão nài nỉ nhân dân tha cho tội chết. Rồi lão xin đi dự lễ đâm trâu ăn thề của địa phương. Ở Trà Quán và ở cả Trà Bồng, ít ai biết cụ thề, sâu sắc sự việc này bằng nữ đồng chí Ái, ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Trà Bồng.

Áy Thuận (Đá Líp) nhiều lần gỡ, phá khẩu hiệu giặc, rải truyền đơn ta tại quận lỵ. Thuận xóa khẩu hiệu phản động dọc đường, cất tài liệu cách mạng ở cơ quan chính quyền của giặc, bỏ ngay vào các ngăn tủ, hộc bàn giữa nhà riêng của lũ bù nhìn tay sai. Thuận còn bỏ thẳng khẩu hiệu vào túi cầm tay của giặc. Lần ấy, cách đây không lâu, khi Thuận đang phát rẫy thì tên phó tổng Thấu từ quận lỵ về đi ngang qua.

— Mời ông phó tổng nghỉ chân.

Nghe êm tai, Thấu ngồi lại trong bóng cây râm

mát. Thuận đến ngồi gần bên quạt giúp lão ta và hỏi:

— Ông phó tổng đi quận lý lần này có kiếm được thuốc điều ngon không?

— Có trống túi.

Thuận lanh lợi thò tay vào túi rồi rút ra một xấp báo dày.

— Ông mang về nhiều báo quá. Báo viết thứ gì, có hay lắm không?

— Đọc cho tao nghe thử báo gì?

Thấu trở mắt ngạc nhiên yêu cầu. Thuận đọc mấy dòng rồi lên giọng nghiêm trang trách móc:

— Ông bắt chúng tôi tổ cộng, chống cộng mà sao ông lại mang báo cộng sản. Ông là cộng sản chính cống rồi, tôi tổ ông thôi, ông tưởng cười trừ được sao?

Thuận lên tiếng gọi số đồng bào trên các rẫy gần bên chạy đến. Tất cả buộc Thấu về làng để nhân dân xử tội. Thấu cúi đầu xin nhân dân tha chết, hứa từ nay không dám hô hào « tổ cộng, chống cộng » nữa.

Cuộc sống gian nan thiếu thốn tiếp tục kéo dài, đúng như nhân dân thường nói lúc ấy: mỗi hột cơm phải dãi bằng bốn, năm giọt mồ hôi, mỗi hột muối, hột gạo được ném vào nồi canh, ít nhất cũng phải dãi đến chín, mười giọt máu. Thế mà họ vẫn hăng say lao động, công tác, ca hát nhảy múa, đoàn kết giúp nhau học tập. Cha mẹ thi đua đưa con vào trại thoát ly. Thanh niên Trà Bồng nô nức kéo nhau vào trại. Một số « dân vệ » thiết tha xin được nhận làm một thành viên của trại. Các trại cứ phình ra rồi

phải chia đôi, chia ba cho nhỏ bớt lại. Đến năm 1959, nhiều xã có đến bốn, năm trại, tạo nên lực lượng nửa vũ trang «bất hợp pháp» đông đảo đề sẵn sàng uy hiếp kẻ địch, làm chỗ dựa cho phong trào. Cầm thù thúc giục họ phải chuẩn bị bước vào con đường đấu tranh vũ trang một mất một còn với giặc. Cuộc sống thực tế đã rèn luyện họ thành những đội giao liên, thông tin, trinh sát dũng cảm và mưu trí, những đội quân trinh sát hết sức tận tụy trung thành, những đội quân sản xuất hết sức cần cơ cần kiệm, những đội du kích gan góc dạn dày, kinh nghiệm tự lực tự cường, quyết một lòng sống chết để bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân. Chính quân thù đã đẩy họ vào con đường tất yếu họ đang đi.

Các trại «thanh niên thoát ly» vẫn không ngừng phát triển và tiếp tục đổi, dời vị trí, sống chen cài với giặc. Phải chăng đó là những trường đại học của 16 ngàn người Cor trên một góc nhỏ của Trường Sơn, đang cùng toàn dân tộc chuẩn bị mọi mặt để quyết đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Nó như những ngôi sao mọc sớm đầu tiên, lập lòe sáng chói trên nền trời biến động, mù sương, chứa chan hy vọng tốt lành và tràn đầy niềm tin chiến thắng.

IX

ÁNH SÁNG TRÊN BỜ SÔNG TANG

NHỮNG ngày đầu năm 1958. Mùa mưa muộn tạnh nhưng rét mướt vẫn kéo dài trên các dãy núi cao dọc đôi bờ sông Tang. Ngày rất ngắn vì sương mù ù lì tụ mãi trên ngọn cây, sườn núi. Mọi vật đều như triu xuống trầm ngâm, đợi chờ. Chỉ có con sông Tang lúc nào cũng nóng nảy, vội vàng, bốn ba, tất tả. Nó gầm gừ giận dữ, hung hăng chồm qua các tảng đá lộ nhô giữa lòng, tung bọt trắng xóa với hàng trăm chiếc cầu vồng óng ánh rồi thu mình, gào thét, lao xuống thật sâu, rồi rầm rập khàn trương như chạy đua với thời gian, in cả trời mông mênh vào lòng, cuốn cuộn vòng vào uốn lượn, biến mình vào các chân núi đá gồ ghề lởm chởm, cây lá um tùm, rễ buông chằng chịt, trên suốt cả đôi bờ vách cao dựng đứng. Nơi đây, trong cảnh lá rậm rạp, hơi nước, sương mù và bóng tối hỗn độn, vật lộn với nhau tạo thành một thế giới huyền ảo kỳ lạ, rùng rợn; giữa ngày và đêm, giữa ánh sáng và bóng tối đang đấu tranh giằng co quyết liệt

Những người đảng viên cộng sản, đại biểu lãnh đạo các cấp, các vùng của Quảng Ngãi, theo những con đường giao liên đặc biệt, lũ lượt kéo về đây để bàn việc dân, việc nước.

Đã gần một phần tư thế kỷ, dòng sông Tang từng in bóng dáng vôi vàng phản chiếu ra đi theo « bóng ma nước thần », của các đội nghĩa quân Cor dưới quyền chỉ huy của cụ Gia, cụ Phú, cụ Chân, cụ Tài. Nó đã bao lần tiễn đưa những người nghĩa quân hăm hở lên đường tìm chiến thắng để rồi vài hôm sau, âm thầm lặng lẽ trở về, mò mẫm sờ soạng mãi trong đêm dài đen tối trên hai bờ vách đá xanh um, chói chang ánh sáng mặt trời của Trà Bồng mờng mênh, đơn độc. Mấy năm gần đây, từ sau 1954, trong sự khủng bố man rợ của quân thù, hai bờ sông Tang vẫn in dấu sự phát triển của cách mạng, trên mạng đường giao liên bí mật phát triển không ngừng. Những con đường giao liên đặc biệt, như một hệ thống mạch máu ly ty xây dựng bằng trái tim và hệ thần kinh từng trái của con người Việt Nam, đi trong lòng dân, xuyên suốt mọi xóm làng, sông núi, chạy từ vùng địch đến vùng ta, từ vùng thấp đến vùng cao, đến những nơi mà quân thù khoanh lại trên bản đồ, tô màu đỏ đậm nhất để gọi là « mật khu cộng sản ». Một mạng đường giao liên đặc biệt luôn nối liền thị xã Quảng Ngãi, các thị trấn lớn nhỏ với các vùng ven các huyện đồng bằng với các huyện miền núi Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà và hàng trăm ngàn nẻo quanh co, hiểm trở lúc ẩn lúc hiện chạy về đến Trà Bồng, tụ dần lại dọc hai bờ sông Tang, nơi những người lãnh đạo phong trào Quảng Ngãi luôn giữ vững ngọn cờ cách mạng tiến

công, ngày đêm nghiên ngẫm tình hình, suy nghĩ nhiệm vụ mà tìm tòi từng bước đi tới cho nhân dân toàn tỉnh. Những con đường giao liên huyết mạch này chạy xuyên qua các bản làng Cor của Trà Bồng, qua các trại thanh niên thoát ly, nối liền các con nước Biếc, nước Tà Ni, nước Tà Vin, nước Tà Ích, Tà Vàng đến nước Riềng, nước Tang, xuyên qua dốc núi Mang Xinh quanh năm lạnh ngắt, lắm voi nhiều vắt, hiểm trở ngắt nghèo, kín đáo chạy ra đến con sông Tranh, sông Trường để đi mãi đến khắp phương hướng, đi đến mọi nơi, đến tận những nơi trước nay chưa hề được in dấu chân của những người cách mạng. Chính vì thế trên tấm bản đồ chiến lược, Mỹ ngụy đã tô hồng cả vùng xanh, mở rộng đến đường số một, tô trum lên cả màu xanh của dãy Trường Sơn một màu đỏ đậm với 2 vòng đỏ thắm cạnh nhau ở vùng giáp giới 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, để gọi là «mặt khu Đổ Xá» trên bờ sông Tranh và «mặt khu Mang Xinh», trên bờ sông Tang.

Chúng viên rộng các vùng bồi xanh để phổ trương công lao «bình định» của chúng và «thiện chí quốc gia» của nhân dân. Nhưng màu xanh vẫn lốm đốm ít ỏi giữa màu vàng tình nghi «ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản» và càng mỏng manh, trợ trợ trong màu đỏ, màu hồng mộng mệnh. Thực tế thì những chấm xanh trên bản đồ cũng chỉ là những điểm tượng tượng trong giấc mơ cướp nước và bán nước của chúng. Chúng có máy bay, tàu biển, xe tăng, đại bác, súng lớn, súng nhỏ, có ra-đa mắt thần, máy điện tử tâm lý, có máy chém, nhà tù và có đô-la nhưng chúng vẫn khiếp sợ những cái gì mới mẻ, thô sơ đang chớm nảy mầm trên đất

nước này. Chúng cố lục lợi những lối mòn môi mở, chúng dò la những dấu chân trần còn in trên đá, trên nương, chúng cố tiêu diệt, bóp chết, dập tắt ngay một tia sáng nhỏ, một ánh lửa mỏng manh.

Nhưng chúng đã không sao làm được!

Những lối mòn vẫn mở. Những con đường giao liên đặc biệt, vẫn mở. Như những suối nhỏ chảy về suối lớn để thành sông và sông con dồn nước vào sông lớn để xuôi về biển cả. Những lối mòn ấy, trước đây, trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã bắt đầu từ vùng đầm lầy Nam Bộ, xuyên qua Trường Sơn, Liên Khu 5, Liên khu 4 để chạy về Việt Bắc, đến với Bắc Hồ và Trung ương Đảng. Nó đã xuôi về một mối từ Nam ra Bắc để tạo thành con đường xuyên suốt dãy Trường Sơn, trong lịch sử kháng Pháp nó là con đường tiến về Điện Biên Phủ, con đường làm suy sụp, tan rã từng mảng cơ đồ chủ nghĩa thực dân cũ. Những lối đi-Việt-Nam ấy, từ khi pháp rút, Mỹ vào, vẫn tiếp tục mở, mở dần, mở nhanh, mở mãi như từ trong lòng đất nước mở ra, không một sức mạnh nào ngăn cản nổi. Nó là con đường thống nhất Tổ quốc, con đường độc lập, tự do, hạnh phúc, con đường Hồ Chí Minh lịch sử, con đường theo Đảng đến cùng, con đường không chỉ vạch ra trên đất, trên nước, trên không trung mà là con đường xuyên lịch sử thời đại, mỏng menht không thể đo lường bằng thước tấc hay bằng máy tính điện tử tinh vi. Ấy là con đường đi lên không hề mệt mỏi của lòng yêu nước, của truyền thống anh hùng để đập cho tan tành chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Ở Quảng Ngãi, nó đã hội tụ về đây, trên bờ

sông Tàng của Trà Bồng hùng vĩ. Họ về đây, sau bốn năm lăn lộn với phong trào, lúc ẩn, lúc hiện trải qua bao thử thách gian nguy, bao đồng chí, đồng bào đã hy sinh vô cùng oanh liệt. Họ về đây, tạm rời những cảnh địa ngục trần gian nhàn nhàn trên mọi xóm làng. Trong tâm trí họ vẫn hiện rõ những cảnh nước mắt hòa tan trong máu, tiếng lưỡi lê lách cách, tiếng giày đinh lộp cộp, tiếng rên xiết uất ức la hét trong các nhà tù, các phòng tra tấn, trong các buồng sám hối nặng nề, nóng nực, cùng những tiếng Mỹ bồi hồ lớn, tiếng dũa, tiếng thia va nhau loảng choảng quanh các bàn thi ăn gan Việt cộng nhấm với rượu Úyt-xky. Ở đó, từ giữa năm 57 bước vào đợt 3 «tổ cộng» chỉ còn nghe tiếng súng, tiếng mõ, tiếng hô hào truy lùng cộng sản, đêm đêm, chỉ còn thấy hàng trăm, hàng ngàn cây đuốc sáng rực dàn thành hàng ngang kéo bừa qua những cánh đồng, soi mói từng gốc cây, ngọn cỏ, góc ruộng, bờ ao để săn lùng Việt cộng. Ở đó, một cái đầu, một trái tim, một mảnh gan sống, máu tươi của cộng sản có thể đổi lấy hàng ngàn đô la và hàng trăm chiếc hoa mai mạ bạc, mạ vàng. Từ một vùng đồng bằng, những người đảng viên cộng sản hầu như không còn đất sống, con cái của họ không được ngủ tại nhà, cha mẹ bà con của họ đêm đêm phải đi đội gạch tưng kính sám hối, vợ của họ phải lặn mò đầu ngón tay vào lờ li dị in sẵn để đi «tập trung huấn chỉnh» tại nhà riêng các ngài «đương kiên chức trách» hoặc phải đi «biệt phái» cho các ngài cố vấn Huế Kỳ và các trại lính «biên cương» của quân đội cộng hòa. Thế mà họ vẫn từ những nơi ấy, trở về đây. Có người đã giả câm, giả điên, giả điếc, có người đã đóng vai

thầy cúng, thầy tu, đôi vùng làm người buôn bán hàng rong, bán đồ gốm, bán đá mài, bán chiếu... đi hết xóm này qua xóm khác đề động viên nhân dân duy trì phong trào, giữ gìn cơ sở. Có người lâu ngày nằm trong hầm sâu bí mật, màu da trắng nhợt, mắt mờ, tóc râu bồm xồm. Có người cà răng, căng tai, vận khổ, đề tóc dài, nhuộm nắng cho cháy sạm màu da sung sướng được nói lại tiếng mẹ đẻ với giọng lơ lớ của tiếng dân tộc vùng cao. Có người đã sống hàng tháng trời trong ruộng lúa, đêm đêm hồi hộp chờ đợi hàng trăm cây được soi rọi quanh mình, nghẹn ngào nhận phần lương thực giếp tế, những nụ cười đầy khổ đau và tin tưởng, những cái nhìn chứa chan yêu thương cảm phục và thăm hỏi triu mến của những cây đuổe cơ sở vợi vĩa lướt ngang qua. Làm sao đo được tình cảm của nhân dân đối với Đảng và sự hy sinh hết sức tự nguyện của những người dân bình thường đề đùm bọc, nuôi dưỡng, chở che cho những người đảng viên cộng sản. Họ về đây, còn sống được đề về đây, chính là nhờ có sự hy sinh cao cả ấy. Và đối với họ chỉ còn có mỗi một điều là phải quyết sống và phải dám chết vì lợi ích của nhân dân, dám hy sinh tất cả cho dân. Họ ngồi đây, bên nhau, trong ngôi nhà sàn cũ kỹ, âm thấp, kín đáo giữa rừng già mù sương, lạnh lẽo, ôm cù nhau cười ha hả, gỡ giúp nhau những con vắt ngoan cổ bám chặt vào nách, vào lưng, hai tay lơ sà trên ngọn lửa, chia nhau từng dùm mĩ đang chín dần trong bếp, kê cho nhau những trường hợp hy sinh của đồng chí, đồng bào. Trong họ, cũng có những người mấy lần vượt ngục, có người đã chui ra tù trong những hầm chôn người tập thể, đã bỏ về tù trong nhà xác

lạnh lẽo bên cạnh các phòng tra tấn vừa tối tăm vừa man rợ kiểu trung cổ của giặc, có người đã vờ ngã trước hàng loạt đạn của địch rồi nhảy phóc xuống sông tàu thoát. Tất cả đều đã trải qua hàng chục lần chết hụt... Họ ngồi đây, quanh bếp lửa hồng hừng hực ngọn lửa bốc cao soi rõ từng khuôn mặt, nhảy múa, reo cười, có lúc trầm ngâm, cảm lặng trong tiếng gào thét lúc xa, lúc gần dội lên từ dòng sông Tang cuộn cuộn. Trong lòng họ là cuộc sống đau thương tang tóc với bao tình cảm nguyện vọng thiết tha của nhân dân qua kinh nghiệm thực tế nóng hổi của bản thân mình. Rõ ràng nhân dân không thể sống nổi dưới chế độ Mỹ Diệm. Những năm trước đây, mọi nhà chong đèn thấp hương, hướng bàn thờ theo sao bắc đẩu, hy vọng, chờ đợi. Đến nay, họ sẵn sàng bỏ cả gia tài sự nghiệp, đưa cả nhà, cả xóm, cả làng lên núi. Quân thù đã dùng khủng bố tàn sát để đàn áp nhân dân, đánh phá các mạng, thì ta không còn con đường nào khác ngoài con đường bạo lực để đánh đổ quân thù. Khi tiễn đưa cán bộ đi họ biết bao người dân vừa khóc, vừa cười, không rủ nhau mà tất cả đều cùng một lời nhắn gửi: «yêu cầu Đảng cho đánh, chúng tôi đã sẵn sàng». Những lời đầy hào khí ấy như đang ngân vang trong tiếng lửa cười, tiếng gió thổi rào rào qua rừng già, tiếng gầm gừ gào thét của sông Tang trong đất Trà Bồng.

Họ ngồi đây, giữa mùa xuân 1958 đang bắt đầu mà trong trí nhớ của họ, diễn qua mỗi lúc một gần hình ảnh của những ngày mùa thu năm 1945. Từ trong bóng đêm của địa ngục, trong cảnh tranh tối tranh sáng của gian nhà giữa rừng già bên bờ sông Tang, họ ngồi bên nhau quanh bếp lửa hồng, mơ ước ánh

sáng tung bùng rừng rực của mùa thu 1945. Họ phải hy sinh. Họ sẽ hy sinh. Họ sẵn sàng hy sinh tất cả. Nhưng phải hy sinh, trên tư thế của người chiến đấu. Họ trao đổi, bàn bạc, lúc thăm thì thỏ thẻ, lúc bỗng bật, hăng say, như sắp xông vào trận đánh.

Qua cuộc họp học tập 1956 khi quân thù phớt lờ hiệp định Giơ - ne - vơ, hô hào «Bắc tiến» họ đã cùng nhau xác định tinh thần đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ. Nhưng ta càng nhân nhượng địch càng lấn tới. Phong trào đồng bằng càng chuyển vào thế thủ đề bảo toàn lực lượng, càng bị địch quyết liệt tấn công, lực lượng càng bị hao mòn, có nơi hầu như tan rã. Ngược lại ở miền núi Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà và đặc biệt ở Trà Bồng, vừa đấu tranh chính trị, vừa làm công tác binh địch vận, vừa kiên quyết trừ khử những tên tay sai, ác ôn gian ác, phát động nhân dân bố phòng chống địch, ta vẫn giữ vững được phong trào, phát triển thế lấn công, từng đòn đau hạ uy thế của Mỹ ngụy. Rõ ràng phải dám đứng lên, và chỉ có đứng lên, mới giành lại được cuộc sống cho đồng bào, cho đất nước.

Cũng độ này năm 1957, khi quân thù huênh hoang đã thiết lập xong bộ máy «chính quyền quốc gia» ở khắp đồng bằng, sẽ kiên quyết ổn định tình hình toàn miền Nam trong thời gian ngắn nhất với bất kỳ giá nào để chuẩn bị lấp sông Bến Hải, «Bắc Tiến», khi chúng khủng bố quyết liệt nhân dân ba huyện Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, khôi phục lại mọi hoạt động tàn bạo của bọn phiến loạn «chí xéng», khi chúng đưa hàng ngàn quân lên Trà Bồng để giết người, cướp

quế, đóng đồn, quyết xây dựng bộ máy cai trị của chúng đến tận thôn xóm, khi cả bọn cơ hội tòi ra làm tay sai cho giặc cũng chính là khi họ đã vội vã cử đại biểu về khu xin ý kiến, đề đạt với khu nguyện vọng tha thiết của nhân dân và cũng là của họ ; tranh thủ chuẩn bị thực lực mọi mặt, khẩn trương xây dựng căn cứ địa, thành lập ngay lực lượng vũ trang, gấp rút chuyển qua bạo lực, giữ vững và phát huy thế tiến công, đang lên ở miền núi.

Khu cùng họ bàn luận, trao đổi, tính toán thuận lợi và khó khăn. Tiếp theo những buổi làm việc căng thẳng trong rừng là những đêm mát lạnh, ngồi sát bên nhau trên các phiến đá dọc bờ sông, vừa buông cần câu cá vừa tâm tình trò chuyện. Những tia sáng mới lóe lên trên bầu trời đầy sao. Những ngọn lửa hồng muốn phụt lên để thổi tan lớp tàn tro trên than nóng. Nhưng đêm tối vẫn eòn dầy, khó khăn vẫn còn lắm, hy sinh vẫn còn nhiều, đấu tranh cách mạng không thể ngăn, trở ngại gian nguy chưa sao lường được hết, đối tượng thù đã thay đổi nhưng ta có sức mạnh của nhân dân, dựa vào nhân dân dạn dày kinh nghiệm, cứ mờ mẫm dần, cùng nhau đi tới và họ ra về, mang về một số tài liệu, một số tiền, đi theo những con đường ngắn nhất, bí mật an toàn nhất.

Từ ấy Trà Bồng bắt đầu vang lên tiếng hát, nhân dân trở lại cắt tóc, mặc quần, ăn cơm với dưa, thanh niên nam nữ lần lượt bí mật kéo nhau đi thoát ly, nông dân, phụ nữ bí mật nghiên cứu làm theo các điều lệ mới của nông dân giải phóng, phụ nữ giải phóng. Bên cạnh những người đảng viên có thêm một lớp trung kiên, cảm tình Đảng, trẻ trung, hăng hái.

sẵn sàng hiến dâng cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp sống còn của dân tộc. Cũng như Trà Bồng các huyện miền núi từng bước tiến lên giành thắng lợi, giữ vững thế tiến công để làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào các huyện đồng bằng còn đầy máu và nước mắt trước đòn phục thù man rợ của chiến tranh một phía.

Những người đảng viên cộng sản Quảng Ngãi sống sót sau 4 năm đầu lặn lội trong nước sôi lửa bỏng đang sôi nổi bàn luận về tình hình, nhiệm vụ. Tư tưởng trong nội bộ có dứt khoát phân minh mới tạo nên được sức mạnh nhất trí, vững chãi trong đấu tranh quyết liệt với quân thù. Những cuộc tranh luận vô tư và nẩy lửa thường tóe ra những tia sáng, soi tỏ mọi sự vật và cuối cùng đã dẫn đến những kết luận. Họ nhất trí nhận định rằng càng chuyển vào thế thủ càng thất thế, suy yếu và hao mòn lực lượng. Rõ ràng phong trào ở thành thị và đồng bằng đến nay, đầu 1958 trước đòn phản kích quyết liệt của địch càng giảm sút nặng nề, gặp nhiều khó khăn tồn thất, suy yếu cả thế lẫn lực. Vấn đề đặt ra trước mắt đối với đồng bằng là phải tạo mọi điều kiện để chuyển từ thế thủ sang thế công. Vì cách mạng có nghĩa là tiến công dù bằng hình thức này hay hình thức khác. Ở miền núi, địa hình hiểm trở, nhân dân suy nghèo của nhưng giàu đức hy sinh, một lòng một dạ trung thành với cách mạng, sẵn sàng dùng bạo lực chống lại quân thù, bao năm nay đã trở thành căn cứ chiến lược, làm chỗ đứng chân vững chắc, tiến có thể công, lùi có thể thủ đã trở thành «đất thánh» của cách mạng. Ở đây, với ảnh hưởng to lớn của đường lối, chính sách dân tộc của Đảng,

với uy tín tuyệt đối của Hồ Chủ Tịch, của Đảng, nhờ ta đã sớm biết phát huy bạo lực của nhân dân nên phong trào luôn giữ vững thế tiến công, luôn phát triển. Đó là một thắng lợi lớn về chiến lược, vì như mọi người đã biết, ai chiếm được Tây Nguyên sẽ nắm được trong tay phần thắng. Phong trào phát triển vững chắc, không những ở Trà Bồng, ở các huyện tây Quảng Ngãi mà ở cả Tây Nguyên và các huyện miền tây các tỉnh đồng bằng. Họ hoàn toàn nhất trí với nhận định của khu. Ở miền núi, tuy ta chưa có lực lượng vũ trang nhưng có quần chúng nhân dân mạnh, giàu kinh nghiệm bạo lực, có địa hình thuận lợi, có nhiều thời cơ tốt để tấn công quân địch, nên so sánh lực lượng giữa địch và ta thì địch không mạnh, tuy ta chưa mạnh. Vấn đề cấp bách đặt ra trước mắt là phải biết phát huy và vận dụng mọi điều kiện thuận lợi tiếp tục phát động quần chúng nổi dậy, đồng thời phải tranh thủ, chuẩn bị thực lực mọi mặt để sẵn sàng chớp thời cơ chuyển qua giai đoạn mới.

Hiển nhiên con đường đi lên còn phải lặn dò, mò mẫm, gian khổ, khó khăn. Phải dùng bạo lực cách mạng như thế nào? Chỉ có bạo lực chính trị của nhân dân hay phải cộng thêm bạo lực của vũ khí, của chiến tranh, một cuộc chiến tranh thực sự? Đến lúc nào mới dùng bạo lực? v.v... Với những bài toán ấy, cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống Pháp, trong những điều kiện cụ thể ngày trước, chưa thể cung cấp một đáp số cho những điều kiện cụ thể ngày nay. Nhưng dù sao phương hướng đi lên mới vạch ra bước đầu từ mùa xuân 1958 này như những luồng ánh sáng ban mai xuyên thủng cả sương mù từ bấy lâu bao trùm sông nước.

X

GÒ RÔ DIỄN HỒNG : 1958

HOAN hó ! Dân Trà Bồng chúng tôi đã sẵn sàng. Thiếu muối thì ăn chua, ăn cay thay muối, thiếu rừ thiếu niếc thì dùng rựa dùng tay. Không phát được rùng già thì làm lại rẫy non, rẫy dè. Đói vẫn không chết hết được đâu, thiếu vải, thì đàn bà con gái trồng thêm bông tự tay dệt váy, dệt khố. Ông Biên, ông Cả, cụ Tài, cụ Bung nghe tôi nói có đúng không nào ?

- Đúng lắm, đúng cái bụng lắm

- Hoan hô, hoan hô

- Dừng có nhiều lời nữa. Người Cor không thích đánh giặc bằng nước miếng. Máu đã đỏ rồi, phải đánh bằng máu thôi. Nào ai dám đồ máu ? Các cụ, con cháu các cụ, xóm làng các cụ có dám đồ máu không nào ?

- Không ai sợ đâu. Nhưng bọn chúng làm to chuyện thì sao ?

— Đồng ý hoàn toàn với ý kiến ông Trương. Nếu xảy ra to chuyện ở đâu thì lo, chứ ở Trà Bồng thì khỏi. Hồi trước đánh Pháp tám năm liền, có phải không cụ Tài? Sau này kháng chiến chống Pháp, chín năm, có đúng không ông Cả? Không phải mình muốn đánh, muốn đờ máu. Nhưng đến bây giờ mà còn tiếc máu, không đánh là không được, có phải thế không các cụ? Tiếc quá, không có cụ Gia về đây đề cụ phát biểu ý kiến cho mà nghe.

— Thế thì cụ Tài hãy phát biểu đi.

— Vâng, thưa các cụ, trước đây cụ Gia và chúng tôi, chẳng có chuẩn bị nhiều. Mà cũng chẳng biết gì về chuẩn bị ngoài mấy chai « nước thần ». Vì thế, có đánh mà ít có thắng, trừ trận Gò Rô tại xã Trà Phong này rồi về sau, phải kéo nhau lên núi cao trong bao năm trời cực khổ. Hồi ấy, chúng ta chưa có Bác Hồ, chưa có Đảng, chúng ta như người đi đêm trong rừng già, không đèn không đóm. Ngày nay đã khác trước rồi. Dân tộc Cờ Trà Bồng chúng ta đã có Đảng, có Bác Hồ. Ở đây, hôm nay, chúng ta cũng có Đảng, tại sao chúng ta không suy nghĩ cho kỹ ý kiến của Đảng mà ông Biên truyền đạt.

— Phải, phải đấy, nói đi anh Biên.

— Hoan hô anh Biên, cứ nói, nói cho sáng mắt sáng lòng nhân dân.

Cho đến lúc anh Biên đứng lên phát biểu một hồi lâu, không khí hội trường mới thực sự im lặng trở lại. Những năm lặn lội không nghỉ đã cướp của anh một nửa màu đen trên mái tóc, bù lại cũng đem lại cho anh

lòng tin yêu sâu sắc và tình cảm gắn bó mặn nồng của nhân dân. Anh từ tốn báo cáo lại cho gần hai trăm đại biểu về dự hội nghị bỏ lão Gô Rô lịch sử này, tinh thần nghị quyết của hội nghị Đảng trên bờ sông Tang và chỉ thị tổ chức tự vệ vũ trang bí mật tháng 5 năm 1958 của Khu ủy 5. Cứ nhìn các màu tóc, khuôn mặt, vùng trán, đôi mắt làn môi của các đại biểu ngồi sát bên nhau, hết sức chăm chú lắng nghe, đề rồi bỗng đứng cười không ra tiếng, bỗng đứng ngồi xích lại bên nhau và nhích đến gần anh Biền, càng thấy giá trị của từng lời nói từng ý, từng phút giây của mùa thu 1958 trong hội nghị Gô Rô lịch sử này. Trước mặt và xung quanh anh là bảy mươi bỏ lão cũng một số cán bộ kháng chiến tóc đã hoa râm, một số đại biểu lớp trẻ của phong trào gồm đủ bốn dân tộc anh em trong huyện Trà Bồng: Cor, Cà Dong, Hre, Kinh và đại biểu các dân tộc anh em các huyện bạn láng giềng: anh Lãnh dân tộc Hre Sơn Hà, cụ Phó Nía, đã cùng ông Run và nhân dân Sơn Hà chống Pháp từ năm 1945, tận tình giúp đỡ đội du kích Ba Tơ thuở còn trứng nước, từ vùng Cô Tua, tận phía tây Sơn Hà, cũng về đây họp mặt và các đại biểu bỏ lão ở Minh Long, Ba Tơ (Quảng Ngãi), Trà My (Quảng Nam) và của tỉnh Kon Tum láng giềng. Kể ra, không phải mãi đến hôm nay, 7 tháng 7 năm 1958 các cụ già Trà Bồng mới được nghe những chủ trương mới này của Đảng. Bọn thanh niên đã kháo nhau từ lâu, nhỏ to thì thăm, lúc xôn xao. Bọn nó ngày nay biết trước mọi việc và biết rộng, biết sâu hơn các cụ. Nhưng các cụ tuy đã trải qua 2 lần chống Pháp 17 năm liền và 4 năm nay luôn hằng say cùng xóm

làng, chống Mỹ, chống Diệm, vẫn muốn được cùng lớp con cháu tiếp tục chiến đấu đến cùng, đề sớm được đón Bác Hồ vào thăm, trước khi đi nằm luôn dưới đất

Không khí của hội nghị bỏ lão Gò Rô từ 7-7-1958 đến 10-7-1958 lúc nào cũng bùng bùng sôi nổi. Phải tốn khá nhiều công phu, những người lãnh đạo của Quảng Ngãi, của Trà Bồng, mới thuyết phục nổi các cụ già điềm tỉnh trở lại. Cũng không phải ngẫu nhiên mà các cụ muốn kéo về Gò Rô mở hội Diền Hồng đề bàn việc nước với Đảng. Chính tại Gò Rô này đã diễn ra một trận đánh kéo dài giữa nghĩa quân Cor và quân đội thực dân Pháp. Đến nay cỏ đã mọc xanh rì dưới bóng quế, cau, tre, chuối. Nhưng hình ảnh lịch sử cách đây 20 mười năm và cả hàng ngàn năm trước như sống lại trong tâm tư những người hôm nay về đây hội nghị. Cụ Chân, người chỉ huy trận đánh đã hy sinh, nhưng bao nhiêu chiến sĩ nghĩa quân Cor có mặt trong trận Gò Rô thắng lợi ấy ngày nay lại về đây. Cụ Tài, người chỉ huy căn cứ nước Tang, Cụ Bung, người thay thế cụ Chân tiếp tục chỉ huy đánh thắng trận Gò Rô, anh Thuộc, con trai cụ Phó mục Gia, người đã bị chết tên Pháp, đồn trưởng Trà Bồng, ông Thiều, một nghĩa quân nổi tiếng khỏe, đẹp, một mình vật ngã mấy thằng Tây... nay cũng đều hăm hở bí mật về đây.

Ý kiến phát biểu liên tục, sôi nổi trong làn khói thuốc mờ mịt khắp ngôi nhà họp. Và tiếng nói của lứa tuổi già hòa với tiếng lòng của lứa tuổi trẻ trở thành sức mạnh xung thiên của nhân dân Trà Bồng biến ánh sáng trên bờ sông Tang và nghị quyết của Khu ủy 5 thành thực lực cách mạng trước giờ được

lệnh đồng loạt nổi dậy tiến công.

Giữa tiệc rượu pha máu ăn thề, cụ Triều, người chiến sĩ kiên cường suốt hai mươi năm hằng say chiến đấu, đại diện cho vùng cao và đường rừng, cụ Kiến, đại diện cho vùng thấp và đường nước đứng lên nhận lá cờ của Đảng trao, cờ có thêu dòng chữ « Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng ». Hai cụ nghiêm trang nhắc lại những việc làm cụ thể của mỗi đại biểu sau hội nghị trở về:

1- Kêu gọi toàn dân đoàn kết quanh Đảng, kiên quyết chống Mỹ và bè lũ tay sai cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

2- Động viên nhân dân bố phòng, chống thú rừng, đồng thời chống giặc, cứ mạnh dạn bố phòng, hoặc báo tin trước cho địch rồi bố phòng, hoặc cứ bố phòng trước rồi báo cho giặc biết sau.

3- Thuyết phục nhân dân bỏ lối « kinh tế leo cây » (1) đẩy mạnh sản xuất, phát triển trồng mi, thực hiện tiết kiệm để có ăn và có thừa dự trữ.

4- Động viên từng nóc, từng nhà bằng đủ mọi cách có thể mua sắm dự trữ muối, vải, nông cụ đủ dùng trong ba năm hoặc lâu dài hơn.

5- Kiên quyết không cho con cháu đi lính nguy, vào « dân vệ » làm tay sai cho giặc. Gia đình nào có con làm đường phải tìm cách gọi về. Ai ngoan cố phải chịu trách nhiệm, các cụ già và xóm làng sẽ không bảo đảm tính mệnh về sau này.

(1) Đi hái trái cây, đào củ rừng ăn thay gạo

6- Xã nào có đồn giặc, có bọn lính, bọn chính quyền, bọn « dân vệ » hoặc đã nhận súng hoặc còn tay không, *nóc* nào còn bọn « bình định nông thôn » phải theo dõi nắm chắc, tranh thủ giáo dục cho chúng quay về hoặc đồng tình ủng hộ nhân dân chống địch, không gây tội ác với nhân dân.

7- Động viên số thanh niên còn lại trong các *nóc* đi thoát ly để khỏi sa vào tay giặc mà chết thối, chết nhục.

8- Giải thích, kêu gọi nhân dân xóa bỏ mê tín dị đoan có ảnh hưởng trở ngại đến đời sống, sản xuất và hoạt động của cách mạng.

9- Triệt để thực hiện « ba không » (không biết, không nghe, không thấy), cảnh giác với âm mưu địch giữ gìn bí mật để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng.

10- Mỗi đại biểu, dù tuổi già sức yếu sẽ đem hết sức mình làm gương cho con cháu, phổ biến tinh thần hội nghị Gò Rô cho tất cả các cụ già vắng mặt, cho toàn thể nhân dân để mọi người nhứt trí, đoàn kết, hạ quyết tâm phối hợp hành động, cùng nhau thi đua giành kết quả tốt nhất.

* *
*

Tiếng nói của các cụ già đại biểu hội nghị Gò Rô nhanh chóng lan ra rung chuyển không khí của các làng *nóc* Trà Bồng. Các làng *nóc* xôn xao tổ chức hội nghị dây chuyền lắng nghe từng ý từng lời của đại biểu Gò Rô. Các cụ già ở nhà, họp riêng để nhận phần

quả lễ thiêng liêng cổ truyền (1) của hội nghị và bàn riêng với nhau trách nhiệm của những người già. Đại biểu làng xã nào nhận phần trách nhiệm phổ biến các chủ trương của hội nghị cho nhân dân làng xã ấy. Hội nghị sắp bế mạc thì anh Khang cùng vừa về đến với Được sống gần bên Bác Hồ, nhất định anh Khang có mang về nhiều bài học mới, mắt thấy tai nghe làm cảnh đẹp, điều hay. Hội nghị cử anh Khang và một số đồng chí chỉ đạo cấp tỉnh, huyện đến cụ Gia đề báo cáo với cụ về nội dung, kết quả hội nghị về sức khỏe của Bác Hồ, tình hình miền Bắc, và trực tiếp chuyển lại cụ các món quà của Đảng, chính quyền nhân dân hai miền biếu tặng cụ. Đồng thời hội nghị cử anh Cừ và một số cán bộ, thanh niên đi tuyên truyền phổ biến, trong nhân dân Kinh các xã tây Bình Sơn giáp ranh với Trà Bồng.

Cụ Gia năm ấy đã ngoài trăm tuổi. Người chiến sĩ lão thành này là hiện thân của tinh thần anh dũng bất khuất của dân tộc Cor. Từ những năm chưa tìm ra Đảng, cụ đã gan góc lãnh đạo nhân dân đương đầu với giặc Pháp với ý chí thà chết rục xương trên núi chứ quyết không hàng địch. Trong kháng chiến chống Pháp, sung sướng tìm ra mặt trời chiến thắng trong Bác Hồ, trong Đảng, cụ đã đem phần lớn tài sản của mình cống hiến cho nhân dân cho cách mạng, được tặng thưởng Huân chương Quân công Hạng nhì từ những năm đầu kháng chiến và được toàn dân tin

(1) Theo phong tục, hội nghị Gò Rô giành phần rượu thịt, trong lễ ăn thề do các đại biểu mang về biếu các cụ già ở nhà để tỏ lòng kính trọng, xem như các cụ đã có trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm với hội nghị.

nhệm bầu làm Chủ tịch huyện Trà Bồng, và Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Mấy năm nay, cụ luôn hiên ngang chửi thẳng vào mặt giặc, công khai ca ngợi Bác Hồ, ca ngợi Đảng, kiên quyết từ chối mọi sự mời mọc của giặc : « *Đối với lời, lời chỉ biết có cụ Hồ, miệng lời không thề dối lòng tôi* ». Bên bếp lửa giữa nhà, cụ lắng nghe anh Khang, người chiến sĩ nghĩa quân trước kia của cụ cũng là người may mắn tìm ra Đảng trước cụ và những năm vừa rồi được Đảng cho ăn học, từ bên Bác Hồ mới về lại Trà Bồng với tầm hiểu biết đáng mừng, đáng phục. Cụ lắng nghe anh Khang như lắng nghe lời của Đảng, gật gù tán thưởng « *Đúng, đúng lắm, giữa bọn chúng với nhân dân ta chỉ có một bên được sống. Phải đánh, chỉ có dám đánh ta mới sống được thôi. Chúng ta chỉ có một cụ Hồ chỉ có một Việt Nam thôi, tuy còn khổ nhưng chỉ thắng chứ không sao thua được* ». Cuộc đời chiến đấu, tánh tình hiên ngang trung thực của cụ làm cho những lời lẽ giản đơn của cụ có sức mạnh to lớn. Báo « Đoàn kết » tờ báo đầu tiên trong lịch sử của dân Trà Bồng số đặc biệt nhân hội nghị Gò Rô, in lên trên khuôn đất sét được nhanh chóng đưa về thôn xóm. Tờ báo với những nét chữ màu tím, công khai ra đời trong lúc Trà Bồng dày bóng giặc, trong lúc việc khao khát học chữ của nhân dân bị quân thù xem như phạm tội, càng có tác dụng cổ vũ, hiệu triệu, kích thích con người. Phong trào học chữ được khôi phục sôi nổi bên cạnh phong trào ca hát nhảy múa ngày càng rộng khắp. Các em nhỏ hợp thành đoàn kéo vào đồn giặc, nắm tình hình, hát múa buộc quân giặc cứ phải xem, phải nghe, phải khen. Các cụ già từng nhóm kéo

lên núi cao tìm các loại chất độc nhất đem về phân phối cho các nhóm vót chông. *Thò-đơn* chuyên gài nai, heo nay được cải tiến thành *thò-liên-hoàn* bố trí theo lối dây chuyền tự động nhiều phía, nhiều tầng, trong một trận địa dài rộng, với hàng trăm mũi tên tầm thuốc độc thừa sức để đâm thủng xương ba người một lúc, chết đứng ngay tại chỗ không đường cứu chữa. Chông tre qua bao đời chuyên cắm im trên mặt đất nay được cải tiến thành *chông-bầy*, *chông-chùm*, *chông-bay*, *chông-tự-động*, từ lòng đất vọt lên, từ các tầng đá, các hóc cây bên đường lao ra, từ trên trời cao phóng xuống, chúng đâm thủng bàn chân, bắp cẳng, đập cả một chùm mũi sắc nhọn vào ngực, vào đầu. Các bầy đá trước đây thường nằm đơn độc trên các dốc cao để chờ quân thù, nay *bầy-mẹ* tự động giết *bầy-con*, xua quân thù chui vào các bãi *chông-ba-lá* và *chông-lá-lúa*, toàn thân tầm độc nằm kín trong cỏ và chông hằm bí mật phục kích theo từng tuyến dưới lớp đất nguy trang. Cây súng gỗ dùng để huấn luyện của « thanh niên thoát ly » nay được căng thêm một dây cao su làm con cò im lặng để đẩy những *viên-dạn-tự-túc* vút vào mình lũ giặc cách xa trăm thước... Sự chuẩn bị rộng khắp, khẩn trương nhưng hết sức âm thầm, kín đáo. Các *rẫy-lúa*, *rẫy-sắn-cách-mạng* (1) ngày càng trải ra menh mông trên các sườn núi. Từ cuối năm 58, bị địch kiểm tra ngăn cấm ngặt nghèo, nhưng được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân đồng bằng, muối, vải, gạo, tiêu từ Bình Sơn Sơn Tĩnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Trà My, Tiên Phước, Tam Kỳ... vẫn bí mật về tới Trà Bông, chui vào các kho sâu kín. Các lúa quế non lá cành mơn mớn vẫn theo ngày tháng vươn lên trên các rẫy quế già đã bị quân thù cướp phá.

(1) Lúa và sắn dành riêng cho việc ủng hộ cách mạng.

Chớ có đụng vào những mầm non, những lớp quế non mọc lên từ sức mạnh Gò Rô của Trà Bồng vì lòng nhớ thương tin tưởng tuyệt vời trong sáng của dân Cor đối với Bác Hồ muôn vàn yêu kính.

Toàn Trà Bồng vươn lên những mầm hy vọng tràn trề ý chí chiến đấu và lòng tin tưởng ở ngày mai. Nó đang xua tan dần màn sương mù khủng hoảng nặng nề, mở ra lối đi sáng sủa, ấm áp đưa cách mạng vào phương hướng mới. Nó làm cho quân thù phải lo lắng, khiếp sợ đến mất ăn mất ngủ. Chúng đào thêm hào, dựng thêm lô cốt, rào thêm giây thép gai bao bọc quanh đồn. Hai tiếng Gò Rô và những biến chuyển sau Gò Rô khiến chúng phải khủng bố đề phòng đập tắt phong trào từ trong trứng nước. Chúng lên lút đưa lính vây bắt ông Triều vào một buổi chiều tháng mười năm 1958 để tra hỏi về lá cờ của Đảng.

- Mà đi họp với bọn cộng sản ở đâu ?

Cụ Triều dang rộng cánh tay bầm tím máu chảy từng dòng, huơ vòng trước mặt :

- Ở đây, toàn bộ sông núi chỗ nào cũng có.

Cụ bình thần nhìn quanh bốn phía, âu yếm nhìn khắp mọi người sục sùi máu, rồi bồng đặt cả năm đầu ngón tay vào ngực, hết sức nghiêm nghị rõ ràng ;

- Ở đây, trong trái tim tao. !

- Mà có nhận cờ của cộng sản không ?

- Không, đó là cờ của chúng tao.

- Cờ gì ?
- Đoàn kết.
- Nhưng cộng sản trao, mày nhận, phải không ?
- Phải.
- Nhận để làm gì ?
- Đoàn kết.
- Chúng mày còn nhận những gì nữa ?
- Có báo Đoàn kết.
- Cờ, báo bây giờ cất dân ?

Cụ điềm tỉnh nhìn dân làng đang bị quân thù tập hợp quanh mình để phải xem cảnh tra tấn. Những người dân bà ôm lấy nhau, nước mắt đầm đề. Những đứa cháu của cụ khóc rú lên. Và anh Lang, con trai của cụ, hai tay bị trói chặt, đôi mắt long lên như hát lửa. Cụ đưa mắt trừng trừng nhìn lũ giặc rồi mạnh bạo tung hai cánh tay bầm máu lên trời, chỉ thẳng vào đầu, vào ngực đầy lằn roi ngang dọc.

- Cất ở đây, ở đây, trong đầu tao, trong tim tao !

Chúng trói cụ lại, phơi nắng ba ngày, không cho ăn uống, thay phiên nhau canh gác và chờ đợi giờ phút « tên mọi già » đầu hàng. Nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại. Cụ vẫn hiên ngang vạch mặt quân thù nguyện rửa bọn tay sai ác ôn khát máu, thuyết phục bọn lính đứng cạnh cho mãi đến chiều ngày thứ ba, chúng phải thả cụ ra, thành ngày buộc phải lên đồn trình diện. Cụ chuyển ngay qua hoạt động « bắt hợp pháp ». Nhưng rồi lại bị bắt. Sau những trận tra khảo không đạt kết quả, chúng đưa cụ về quận lý để dùng

những phương tiện hiện đại tra tấn. Cũng không đạt kết quả. Chúng lại dùng cụ về Trà Lãnh, quê cụ, khắp mình mấy lần roi ngang dọc tím bầm, máu còn rỉ chảy từ rất nhiều vết thương không băng bó. Trước sau như một, cụ vẫn hiên ngang vạch mặt quân thù.

— Mày sẽ bị bắn.

— Bắn đi, cứ bắn đi,

— Có muốn nói gì không ?

— Tao chết, đồng bào tao, con cháu tao vẫn tiếp tục đấu tranh đến cùng để trả thù cho tao. Chúng bay đừng hòng thắng.

Quân giặc vội vàng bắn cụ và đốt cháy hết làng cụ rồi vội vã kéo đi. Cụ nằm đấy, trên vũng máu, trước cảnh tro tàn, trong tiếng khóc, tiếng thương khâm phục cụ và tiếng nguyện rửa oán thù, uất hận đối với lũ giặc. Cụ đã sống thom và chết thom. Cả Trà Bồng ca ngợi, nhớ thương cụ.

Năm ấy, cụ Triều đã ngoài 80 tuổi. Chiếc khăn nhiễu đỏ cụ thường bịt quanh đầu sau trận Gò Rô lịch sử phủ dài qua ngực, trên tấm áo vạt hồ nâu và chiếc quần trắng thắm dần màu máu đỏ tươi. Từ nay nhân dân Cor không bao giờ thấy được già Triều sớm chiều chống gậy đi chơi để khuyên răn mọi người những điều hay lẽ phải. Núi rừng Trà Bồng vĩnh viễn mất một cụ già Cor trung thực, bất khuất hiên rộng biết nhiều, suốt đời tận tụy với dân tộc Cor và Tổ quốc Việt Nam, chỉ mong được gặp Bác Hồ nhưng vì

đất nước vẫn còn lữ giặc nên cụ chưa đi (1) đề từ nay chẳng sao được gặp Bác Hồ. Các con cụ mất một người cha hiền lành, một người thầy mẫu mực, một cán bộ chỉ huy gan góc, kiên cường, dày kinh nghiệm đậm đà tình cảm và hết sức nghiêm khắc. Ông Châu mất một đồng chí già cùng lứa tuổi. Ông Châu với cụ là người cùng quê hương, lứa tuổi, làm bạn từ thời trẻ. Vì thế, cứ mỗi lần kể lại cuộc đời của cụ Triều, cụ Châu thường kể với một giọng say sưa, xúc động, khắc sâu vào tim óc nhân dân và đặc biệt thanh niên Cor một tấm gương trong sáng vẹn toàn với cách mạng. Thế rồi, cha mẹ truyền lại con cái, cuộc sống và cái chết của cụ Triều đã trở thành bất tử.

Với vóc người khôi ngô, khỏe mạnh, từ tuổi thanh thiếu niên, cụ Triều đã nổi tiếng giỏi làm rẫy, săn bắn, đánh bắt cá và ca hát nhũn múa. Máy lần dẫn đầu nhân dân đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, máy lần trực tiếp đấu tranh đánh lại bọn bang tá, kiểm lý, kỳ hào là máy lần cụ phải vào lao tù. Năm 1938, là một chỉ huy nghĩa quân «Nước Xu, Nước Thần» mặc một tấm khố dân thường đi trình sát điều tra châu lý Trà Bông, bị lộ cụ lại bị vào nhà lao Quảng Ngãi đề được sớm giác ngộ, tham gia Việt Minh từ tháng 3-1945. Trong chế độ hà khắc của Mỹ, Diệm cụ vẫn luôn hăng say và càng khôn khéo hoạt động cách mạng chống Mỹ nguy. Với cả một đời người liên tục

1) 1951 Khi hòa bình lập lại, các cụ Gia, Triều, Huệ, Châu... và một số cán bộ Cor Trà Bông được chính quyền kháng chiến địa phương đề nghị tập kết ra miền Bắc, nhưng các cụ đều viện lý do này đề xin ở lại miền Nam.

hy sinh, chiến đấu như thế, cụ được toàn dân Kinh, Thượng, tỉnh nhà hết lòng thương yêu, kính trọng. Cụ đã « sống thơm, chết thơm ».

Cuộc sống và cái chết hiên ngang lâm liệt của cụ Triều đã khơi lên một sức sống mới, sức sống tiềm tàng trong từng con tim, khối óc của những người đang sống. Toàn Trà Bồng dàn thế trận thiên la địa võng với tư thế chuẩn bị sẵn sàng.

Cũng như cụ Triều, cụ Huệ luôn nhiệt tình, vui tính, khôn ngoan, gan góc. Cụ thường trao đổi công việc với 2 ông bạn Châu, Triều trong những lúc khó khăn, luôn say sưa nói về Bác Hồ và về những người đã ra đi, trong đó có người con trai ngoan nhất nhà của cụ. Lần cuối cùng, sau khi thoát khỏi nhà lao Quảng Ngãi, cụ có đến thăm ông Châu và thăm dân khắp các làng xóm. Cũng như mọi lần, cụ kể nhiều về những thủ đoạn tra tấn dã man của giặc và những cuộc đấu tranh gan góc của những người cộng sản trong lao tù.

Đêm đêm quanh bếp lửa hồng, người Cor Trà Bồng cùng nhắc nhở, tiếc thương cụ Triều, rồi xoay sang kể về cụ Huệ. Cụ Huệ là người học giỏi, hiểu rộng, đã từng đứng ra tổ chức giết các tên chánh Năm, chánh Niêm ngay tại nhà chúng. Cụ là một phó chủ tịch huyện trong kháng chiến chống Pháp được mọi người tin yêu, kính trọng, một « quận phó » Trà Bồng mưu trí, kiên cường tuy sống gần quân giặc nhưng trái tim khối óc đều dành hết cho nhân dân. Ấy Thọ (Trà Sơn) Ấy Loa (Trà Lâm) vừa từ nhà lao Quảng Ngãi về kể càng làm đậm đà thêm câu chuyện. Trong một chuyến đi rải truyền đơn cách mạng tại quận lỵ, Thọ, Loa bị địch bắt

đem về đồn đánh đập dã man, rồi đưa cả hai về nhà lao Quảng Ngãi để tiếp tục khảo tra với những phương tiện hiện đại.

Chúng cho những tên « đại diện » tin cậy nhất của chúng ở Trà Bồng đến nhận mặt Thọ, Loa hồng truy bắt thêm nhiều cộng sản nữa.

— Ai đưa truyền đơn cho chúng mà đi rải? Như những cái máy nói, thằng « đại diện » nào đến cũng chỉ hỏi đi hỏi lại câu ấy.

.. Chính chúng mà đưa cho chúng tao chứ ai đưa?

Theo lời khuyên của cụ Huệ, Ay Thọ, Ay Loa nhìn thẳng mặt từng thằng trả lời như vậy. Quân thù thêm nghi ngờ tra tấn cả người đi nhận mặt. Riêng với Thọ, Loa giặc chuyển qua cực hình tra điện. Cụ Huệ, cụ Triều vừa bị buộc phải học chương trình « tố cộng » « chống cộng » vừa bị buộc phải xem chúng tra điện Thọ, Loa. Khi cụ Triều tự tay xoa nhẹ bên trái ngực mình thì cụ Huệ tự tay gõ nhẹ vào đầu hay chỉ vào vầng trán rộng ướt đầm mồ hôi của cụ. Giữa lúc điện giật nảy người, toàn thân tím bầm, Thọ, Loa đưa mắt nhìn hai cụ, càng hiểu hai cụ muốn khuyên dạy những gì. Cả hai đã nghiêng răng chịu đựng, thà chết chứ nhất quyết không khai.

Năm ấy, Ay Thọ cũng như Ay Loa đều chưa tới tuổi 15.

Những tin đau thương và anh dũng ngày càng dồn dập bay về. Chị Minh ở Trà Sơn qua nhiều lần bị giặc bắt tra tấn vẫn không một lời khai báo, thằng thừng đấu tranh vạch tội quân thù, luôn đem hết sức

mình nuôi dưỡng cán bộ, bảo vệ phong trào, vừa anh dũng hy sinh trước nòng súng giặc. Anh Phụng ở Trà Bình trước nòng súng giặc vẫn kêu gọi đồng bào đoàn kết đứng lên, rồi ngã ngay trên vũng máu của mình, trước mặt dân làng. Ở Trà Sơn còn có cụ Đưa, sau nhiều lần bị địch bắt khảo tra kiệt sức, trước giờ nhắm mắt vẫn điềm nhiên ngồi dậy, bảo con cháu đem rửa đến say sưa vót chông và dặn dò mọi người : « Dân tộc ta chỉ biết có một chính phủ cụ Hồ. Hãy mài nhiều giáo, mác, vót nhiều chông để đoàn kết vùng lên chống giặc ». Khi cụ nhắm mắt, qua đời, rửa vẫn nằm trong tay, cạnh đồng chông vót dở. Cùng lúc ấy, tại Trà Khê, giặc đốt cháy hai nóc ông Lùn ông Chiêm, Hai thanh niên Non, Khương đã đâm chết một tên biệt kích lũng vào đúng nhà kho bí mật. Biết thế nào chúng cũng trả thù nên chi bộ lãnh đạo nhân dân hai nóc gồm trên 50 gia đình tạm thời lánh cư. Vừa đem người và một ít tài sản cần thiết lên khu mật thì giặc đến. Làng ra tro, trâu heo của cải bị cướp sạch. Cái chết oanh liệt của cụ Đưa, chị Minh, anh Phụng, đặc biệt của cụ Triều, cảnh tiêu điều của 3 nóc ra tro, máu lửa nước mắt do kẻ thù gây nên, chông chắt thêm hận thù, càng thúc dục thêm lòng hăng hái, làm nóng bỏng thêm bầu không khí thực hiện nghị quyết hội nghị Gò Rô. khắp các làng nóc vang lên bài xà - ru phổ biến, bài « Hịch Gò Rô » :

« Hỡi đồng bào ơi !

Hỡi thanh niên ơi !

Hãy lắng nghe đây lời tôi nói :

Mỹ, Diệm muốn làm ta chết đói,

Đã dốt cơm, dốt muối mấy năm rồi

Mỹ, Diệm muốn dầy ta về theo ma quỷ.

Chết nhiều rồi !
Phải đứng dậy, đồng bào ơi !
Mỹ có đánh chết chân,
Ta vẫn còn đầu
Diêm có đánh gãy tay,
Ta vẫn còn miệng.
Mỹ, Diêm có giết hết ông già, người hiền biết,
Còn chúng ta, còn con cháu chúng ta.
Không đứng lên, ta sẽ chết rũ như cây quế già
lột vỏ
Không đứng lên, con cháu ta sẽ chết héo như
cây quế non bị đốt
Bắp, lúa xóm làng ta sẽ như ông Triệu, ông
Vinh, ông Lùn, ông Chiêm !
Đồng bào ơi !
Hãy đoàn kết một dạ, đứng lên bỏ phòng !
Nhân dân ơi !
Hãy đoàn kết một lòng đứng lên tranh đấu
Đầu chúng ta rơi.
Phải bắt chúng trả đầu !

Hiện nay, nhân dân miền Nam ta không còn
ai sợ Mỹ.
Hiện nay, chiến sĩ miền núi ta chẳng còn ai
sợ Diêm
Hãy đoàn kết chặt chẽ như năm ngón trên bàn tay
Hãy đứng lên !
Những ai muốn mặt trời xưa trở về »

Trong không khí nước sôi lửa bỏng từ cuối năm 1958 đầu năm 1959, tiếng lòng người Cor cất lên bài học lịch sử Gò Rô thể hiện khí thế hào hùng của

dân tộc, tạo nên sức mạnh diệu kỳ chuyển biến tình thế gay go trước mắt và góp phần tích cực vào cuộc khởi nghĩa Trà Bồng sắp đến giờ bùng nổ.

XI

ĐẦU RƠI, TRẢ ĐẦU

CÁI chết của cụ Triều đã khiến nhân dân Trà Lãnh và cả huyện Trà Bồng nhớ lại một quá khứ đau buồn tủi nhục, đầy thù hận và hãi hùng là thời kỳ triều miên đi đòi nợ máu, đi trả nợ đầu. Tục lệ truyền kiếp này đã được mọi người đồng tình xóa bỏ cách đây hơn mười năm, từ sau Cách mạng tháng Tám. Chỉ mười năm ngắn ngủi nhưng trong ký ức của người dân Trà Bồng, tưởng như nó đã lùi xa vào quá khứ. Người ta cứ ngỡ sẽ không còn những cái « chết xấu »: chết có đồ máu, chết do đâm chém, chết không toàn thây. Thế mà ngày nay, cụ Triều, chết như thế đấy. chết oan uổng trước đầy đủ con cháu, dân làng, chết hiên ngang với lời kêu gọi những người còn sống hãy đoàn kết đứng lên rửa oán, báo thù cho cụ.

Ngày xưa, những cái « chết xấu » thế này, theo mê tín dị đoan, thường gây nên oan gia nghiệp chướng đây đưa nợ máu nợ đầu đến bao đời con cháu. Hồn ma « chết xấu », mãi mãi kêu gọi trả thù. Ngày nào oan

hồn còn chưa được giải oan, thì này ấy vẫn còn chơi với lạnh lẽo, bay theo đàn làng, bắt những người thân thiết nhất phải theo mình cho hồn đỡ lạnh, còn ám ảnh xóm làng, gieo rắc ốm đau thương tật dề tất cả cùng nhau về với ma quỷ. Phải giải oan cho họ! Phải rửa thù cho họ! Phải có một số ít người dùng cảm hy sinh để cứu sống dòng họ xóm làng. Người ta chờ đợi, hy vọng ở đứa con trai đang lớn lên. Sự mê tín này kéo dài mãi không biết từ bao giờ, luôn có sức mạnh ma quỷ nào ruột thúc giục lòng người. Thế là người con trai lớn lên phải suy nghĩ ngay đến những chuyến đi phục thù, đồ máu, coi như một nghĩa vụ thiêng liêng với xã hội, một món nợ gia truyền phải trả cho xong. Xóm làng im lặng, hồi hộp, theo dõi, chờ đợi, một giờ bí mật nào đó. Họ lặng lẽ ra đi sau những ngày ăn kiêng ở cũ, khăn vải ma quỷ thấm thân, cầm cúng từ tấu trang nghiêm. Các bà mẹ, người vợ, người yêu nhìn họ ra đi, lòng dạ héo hon chưa chát, để không bao giờ thấy họ trở về hoặc về với chiếc đầu lâu cắm trên lưỡi giáo, đã man, hỉ hủ, hoặc về tay không, bực tức, buồn rầu, lạnh lùng tiêu nghỉu, hoặc với những vết thương không buồn băng bó, im lặng, chẳng một tiếng rên la, chẳng một giọt nước mắt cho đến khi đôi mắt nhắm nghiền, nhắm mãi, không bao giờ lại mở ra để nhìn ánh mặt trời. Oán thù chưa trả phải truyền lại cho em, cho con của họ khi chúng lớn lên, đời này sang đời khác, không bao giờ trả sạch.

Nhưng cái chết của cụ Triền, có phải là «chết xấu»? Cụ đã sống thom đến phút cuối cùng. Một cuộc đời sống thom không hề kết thúc bằng một cái chết thối, «chết xấu» được. Đồng bào Trà Lành suy nghĩ,

anh Lang, con trai cụ Triều suy nghĩ và cả nhân dân Trà Bồng suy nghĩ. Cái chết của cụ Triều tạo nên những quan niệm mới về cái sống và cái chết, những sức sống mới của nhân dân Cor Trà Bồng trước thế lực nước vỡ bờ. Từ đó, những hoạt động cách mạng ngày càng quyết liệt của lớp thanh niên hăng hái được đặt dưới khẩu hiệu: « Thanh niên giải phóng sống thơm, chết thơm ». Đồng thời các nhóm « trả đầu » được sự đồng ý của đảng viên, sự đùm bọc che chở của toàn dân, kiên quyết tấn công tiêu diệt địch dưới khẩu hiệu: « Vì thù nhà, nợ nước, vì Đảng, vì dân ». Tinh thần mới, tổ chức mới tạo nên trên khắp núi rừng Trà Bồng một khí thế mới, một sức mạnh mới.

Sau mấy ngày đêm thần thờ, trần trọc, anh Lang quyết định phải đi « trả đầu » báo thù cho cha. Anh sẽ sống như cha, và sẽ chết, nếu cần, như cha anh. Không một ai phản đối. Thanh niên Trà Lãnh từ các « trại thoát ly » bí mật về làng xin gia nhập các chuyến đi « trả đầu » rủ anh thành lập các « nhóm trả đầu ». Các cụ già mang tặng anh những mũi tên tẩm thuốc độc. Giáo mác đã bị quân thù thu sạch, những người chủ nhà lục tìm trong đồng rựa cùn chọn những lưỡi rựa còn ló ánh thép đem đập cho sứt mấu, rồi trao lại cho đàn bà và trẻ em mài, mài cả ngày lẫn đêm thành lưỡi giáo, mác, có mũi nhọn sắc như mũi tên, hai mặt sáng choang, sắc lẹm, để trao cho các nhóm « trả đầu ». Các bà mẹ, các cô gái thi nhau đi hái trái cây, rau rừng ngon mát, bắt nhiều loại ốc, loại cá béo « khao quân », bồi dưỡng những chiến sĩ tình nguyện đi « trả đầu ».

Hãy khẩn trương chuẩn bị, đừng cầm lên đường, hỏi các «nhóm trả đầu»! Dân Trà Bồng sôi sục, tin tưởng ở họ. Còn chờ đợi gì nữa mà chưa công khai tuyên chiến? Từng nhóm nhỏ hai, ba người, họ lần lượt ra đi tìm giặc hăng say, tự tin như những tay săn thú lành nghề, ẩn hiện linh hoạt, tài tình trên địa hình quen thuộc của quê hương như những chiến sĩ du kích lão luyện. Từng đoàn người mang giáo, mác, tên, nỏ thuốc độc công khai chống lại giặc, dăng hoàng tư xung là «nhóm trả đầu» của anh Lang, của ông Chiêm, ông Lùn. Họ bàn nhau với các nóc, các làng dề dựa vào mạng lưới thông tin, liên lạc, trinh sát, hậu cần của nhân dân. Họ cắm chông, đào hầm, gài thò, đặt bẫy ở bất cứ nơi nào có thể diệt địch. Họ rải thuốc độc vào các nguồn nước uống, cắm từng bãi chông ngầm trong các bến lợ, suối lấm. Họ bắn tên, chủ động phục kích, nhào ra hè vật, đâm chém bằng giáo mác và tập kích bằng tên nỏ, thuốc độc vào những tên lính canh, những thằng chuyên thói đi ăn lẻ quanh các đồn bót. Các bãi chông với hàng vạn «chiến sĩ im lặng» cứ phát triển dần về các làng xã vùng thấp, cố chặn những con đường từ quận lỵ Trà Bồng ngược lên vùng cao. Ở Trà Giang, Trà Thủy và các xã thấp gần đồn, nói thẳng cho địch biết, rằng đó là hoạt động «trả đầu» của các nhóm anh Lang, ông Lùn, ông Chiêm. Ở các xã vùng cao, họ nhất trí cứ công khai phô trương kết quả của «nhóm trả đầu» anh Lang, con trai cụ Triều. Cứ như thế mà làm, mà nói, mà dạy khôn cho lũ giặc Mỹ Diêm. Chúng gieo gió thì phải gặt bão. Các «nhóm trả đầu», các nhóm thanh niên từ các «trại thoát ly» với tên nỏ, thuốc độc, giáo mác và tự trang bị thêm cây súng gỗ có dây

hấm cỏ bãng cao su, bí mật lữ lượt ra đi tìm giặc rồi hớn hỏ trở về. Những chuyến «săn giặc» như những chuyến đi săn thú rừng, hăng say, khác hẳn với những chuyến đi «trả đầu» ngày trước. Nhân dân công khai tán thành. Họ công khai tiến lên hù dọa, uy hiếp quân giặc. Lũ giặc run sợ phải hạ mình năn nỉ nhân dân dẫn đường, che chở. Bọn người làm quế hoảng hốt rút lui dần về đồng bằng không kèn không trống. Bọn «dân vệ» bỏ việc về nhà, xin được nhập «trại thanh niên thoát ly». Bọn người trong bộ máy ngục quyền, trước cái chết liên tiếp của số ác ôn, lưu manh ngoan cố càng rúc sâu vào đồn giặc hoặc quay về đứng trong hàng ngũ nhân dân chống giặc hoặc tiếp tục làm cho giặc đề nấp tình hình báo cáo lại cho nhân dân. Bộ máy thống trị kìm kẹp của giặc lùi dần vào hệ thống đồn bót dọc các đường mòn lớn. Cái thế «hợp pháp» của nhân dân vẫn giữ nguyên trên thế tấn công ngày càng phát triển toàn diện với sự có mặt của cán bộ, đảng viên từ các trại bí mật trở về. Những buổi học bình dân lại mở ra quanh các bếp lửa đêm trên nhà sàn. Và mấy lớp văn hóa cho cán bộ, liên tiếp khai mạc trên các «rẫy-cách-mạng». Lần này họ vừa học chữ phổ thông vừa học chữ Cor, chữ đầu tiên của dân tộc mình. Họ vừa học văn hóa, chính trị, học quân sự, vừa bố phòng và sản xuất tự túc, thực hiện lớp trước nuôi lớp sau, để làm cho tất cả cán bộ nam nữ Cor và toàn dân Cor đọc thông viết thạo, chuẩn bị cho ngày vùng lên giành chính quyền.

Trong thế di lên của Trà Bồng sau hội nghị lịch sử của nước Tang, Gò rô, bên cạnh hoạt động hăng say

của các cụ già còn phải nói đến sự lớn lên, tôi luyện trong bão táp của lớp trẻ. Từ các trại bí mật, các trại thoát ly trở về làng, lớp trẻ Trà Bồng đã nối liền trí tuệ và tình cảm của Đảng với nhân dân. Họ đã tạo ra cho thế hệ mình một vị trí mới trong tâm lý của nhân dân. Họ luôn vươn lên mạnh mẽ nhanh chóng bên cạnh uy tín cổ truyền của lớp già dặn dày kinh nghiệm. Như những cánh chim chèo bẻo trẻ trung xung kích, lúc nào họ cũng vượt đàn lao ra phía trước, truy kích lũ điều hâu giữa trời lồng lộng. Như lớp quế tơ gặp mảnh đất màu mỡ, nắng thuận mưa hòa, lá cành sần sùi vươn thẳng lên, vượt lớp quế già xum xuê, đậm đà, chắc nịch, họ thu hút về mình nhiều ánh mặt trời, nhiều sương, nhiều gió và rất nhiều lòng tin yêu thương mến của nhân dân. Cả Trà Bồng nhìn thấy khả năng lớn lao của họ với cái nhìn rất mới, rất cách mạng mà nếu chưa trải qua những năm thử thách khắc nghiệt này, chưa để gì có được. Đặc biệt những người lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện ở Trà Bồng càng hiểu họ, càng tin yêu họ.

Những ngày cuối tháng mười năm 1958, mưa lâm tã, rét run người, lũ cuốn ào ào trên các nguồn sông, suối. Họ vẫn đứng cả ngày trên rẫy, quyết suốt cho kỳ xong toàn bộ mùa lúa chín rộ trước khi lên đường đi dự Đại hội thanh niên toàn huyện tại Trà Khê, để tự mắt họ được nhìn hai nóc ông Lùn, ông Chiêm cháy trại, để tự họ bàn với nhau thái độ cầu thiết trước hành động tội ác của quân thù, trước nỗi căm hờn uất ức của nhân dân. Rồi họ ra đi trong mưa gió, giá rét kéo dài, với một mảnh vải đỏ choàng cổ làm tín hiệu, một túm gạo, một gùi sắn, cầm sắn trong tay

một loại vũ khí thông thạo đề sẵn sàng chiến đấu tự vệ, khi cần. Họ ngồi bên nhau, chặt cứng cả bốn căn nhà rộng, lắng nghe lời động viên ân cần của đại diện Đảng, đồng chí Thường, một người cán bộ lãnh đạo thanh niên, một người siêng làm, siêng học và siêng dạy, lúc nào cũng tươi cười, sẵn sàng lắng nghe ý kiến đề đạt của dân. Anh nói rõ cho họ nghe về âm mưu của giặc, tình hình cụ thể của phong trào, về cái chết của cụ Triều, cái sống của nhân dân và lòng mong mỏi của Đảng bộ Trà Bồng vào lứa tuổi thanh niên và kêu gọi họ suy nghĩ về nhiệm vụ của Hội Thanh niên Cách mạng mà Đảng sẽ chính thức thành lập ngay trong hội nghị thanh niên này. Đây là cuộc họp thanh niên lớn nhất và đầu tiên trong lịch sử của dân tộc Cor. Cái ý nghĩa lịch sử này, trong những điều kiện mới, càng làm cho những người dự họp thêm phấn khởi. Trong đội ngũ của họ đến nay đã có thêm hàng chục đảng viên trẻ tuổi cùng ngồi, càng thúc giục họ dũng cảm tiến lên đảm nhận nhiệm vụ lịch sử của Đảng giao.

Họ thảo luận sôi nổi về sống và chết, về tình hình và nhiệm vụ. Họ dừng lại từng hồi để *xà-ru, a-giốt*. Ngoài trời mưa lạnh, nhưng trong nhà, hơi lửa ấm áp, mùi sắn nướng, mùi ngô rang bốc lên thơm phức, tiếng nói, tiếng cười, tiếng hát như không lúc nào tắt. Rõ ràng đối với họ, cái chết của cụ Triều là chết thơm, không phải để chấm dứt một cuộc sống thơm. Vì chết không phải là hết. Nó chứng tỏ một cách sống cao cả trong sáng, mà lớp trẻ Cor Trà Bồng dốc lòng học tập. Đối với t'anh niên, họ nhất trí nhận định còn đường sống thơm, chết thơm trước mắt là phải đoàn

kết đi trước toàn dân chống địch. Nếu trước đây chết đẫm, chết chém là « chết xấu » thì ngày nay đề địch dụ dỗ mua chuộc, cầm súng làm tay sai, khai báo cho giặc là cách tồi tệ, đáng khinh bỉ và không thể nào tha thứ được đối với một thanh niên Cor. Nếu trước đây việc xây dựng hạnh phúc gia đình đều do cha mẹ quyết định, và rất tốn kém thì từ nay phải do con trai, con gái tự tìm hiểu và định đoạt lấy theo những tiêu chuẩn sau đây :

- Một là, thoát ly theo Đảng.
- Hai là, chiến đấu dũng cảm
- Ba là, sản xuất tiết kiệm giỏi.
- Bốn là, văn hóa giỏi, viết và đọc được hai thứ chữ, chữ phổ thông và chữ Cor.

Đây chính là tiêu chuẩn « sống thom, chết thom » của Đoàn thanh niên giải phóng Trà Bồng được chính thức tuyên bố thành lập với một Ban chấp hành mới được bầu ra.

Hội nghị nêu ra những nhiệm vụ công tác cụ thể cho mỗi một thanh niên là :

1. Tích cực tham gia bố hòng, chuẩn bị vũ khí, giúp đỡ nhân dân và « các nhóm trá đấu » chống địch khủng bố, diệt ác trừ gian.

2. Không được đi lính hoặc làm việc cho giặc, tất cả phải ra thoát ly, không được co ro ở nhà.

3. Nòng cốt dẫn đầu nhân dân sản xuất tự túc, tiết kiệm, tổ chức vòng công tương trợ và kiên quyết chống giặc, chống thú rừng, bảo vệ hoa màu cho nhân dân, cho cách mạng.

4. Tìm mọi cách tranh thủ bọn lính địch, kêu gọi giáo dục bọn « dân vệ » bỏ việc trở về, rải truyền đơn, bỏ thư vào túi áo, kéo bọn chúng về phía nhân dân chống giặc.

5. Nguyệt đối không buôn bán, không chụp ảnh, không ba hoa lộ liễu để giữ gìn bí mật, bảo vệ Đảng bảo vệ cán bộ, thà chết chứ không khai báo nếu lỡ bị địch bắt.

6. Tranh thủ học văn hóa, mỗi thanh niên phấn đấu viết hai thứ chữ, học ca hát và động viên các em cùng nhân dân ca hát, nhảy múa, đề lẩn công quân địch.

Từ đó mảnh vải đỏ tin hiệu trở thành vật kỷ niệm thiêng liêng biểu hiện tinh thần quyết chiến, quyết thắng của thế hệ trẻ Cor. Cha mẹ, các cụ già, những người con gái, người yêu nhìn tấm khăn quàng đỏ trên vai họ, lòng tự hào sung sướng, hiểu rõ sự biến đổi to lớn bên trong của mỗi người, hy vọng, chờ đợi một sự biến chuyển mới của núi rừng.

Cũng từ đó các nhóm « trả đũa » càng phát triển nhiều, càng tích cực hoạt động ở khắp mọi khu vực. Dân làng cũng tự tổ chức, bàn bạc kế hoạch, và khi được trên cho phép, vùng lên diệt một số tổ điệp lợi hại, rồi đổ cho các nhóm « trả đũa » kéo nhau ra đồn đầu tranh, khiêu nài, giăng cò kỳ kèo với giặc.

Tháng 4/1959, thêm một sự kiện mới : nhóm « trả đũa » của anh Lạng hè nhau ôm vật địch trên bờ sông Riêng, giật được một khẩu 8093 (1) khẩu súng

(1) Súng trường Pháp sản xuất trong các năm 1886 — 1893, có khắc số năm trên báng súng.

chiến lợi phẩm đầu tiên của Trà Bồng chống Mỹ. Anh Lang trúng đạn hy sinh. Và cũng như cụ Triệu, cha anh, trước khi nhắm mắt, anh dặn dò anh em hãy đem súng về nộp cho Đảng, hãy tiếp tục chiến đấu và trả thù cho anh và gia đình anh. Anh đã sống thom và chết thom. Giữa Trà Bồng sôi sục căm thù, hừng hực khí thế tấn công, những sự kiện như thế chỉ tạo ra những cơn sốt nhân không cùng. Đề thống nhất chỉ đạo hoạt động vũ trang, nhóm « những người kháng chiến cũ », do đồng chí Cửu, Thường vụ huyện ủy, trực tiếp phụ trách, tự xưng là « nhóm kháng chiến cũ ông Cửu » công khai rải truyền đơn thông báo cho địch, kêu gọi binh lính chống Mỹ — Diệm, cứu nhà cứu nước, công khai ra mắt kêu gọi nhân dân đi đúng đường lối chủ trương cách mạng đề tiến lên giành thắng lợi mới. Chỉ cái tên « những người kháng chiến cũ » đã gọi lại cho người dân Trà Bồng rất nhiều ước mơ sâu xa dằm thắm và rất nhiều hy vọng lớn lao. Họ nghĩ ngay đến những anh bộ đội cụ Hồ, những cán bộ, đảng viên, những con em họ, đã ra đi tập kết chưa thấy trở về, trừ mỗi một ông Khang, đại biểu hai lần của Gò Rô lịch sử. Chính giữa lúc ấy ông Trương xuất hiện (1). Từ bên Bắc Hồ trở về, chắc ông Trương đã có mang bộ đội cụ Hồ trở về với Trà Bồng. Năm năm rồi không ngày đêm nào quên thương quên nhớ. Mùa mưa vừa rồi, chắc ngựa sắt

(1) Ông Trương, tức ông Cả, trong kháng chiến chống Pháp kế tục cụ Gia làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, ở lại miền Nam làm Bí thư huyện ủy Trà Bồng, sau một năm đi chữa bệnh ở miền Bắc trở về,

của thân Sam Rạ có bay về ăn cỏ trên đỉnh Cà Đam, mây mù trắng xóa, sấm chớp liên hồi. Dân Trà Thủy, Trà Giang lại khao nhau có thấy ánh lửa sáng ngời trong động đá Bà Linh. Cụ Hồ đã cho ông Trươn đưa bộ đội trở về.

– Bộ đội ông Trươn chừng nào mới đánh?
Họ nóng ruột thăm hỏi nhau, đợi chờ và hy vọng.

XII

ĐƯA CON ĐẦU LÒNG

« Anh Nghĩa thân mến !

... Trước tiên cần phải báo cho anh tin mừng : đưa con đầu lòng của ta đã ra đời. Rất tiếc là nhà nghèo nên lắm nỗi gieo neo. Dù sao cũng phải quyết tảo tần chạy vạy cho nó mau đủ lông đủ cánh. Gay go nhất vẫn là cửa kín dưới đất moi lên chẳng được bao nhiêu và hư hỏng quá nhiều. Cọp, rắn gần đây lại kéo về tới tấp. Chông thò có phát triển tốt, nhưng ngày đêm vẫn không khỏi ngay ngáy lo âu. Vừa đánh rắn, đuổi cọp, vừa chạy bữa nuôi con, toi bời vất vả, nhưng cảnh nhà nghèo khó con mọn, tuy khổ cực trăm bề vẫn vui hơn thuở hàn vi đơn chiếc với hai bàn tay không. Điều đáng mừng là bẩm sinh nó rất khỏe và rất thông minh. Hiểu cảnh nghèo khó của gia đình, nó chẳng kêu, chẳng khóc. Vừa lọt lòng nó đã biết kiếm ăn và lớn lên như thổi. Mong sao một sớm một chiều nó trở thành ông Thánh Gióng. Và chính nó, hiện giờ nó cũng sớm muốn vươn vai làm Thánh

Giống rồi đấy. Anh thấy có gì đáng mừng hơn không ? ... »

Đầu năm 1959, trên đường công tác xa trở về, anh Nghĩa, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy đọc đi đọc lại không biết đến bao lần đoạn thư trên đây của anh Tú Bí thư, và anh Biền Phó Bí thư Tỉnh ủy. Mơ ước từ lâu của những người lãnh đạo Quảng Ngãi đã thành hiện thực. « Đứa con đầu lòng » chính là đại đội 339, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng đầu tiên của Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ. Gọi là đại đội nhưng thực tế nó mới có 32 người, kể cả cán bộ và chiến sĩ. Thế tại sao gọi là 339? Với kinh nghiệm hoạt động lâu năm giữa lòng địch và quá nhiều lần cùng nhau ước mơ, trao đổi, anh hiểu đây chỉ là ngày chính thức làm lễ khai sinh ra nó.

« Cửa kin », chính là vũ khí. « Cọp rấn », đúng là lũ giặc. « Cha mẹ » rõ ràng là Đảng, là nhân dân. Những tiếng lóng ấy quá quen thuộc, anh hiểu ngay chẳng cần suy nghĩ. Như ghe buồm gặp gió thuận chiều, nổi vui mừng thúc giục đôi chân, anh rảo bước đi thẳng về Trà Bồng, theo những con đường mòn lớn có bố phòng đầy đủ nhân người đi lại ngang qua các rẫy đang giữa mùa tủa lúa. Nhân dân từ các rẫy, các làng tấp nập đến bắt tay anh, đón chào anh hết sức niềm nở, vui vẻ, khác hẳn mọi lần. Các nhóm thanh niên thoát ly ung dung đưa anh đi qua từng chặng, nối tiếp nhau qua các làng, sóc. Câu chuyện râm ran suốt mấy ngày đường. Và đã có thêm bài hát mới của các dân tộc Tây nguyên anh em nay được chuyển dịch ra tiếng Cor, nghe sao êm, vui một cách khác thường :

*Anh ở Trung châu
Không phải ở đây
Anh là người kinh
Không phải người Thượng
Khoan hột hò khoan!
Lòng thương anh rộng
Anh một lên đây
Chỉ dè đánh Tây
Cho mình vui sướng
Khoan hột hò khoan!*

*Anh tới xứ này
Cái nút cũng khác
Cái nhà cũng khác
Ăn uống cực khổ
Khoan hột hò khoan!*

*Nhưng anh cũng cố
Giúp đỡ đồng bào
Nên phải làm theo
Cái phép người Thượng
Khoan hột hò khoan!*

*Đến mai anh đi
Đường có hai dốc
Chị em tôi thương
Chỉ thấy dấu chân
Không thấy hình anh
Đồng bào nhớ mong
Đợi ngày anh về
Đề dón thăm anh.*

Cứ mỗi lần dừng nghỉ chân bên gốc đót để kiểm nước « rượu đót » (1) giải khát, anh lại nghe họ hát đi hát lại bài này. Giọng hát của sù nữ thanh niên thoát ly nghe trong veo mà sao đã sớm đượm buồn đến thế?

- Bài *xá-ru* vừa nghe hay quá, ai làm ra nó, Xuân? Lòng tò mò, anh quay lại hỏi Xuân (2), một nữ thanh niên thoát ly.

- Không phải *xá-ru*, *a-giới* đâu ! Đó là bài *tu-lêu* của mấy con bạn Hê Sơn Hà vừa dạy cho chúng em đấy. Mỹ cũng như Tây, mũi lõ, cũng ở hướng mặt trời lặn, cũng cướp nước, giết đồng bào mình, đốt nhà phá hết quê mình, cho nên bọn mình đồng ý với các bạn Hê, cứ gọi là Tây như bài *tu-lêu* cũ, làm hồi chín năm.

Câu trả lời ngắn gọn, rành rọt của Xuân làm anh thêm xúc động. Mới một thời gian xa cách, chính anh cũng không ngờ sự phát triển nhanh chóng kỳ lạ của phong trào và của con người trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng nơi quê hương xứ sở.

Đề hỗ trợ tốt hơn nữa phong trào đấu tranh của nhân dân, tạo điều kiện ép địch, tiến lên giữ vững một số vùng, xây dựng thành căn cứ địa, theo sự chỉ đạo của Khu ủy 5, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lúc ấy, đóng tại Trà Bồng, quyết định thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh. Ngày 3 tháng 3 năm 1959 tại xã Trà

(1) Nước hứng từ buồng cây đót cùng dòng họ với cau, cọ, bồ ngon, mát như bia.

(2) Hồ Thị Xuân, đại biểu Quốc hội khóa VI, hiện nay là Bí thư huyện ủy Trà Bồng.

Thọ, đơn vị 339 (1) được chính thức thành lập gồm 32 cán bộ, chiến sĩ, với một súng ngắn và một số súng trường tiểu liên của thời kỳ kháng chiến 9 năm để lại. Chiến sĩ 339 đều là cơ sở trung kiên của Đảng, tuyển lựa từ trong những thanh niên hăng hái, tích cực nhất, có cảm thù sâu sắc với giặc do thanh niên và nhân dân các xã Trà Lãnh, Trà Quân, Trà Sơn, Trà Khê, Trà Giang, Trà Nham, Trà Thọ, Trà Bình chọn lựa cử ra, và 10 thanh niên Kinh được tuyển chọn từ các huyện đồng bằng. Sau một thời gian huấn luyện ngắn, trung đội phân tán hoạt động vũ trang tuyên truyền trong nhân dân, cùng sản xuất, công tác vui chơi, ca hát với nhân dân. Dưới danh nghĩa « bộ đội ông Truom », từng tốp 3 người của 339 phối hợp chặt chẽ với các nhóm « trả đũa » hoạt động du kích tại các xã Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Khê, Trà Nâu, Trà Quán, Trà Nham, Trà Hiệp, Trà Thanh.

« Đảng đã cho đánh », « Bộ đội cụ Hồ đã về », cả Trà Bồng rộn ràng, chứa chan hy vọng.

Được tổ chức và xây dựng trong rừng sâu, hết sức bí mật với địch và cả với dân, chỉ một số người tin cậy nhất trong xã mới được biết để vận động tiếp tế lương thực ... Nhưng 339 dù dưới danh nghĩa « bộ đội ông Truom », vẫn là con đẻ tất yếu của phong trào, và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng tha thiết của

(1) Lẽ ra còn phải kể thêm 10 đội viên đi công tác vắng mặt sáng hôm sau mới về kịp và cả đồng chí trưởng ban quân sự tỉnh ủy, tất cả gồm 43 người, đúng như tập sách « Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi » đã chép.

nhân dân, nên nó sớm có tác dụng rất lớn cổ vũ trở lại phong trào. Rồi những hoạt động ra mắt của nó, tuy mới nhún mình vươn vai theo bước Thánh Đổng ngày xưa, đã gây nên giông tố sấm chớp âm vang sông núi. Tuy hoạt động phân tán nhỏ lẻ trong một địa bàn núi rừng âm u, rộng rãi, nhưng tiếng đàn sủng trường và tiêu liên hiếm hoi của nó cộng với sức mạnh vô địch của lòng dân tự giác khuyếch trương chiến quả, nó đã nhanh chóng gây tiếng vang rộng lớn, làm cho nhân dân nô nức, hy vọng và làm cho kẻ địch bàng hoàng, khiếp sợ.

Địch phải bỏ một loạt đồn bót lẻ ở các xã và dọc đường giao thông, rút về tập trung trong các đồn Đá Líp, Eo Reo, Eo Chim, Nước Vọt, Tà Lạt, Tầm Rung.

Với hàng loạt đồn trại rút bỏ, bộ máy kèm kẹp thôn xã bị nói lỏng. Đa số « đại diện », nhân viên nguy quyền người Cor và « dân vệ » bỏ việc, quay về với nhân dân. Những tên phụ tá, cảnh sát, thư ký đã từng dấy máu ăn phần bị phân hóa và cô lập.

Thôn xã vắng dần bóng giặc. Cán bộ thanh niên thoát ly, các nhóm « trả đầu », cán bộ chiến sĩ 339 lần lượt kéo về làng, cùng ăn ở, sinh hoạt với dân, càng cổ vũ mạnh mẽ phong trào, vô hình trung đã kích thích mạnh mẽ ý chí vùng lên dùng bạo lực vũ trang giành lại quyền sống sôi sục từ bao nhiêu năm nay trong dòng máu nóng của nhân dân Cor trên đất Trà Bồng.

XIII

BÃO LỬA TRÀ BỒNG, THU 1959

MỘT buổi sáng tháng 7 năm 1959.

Mặt trời vừa lên khỏi đỉnh núi.

Cuộc Hội nghị học tập Nghị quyết 15 của Đảng tổ chức cho cán bộ các cấp toàn tỉnh Quảng Ngãi tổ chức ở Trà Bồng đang bước vào những ngày cuối cùng.

Sương sớm, ánh nắng đầu thu đang nhuộm hồng sông núi, sưởi ấm lòng người. Và ấm lòng ấm dạ nhất trong những ngày này chính là nhờ tinh thần mới chỉ lý chí tình được nêu lên cụ thể, rõ ràng trong Nghị quyết của Đảng. « Đảng chờ đánh rồi ». Như một hồi kèn xung trận cồng vũ, hội nghị càng tung bừng, sôi nổi, tiếng nói tiếng cười, tiếng vỗ tay càng thêm dồn dập râm ran: và từ đây lan nhanh về khắp làng nóc, núi sông, nương rẫy của Trà Bồng.

Giữa lúc khá nhiều ý kiến đang được phát biểu hào hứng say sưa từ cuộc thảo luận Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng thì những tiếng tép, hú vang lên mỗi

lúc một gần, từ một phía rồi nhanh chóng từ ba, bốn phía, rung động khắp cả núi rừng. Lửa bốc mỗi lúc một cao, khói lên đen nhịt cả chân trời. Tiếng mõ thúc liên hồi, tiếng tù và hòa lẫn trong tiếng tre nổ lép bép, tiếng súng dùm đoàng, tiếng heo gà kêu réo, tiếng người chạy hổ hã, la ré trên các nẻo đường, các thôn xóm.

Lũ giặc lại cần quét.

- Ta phải đánh, phải chống địch cần quét đi thôi.

- Đúng, phải đánh, đánh đến cùng, chẳng còn con đường nào khác cả.

- Đánh với trái tim yêu nước của ta.

- Với tinh thần thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ, có gì đánh nấy thôi.

- Phải đánh mới sống được, để được hưởng hạnh phúc, độc lập, tự do.

- Để được đón Bác Hồ vào thăm miền Nam ta nữa.

Rồi như một sự phản công xã hội sẵn có từ lâu, từng tốp dân bồng bế đưa đi lánh cư vào sâu trong rừng rậm, trên các đỉnh núi cao. Một số làng tự châm lửa đốt sạch nhà cửa trước khi đi. Nước mất thì nhà tan, không tự mình đốt cháy nhà cửa để nung nấu thêm ngọn lửa căm thù trong tim, thì lũ giặc cũng đốt cháy sạch. Tiếc rẻ liệu có ích lợi gì còn đất nước, còn quê hương, còn người, còn Đảng, còn mặt trời, ta sẽ còn tất cả.

Có nơi một số cụ già, trẻ em vẫn ở lại làng để giữ nhà chăm sóc những người yếu, bệnh chưa đi được và sẵn sàng đấu tranh với giặc. Tất cả mọi việc như đã trở thành nề nếp, hình thành thể trận một mất một còn với giặc.

Dại biểu hội nghị tranh thủ về lại địa phương mình để bám dân và lãnh đạo nhân dân đánh địch, bám đất giữ làng. Trái qua những ngày tháng gay go hiềm nghèo này, tính mạng mỗi người như treo đầu sợi tóc, mới biểu lộ rõ ý chí Đảng bám dân và dân bám Đảng.

Nhưng súng giặc đang nổ lung lung trên khắp núi rừng Trà Bồng, khó khăn ngay trước mắt đang đổ vào nhân dân Cor. Không ít đồng chí tranh thủ thời cơ, ở lại với Trà Bồng để cùng dân đánh giặc, cứu rẫy, cứu làng. Và cũng chính trong lúc này, quân thù nổ súng khắp mọi nơi. Một cuộc càn quét với quy mô chưa từng có trong toàn huyện Trà Bồng. Bốn cánh quân gồm trên hai ngàn tên từ bốn hướng Kon Tum, Sơn Hà, Gi Lăng, và quận lỵ Trà Bồng do Đinh Ngô, Đinh Ênh trùm « chỉ xẻng », tay sai của thực dân Pháp còn lại, nay mang súng Mỹ, xua quân về Trà Bồng, hấn bừa bãi vào rẫy, vào làng, đi đến đâu cướp phá, đốt nhà, hãm hiếp, giết người đến đó. Trẻ em, người lớn, người già yếu, bệnh tật ở nhà đều bị chúng đánh đập dã man và nhiều người bị giết chết. Lúa bắp trong các rẫy dọc đường chúng càn qua đều bị đốt phá, hủy hoại. Thêm nhiều rẫy quế bị bóc và bị chặt sạch tận gốc.

Ở Trà Thọ, tên Đinh Ngô bắn giết một loạt chín người dân vì đấu tranh không cho nó hiếp trẻ em và lấy quế. Còn tên Đinh Ênh thì rất sành việc đốt nhà dân Cor. Dấu chân của bọn chúng đến đâu làng nóc ra tro đến đó.

Nhưng chúng chỉ dám đi trên những con đường lớn, ào ạt lướt qua rồi vội vã rút nhanh về sào huyệt

có giăng dây thép gai bùng bùng và gài kín dày đặc chung quanh.

Cuộc hành quân quy mô đầy tội ác này làm đổ bao nhiêu máu và nước mắt của nhân dân Trà Bồng, được đài phát thanh, báo chí Mỹ, Sài Gòn tuyên truyền rùm beng là chiến công rực rỡ, hiển hách, có một không hai của « quân đội quốc gia » chào mừng luật 10/59. Ngoài chiến công thông thường của lũ chúng là bắn giết, hãm hiếp, cướp giật, đốt phá, đặc biệt nổi lên hành động đốt quế non mới nhú năm, nhổ phá lúa đang thời con gái, đánh gãy bắp đang ra con chàng, đâm thủng, đập vỡ rất nhiều chiêng, nồi đồng của ông bà để lại. Nó xúc phạm nghiêm trọng đến phong tục cổ truyền của dân tộc. Nên nó đầy lòng căm thù uất hận của nhân dân lên đến đỉnh cao.

Tiếp theo bước chân dẫm máu của bọn « chí xằng » dọc theo các bản làng tiêu điều đau khổ là cuộc hành quân « Thượng du vận » hết sức lạ đời. Cũng quế, gái, heo, gà, kẻ hầu người hạ, ăn uống li bì, say sưa bí tỉ. Cuộc hành quân « Thượng du vận » lần này chỉ khác với lần trước mỗi một điều là chúng không công khai đốt nhà, hiếp dâm, cướp phá. Chúng ra rả kêu gọi đồng bào đi bỏ phiếu bầu « quốc hội » thật đông đê « tri ân Ngô Tổng thống », đề tổ « thiện chí quốc gia ».

Chiến dịch tuyên truyền hầu cử « quốc hội » được tổ chức rùm beng từ các trại lính đến các chợ búa, quán xá ven đường, các làng nóc xa xôi.

Giặc chia Trà Bồng thành ba khu vực bầu cử với ba hòm phiếu đặt ở ba cứ điểm vững chắc nhất. Đồn Đá Líp với một hòm phiếu giành cho các xã phía bắc,



Đồng chí **PHẠM THANH BIỀN**, nguyên Bí thư Ban cán sự Miền Tây tỉnh Quảng Ngãi, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, một trong những đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

đồn Tả Lạt, cho các xã phía nam và quận lỵ Trà Bồng cho các xã phía đông. Mỗi khu vực đều do một đồn chính và hàng chục đồn bót với hàng ngàn tên cầm súng khổng chế.

Trưa ngày 18 tháng 8/1959.

Chỉ còn mười ngày nữa, tất cả phải đi bầu « quốc hội ». Tiếng hò khẩu hiệu đả đảo bầu cử quốc hội từ mấy hướng mỗi lúc một dội gần hơn về quận lỵ Trà Bồng.

Khắp các phía, nhân dân lũ lượt từ trong núi kéo ra với hàng ngũ chỉnh tề và tiếng hò khẩu hiệu, chỉ nghe toàn là đả đảo, tiếng hét hú ồn ào, náo động đến tận Đông Phú, Bình Hòa, Cầu Bà Lãnh, Thạch An... Lính trong các đồn liền đổ xô ra chặn đường, nổ súng đàn áp, những đám cãi cọ, những cuộc tri kéo, mỗi lúc một thêm nhiều. Quận lỵ Trà Bồng đầy nghịt cả người lộn xộn, ồn ào như vỡ chợ.

Chính vào giữa lúc lộn xộn, ồn ào, gay gắt này, trên 400 người dân Cơ các xã Trà Giang, Trà Thủy với nhiệm vụ ngồi nổ làm tròn, lần lượt kéo nhau về núi.

Theo kế hoạch đã vạch ra, người ở nhà tận lực làm xong việc bố phòng, đường sá và cất giấu tài sản vui mừng đón họ từ đầu làng rồi cùng họ đi hết lên núi cao.

Đúng như dự kiến, ngay ngày sau quân thù kéo lên. Nhưng chúng chỉ còn biết nhìn mặt nhau thôi, giữa hai xã Trà Giang, Trà Thủy không còn một bóng người. Quân thù lại tung lính bám theo đê rị kéo, khủng bố.

Càng gần đến ngày bầu cử quốc hội tình hình càng thêm căng thẳng, nặng nề. Cũng chính trong những ngày này tinh thần Nghị quyết 15 của Đảng được phổ biến dây chuyền đến các cấp ủy và đảng viên cơ sở.

Như một luồng điện, tinh thần cơ bản của Nghị quyết được nhanh chóng truyền miệng từ làng này đến làng khác, từ các trại thanh niên thoát ly đến các gia đình, các nẻo đường, nương rẫy.

« Đảng đã cho đánh rồi », năm tiếng ấy như một điệp khúc diệu kỳ, kích thích thần kinh đã từ lâu căng thẳng như một sợi dây đàn của núi rừng Trà Bồng nồng nặc mùi lửa, máu, nước mắt, mồ hôi. Nó đã nói lên được toàn bộ ước mơ của hàng vạn con người, hàng ngàn ngày đêm miên man chờ đợi. Từ mấy năm nay, trong họ có biết bao người đã bao lần giương cung lên chỉ còn lấy nhẹ cò là mũi tên thuốc độc bay vút đi. Nhưng Đảng chưa cho đánh, họ phải thả chùng dây cung trở lại.

Nay Đảng đã cho đánh rồi! Cả núi rừng Trà Bồng đều mừng vui.

Mà không vui sao được, chuyện cứ tưởng chỉ như một giấc chiêm bao, nay đã trở thành sự thật. Một số cán bộ « nước Thần, nước Xu »; thời kháng chiến chống Pháp nay đã về lại chiến trường miền Nam, trong đó có cả ông Trươn của Trà Bồng, ai mà không biết. Từng nóc, từng xã, liên xã rộn ràng tổ chức lễ đâm trâu ăn thề. Ngày đêm nhân dân tập trung quanh cây nêu nói lên nguyện vọng thiết tha nhất của mình và nhảy múa ca hát, cùng nhau ôn lại cuộc sống động viên nhau « sống thơm, chết thơm », dám hy sinh tất cả vì sự sống còn của non sông đất

nước. vì đạo đức phẩm chất của con người dưới ánh sáng mặt trời. Cứ nhảy, múa, ca hát, *xà-ru*, *a-giơi* để đời thêm vui. Cho đến giờ phút thiêng liêng, là khi đâm lưỡi dao thè vào hông trâu, họ cất cao giọng hát bài *cà-lu* (1) mới:

Trâu này là trâu của đồng bào

Núi nước đã nuôi trâu khôn lớn

Trâu ăn cỏ núi

Cỏ núi mang ánh sáng mặt trời

Trâu uống nước suối

Nước suối luôn sáng ánh mặt trời

Ta nhớ ơn trời

Khắc sâu trong lòng

Sâu hơn sọc trên sừng trâu

Ta thương ông trời

Đội ơn trời nhiều lắm

Nhiều hơn lông trên mình trâu

Núi, nước, nhân dân chỉ có một mặt trời

Mặt trời nay đã về

Ta vẫn cố giữ hết lũ điều hâu

*Từ bên mặt trời, ông Trưom và các đồng chí của
ông đã về.*

Đảng đã cho đánh rồi! Từ bao nhiêu năm tháng như lớp than hồng âm ỉ dưới tro, lửa lòng cách mạng của nhân dân Trà Bồng chỉ cần một tia sáng nhỏ của mặt trời là bùng lên rực cháy. Thực vậy, lửa đang bén cháy rừng rực trước mặt quân thù. Đẻ dập tắt lửa,

(1) Điệu hát tế thần

chúng càng dùng nhiều hơn súng sắt đạn đồng, chỉ càng đổ thêm dầu vào lửa mà thôi. Nhân dân đã biến cuộc bầu cử quốc hội bịp bợm của địch thành cuộc khởi nghĩa Trà Bồng ngày 28 tháng 8 năm 1959, mở đầu trang lịch sử đấu tranh chính trị, vũ trang song song với « hai chân ba mũi » độc đáo, anh hùng.

Những ngày cuối tháng 8 năm 1959.

Tình hình càng thêm căng thẳng. Hết lớp này đến lớp khác, quan trên quan dưới với linh cộng hòa, chiến tranh tâm lý, Thượng du vận, công dân vụ, mã tà, được lũ giặc tung về tận các làng để dò la tin tức, dụ dỗ, phỉnh phờ, di súng lùa dân về hòm phiếu. Để bảo đảm chắc ăn, chúng quyết lùa dân Trà Bồng đi bầu cử quốc hội ngay sớm hơn các nơi khác hai ngày, tức là ngày 28-8-1959.

Phần nhân dân, càng gần đến ngày bầu cử bịp bợm của giặc, sức chống đối càng tăng, hình thức chống đối càng quyết liệt, thẳng thừng. Nhiều ngày liền, họ kéo cả làng đi làm rẫy, lên núi hái rau, quả, hoặc ra sông bắt cá, có gì ăn nấy, đành phải quay về lối « kinh tế leo cây » cho qua ngày đoạn tháng, trừa ở lại luôn ngoài rẫy không về.

Để hỗ trợ nhân dân đấu tranh vạch mặt lầy chày cuộc bầu cử của giặc, đại đội 339 lúc ấy chỉ mới có hai trung đội, phải phân tán hoạt động nhỏ lẻ để phối hợp chặt chẽ với các trại thanh niên thoát ly, các nhóm « trả đầu » quyết chặn đường, trừng trị lũ giặc đi lũng lội cướp phá và giành giữ số dân bị chúng di súng lùa về các hòm phiếu. Các ngã đường hầm chông, bẫy đá, tên, ná, các bến lội, bờ sông, ngọn suối đến

từng sườn núi, bụi cây đều cảnh giặc, sẵn sàng diệt địch.

Họ lặng lẽ ra đi, ai làm việc nấy, hết sức khẩn trương, tự giác.

Sáng ngày 28 tháng 8 năm 1959.

Trong lúc bọn giặc nằm làng đình ninh nhân dân sẽ đi bỏ phiếu thì dân kéo đi làm rẫy hết. Bọn « xây dựng nông thôn » phải ra tay ngăn chặn, rì dàu ở chõ lũ lính đồn đến lừa dân về thùng phiếu. Chúng hăm dọa :

— Phải ở nhà, không được đi đâu cả, nghe không ?

— Không đi làm rẫy đề chết đói hết sao ? — Dân đáp.

— Đờ bảo không được đi.

— Không cho đi rẫy thì chúng tôi nhất định chỉ ở lại làng thôi.

— Đi bỏ phiếu bầu « quốc hội » cũng không đi hả ?

— Không đi. Vì quốc hội của ai chứ không phải của chúng tôi.

Chúng giương súng, quất roi, tát tai, đánh ngay một số người.

Các em nhỏ khóc ré lên. Mọi người đi lại lộn xộn.

Có người lách mạnh lên giật roi, giăng súng với giặc. Nhân dân vẫn lần lượt kéo nhau ra rẫy giữa lúc ồn ào lộn xộn, tiếng khóc của các em hòa lẫn với tiếng la ré, hò hét, tiếng chửi và tiếng roi đánh trót vào da thịt.

— Đả đảo ! Đả đảo !

Từ đấu tranh lý lẽ, giăng co đã dẫn tới xô xát ở hầu khắp các làng.

Bọn địch ở đồn chờ mãi không thấy phải liên tiếp

tung linh lên. Thanh niên thoát ly làm nhiệm vụ cảnh giới, trinh sát ở các ngã đường vội chạy xuyên núi về báo tin cho dân trên các rẫy. Nhưng khác hẳn lệ thường, chẳng một ai chịu lên núi cao, tất cả vẫn tiếp tục làm việc, im lặng và chờ đợi.

Lũ giặc kéo vào các làng vắng lặng. Chúng đánh phủ đầu các cụ già rồi kéo đi bao vây các rẫy. Những trận đấu lý bất đầu. Nhân dân lần lượt viện lý do dói rách do quân « quốc gia » cần quét cướp phá hết nên nhất định không đi. Bọn giặc quyết bắt dân đi nên càng dọa nạt, hung hăng, xác láo. Những cuộc xô xát lại xảy ra trên các rẫy. Tiếng *tét hú*, tiếng đàn bà kêu cứu, tiếng mõ liên hồi, tiếng tù và nổi lên và thỉnh thoảng chen vào một vài tiếng súng hỗ trợ của 339. Thanh niên thoát ly nhanh như sóc, chạy truyền tin từ làng này qua làng khác. Người Cor đang sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu một mất một còn với giặc.

Ở Trà Sơn, trong đêm 27, giữa lúc bọn giặc đang huênh hoang dọa dẫm, thanh niên và nhân dân hò nhau xô tới bắt trời gô cả bọn.

Ở Trà Quân, địch đến từ chiều 27, sau một đêm tuyên truyền không kết quả, sáng 28, chúng trở mặt hành hung, cấm dân đi rẫy, bắt tất cả phải đi bỏ phiếu. Thanh niên và nhân dân liền la ó, quay giáo mác, gây gộc vây giặc, vì chúng chạy hết lên nhà sàn rồi bao vây nhà buộc chúng đầu hàng. Mấy tên ngoan cố nhảy ra khỏi nhà đều bị đâm chết. Cả xã nổi mõ, tù và kêu cứu. Thanh niên hò nhau đồng loạt nhảy lên sàn nhà ôm vật lũ giặc ngã lán và giết gọn luôn cả 8 tên.

Tại Trà Khê, sáng ngày 28, 15 người dân xóm anh Út bị địch bắt tập trung, di súng dắt đi, đã bất thình

linh ôm vật bắt sống cả 6 tên và đập chết hai tên.

Cũng ở Trà Khê, thanh niên dẫn đầu thôn Jrê, với rựa, mác, gậy, đá cầm tay, đuổi theo một toán giặc đi lũng. Nhiều cuộc vật lộn đã diễn ra ở dọc đường. Đồng chí Mân dẫn đầu, một mình đã ba lần vật ngã 3 tên giặc rồi lại đuổi theo, ôm, vật. Nhân dân đuổi theo giặc, vừa động viên thanh niên, vừa hò reo thanh viện và cuối cùng đã bắt giết được cả 6 tên.

Càng về trưa tiếng hét hú, tù và nổi lên khắp nơi. Làng xã nào cũng vùng lên giết giặc. Các cụ già ở làng mang cả chiêng đồng, trống, thanh la giao cho mọi người chuyền tay nhau đánh, thúc liên hồi. Các chiến sĩ 339, các «nhóm trả đầu» và «thanh niên thoát ly» với khăn vải đỏ quàng vai, đã tỏa ra khắp các nẻo đường, cắm chông, bố phòng. Các tổ nam nữ thanh niên truyền tin, tay nhịp mõ, cô quàng khăn đỏ, chạy từ làng này đến làng khác. Đàn bà trẻ em tranh thủ chặt nửa vót chông, đun nước chạy tiếp tế cho các toán bố phòng, phá, lấp đường. Trên mọi nẻo đường, trên khắp núi rừng đều có người chạy ngược xuôi, lui tới, vội vàng, tập nập. Tiếng súng nổ đùng đùng từ phía, không còn phân biệt được của địch hay của ta. Các toán địch đều khiếp sợ chạy thục mạng về đồn trại. Nhân dân xé các khăn nhiều đỏ, lụa đỏ, vải đỏ, chia nhau mỗi người một màu, quàng vào cổ, tay cầm giáo mác, dao rựa, gậy gộc chạy truy nã lũ giặc. Họ chia nhau đi lũng giặc trong núi. Các đoàn mạnh chân khỏe tay chạy nhanh tới trước, đón đầu các ngã về đồn. Cánh nào cũng bắt được ít nhiều tên giặc và diệt ngay những tên ngoan cố. Nhiều bộ lính lũng núi không dám chạy về đồn. Bọn ở lại các đồn

nhỏ lẻ và cả đồn lớn như Đá Líp, Tà Lạt, quân lính đều hoang mang, bỏ cả đồn trại, cả hòm phiếu, lủi thủi kéo chạy về quận lỵ. Nhân dân tràn vào đồn, đập nát hòm phiếu, thu toàn bộ đồ đạc, đốt và sang bằng đồn ngay trong đêm. Quế, lúa, chiêng nổi, giáo mác, chân chiếu, heo, gà, đều được mang về trả lại cho những gia đình bị địch cướp phá. Cũng trong ngày và đêm 28 tháng 8 số dân còn ở làng kéo nhau đi vây tẩn công các trụ sở chính quyền xã. Một số « đại diện » và « dân vệ » đã bỏ việc về nhà từ lâu, một số từ sáng đã ùa chạy theo dân, cùng dân tìm bắt địch. Còn một số ít phụ tá, thư ký, công dân vụ và dân vệ bỏ trụ sở chạy ùa vào núi. Tất cả trụ sở chính quyền và cả năm đồn Đá Líp, Tà Lạt, Tâm Rung, Nước Vọt, Trà Khê đều bị đốt cháy sạch trong đêm 28 tháng 8, lửa rực sáng cả núi rừng.

Từ hôm ấy Trà Bồng càng vang lên tiếng mõ của những nhóm dân đi lùng bắt bọn ác ôn và lính chiến cộng hòa trốn trong núi. 63 tên đã bị bắt sống và lần lượt đưa ra xét xử trước tòa án nhân dân xã hay liên xã mới được mở ra liên tục từ 29 tháng 8 đến ngày 4 tháng 9 năm 1959. 31 tên, nợ máu quá nhiều, đã phải đền tội.

Toàn huyện Trà Bồng như rực lửa. Nhưng đến trưa ngày 29/8, hai đồn Eo Reo, Eo Chim vẫn còn nguyên vẹn. Cả quân lẫn lính hồn vía lên mây, đóng kín cửa nằm im trong đồn, chẳng một bóng người đi lại trong sân.

Chiều ngày 29/9 được sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của một số đồng chí cán bộ của huyện và Ban

cán sự miền tây Quảng Ngãi, hàng trăm dân gồm đủ các lứa tuổi, với lực lượng 339 làm nòng cốt, kéo đến bao vây cả hai đồn. Theo kế hoạch, ai nấy đều có mang cung nỏ, giáo, mác, tù và, mõ, đuốc, cứ bí mật nằm đến quá nửa đêm, nghe súng lệnh của 339 nổ là tất cả đồng loạt nhào lên cướp đồn. Vì quá đông, trời lại rét... nên sớm bị lộ. Bọn giặc trong đồn Eo Reo bắn ra làm một số người bị thương. Nhưng nhân dân không hề nao núng. Lợi dụng địa hình địa vật, tự giác chỉnh đốn lại tổ chức, đội hình, các vòng vây cứ xích lại gần đồn hơn, khắp núi rừng Trà Bồng, từ đầu đêm đến gần sáng đầu đầu cũng rộ sáng ánh đuốc, vang vang tiếng mõ, tiếng tù và, tiếng hét hú đặc biệt của người Cor. Trời hùng sáng. Súng giặc trong đồn nổ dữ dội vào núi, lên trời, cửa đồn bỗng mở, lũ giặc tranh nhau ủa ra lộn xộn rồi cứ theo đường lớn tháo chạy. Nhân dân tràn ngay vào đồn reo hò, sục sạo. Giặc chạy theo hướng Tầm Rung định kéo đến phối hợp cùng Eo Chim đối phó lại tình hình. Nhưng con đường Eo Reo - Tầm Rung - Eo Chim đã bị phá banh từng đoạn rất khó đi và đã được bố phòng dày đặc không thể nào vượt qua được. Bị phục kích tại bến nước Tầm Rung, chết và bị thương trên 30 tên, chúng phải kéo nhau quay đầu chạy lại hướng Eo Reo, định theo đường xuyên núi quen thuộc chạy về tạt núp trong đồn Tà Lạt. Nhưng đồn Tà Lạt cũng như Eo Reo, Tầm Rung, đều đã bị đốt ra tro. Chúng hết hoảng chạy luôn về quận lỵ Trà Bồng.

Ở Eo Chim, lực lượng nhân dân cũng sớm bị lộ. Dịch đào thêm công sự và dùng hỏa lực đối phó

mạnh. Một cán bộ 339 và một số dân trúng đạn bị thương. Nhưng vòng vây mỗi giờ cứ một siết chặt thêm. Các cụ già kéo nhau đi phá giồng nước uống. Và ai có thứ gì trong tay thì dùng thứ ấy. Những cung tên thuốc độc thì đưa bay tủa tủa từng lúc vào lũy giặc trong đồn. Nhưng vì đêm ấy, trời mưa nặng hạt, thuốc không cháy, lạnh, nhiều sương lại đến trễ, nên vòng vây không đủ sức uy hiếp địch. Đến ngày 30 nhân dân các xã kéo đến thêm và toàn bộ vòng vây Eo Reo được điều đến để chi viện cho Eo Chim. Thanh niên, du kích đi chặt hàng ngàn cây chuối rừng về xây nên thành, vách rất dày để tạm làm bình phong đỡ đạn cho dân. Cùng lúc, tất cả mọi người đem hết sức mình moi nhanh các đầu đường giao thông hào đến gần chân đồn giặc. Lực lượng 339 ở Eo Reo cũng được điều động đến cùng với hàng ngàn tên nổ, súng trường, tiêu liên bắn tới tấp vào đồn giặc và làm công tác địch vận. Lũ giặc vẫn ngoan cố chống cự. Đa số bọn chúng là lũ « Chí xẻng » Hře từ vụ phiến loạn Sơn Hà. Trưa 30 tháng 8, ta lại được tin có một đại đội địch từ quận lỵ kéo về hướng Eo Chim. Một trung đội 339 cùng một lực lượng du kích và nhân dân được điều ngay đi chặn đánh đại đội địch này. Đồng thời với việc bổ sung, củng cố tổ chức đội ngũ cho vòng vây Eo Chim, phải huy động thêm lực lượng đi phá đường và bố phòng triệt để rộng khắp hơn.

Tinh thể khá gay go, căng thẳng.

Ngày chiều hôm ấy, 339 và du kích đánh lui đại đội địch tại gần suối Nước Lang, giết 9 tên, thu 6 súng. Trận đánh diễn ra nhanh, gọn trong tiếng thanh viện

rầm rộ của nhân dân. Cả đại đội địch phải rúc núi bỏ chạy tán loạn về quận lỵ, một số không ít bị thương vì chông ở dọc đường. Ngay trong đêm 30 rạng ngày 31/8, năm cây số núi rừng quanh đồn Eo Chim rực lửa, vang trời tiếng mõ, tù và, chiêng, cồng tiếng hò reo, tét hú của hàng chục vòng vây đang xiết lại sát chân đồn. Trưa ngày 31 tháng 8, địch bỗng mở toang cửa đồn rồi tháo chạy thục mạng về hướng Trà Phong hùng rút luôn vô quận lỵ. Nhân dân lập tức ủa kéo vào đồn, thu toàn bộ chiến lợi phẩm, quế, lúa, lằm người nhìn nhận ra nỗi, chiêng của chính mình.. Rồi nỗi lửa đốt sạch. Cùng lúc ấy, giặc vẫn cố sống chết chạy về hướng Trà Phong. Nhưng lưới chông, mìn cung bố phòng của Trà Phong quá dày và hết sức nguy hiểm, chúng không thể nào qua nổi. Từ Trà Phong chúng phải ba lần chạy quay lại Eo Chim và cả ba lần đi qua dốc Dê chúng đều bị trúng bẫy đá, mìn cung, tên nổ thuốc độc, chết và bị thương hơn 100 tên. Đến chiều 1 tháng 9 đám tàn binh này mới lợt khỏi dốc Dê và kéo nhau chạy luôn về quận lỵ bạt vía kinh hồn.

Tại quận lỵ Trà Bồng chỉ một giờ sau khi nghe toán tàn binh đầu tiên kể chuyện, tên quận trưởng và các cơ quan đều hoang mang, bỏ chạy hết về tỉnh lỵ. Quận lỵ Trà Bồng hoàn toàn bỏ ngổ từ 1-9-1959 đến 5-9-1959. Nhân dân Kinh xã Trà Xuân nổi dậy cảnh cáo bọn ác ôn, tranh thủ thời cơ chuyển nhiều hàng hóa, nông cụ, nhu yếu phẩm lên tặng nhân dân các xã trên núi và nhân dân trên núi, bằng trăm ngàn nẻo đường quen thuộc chuyển vai nhau thật nhanh, thật nhiều hàng hóa lên cao.

Suốt 8 ngày đêm liên tục chiến đấu mưu trí, dũng cảm nhân dân Trà Bồng đã bắt sống và giết chết 161 tên giặc, làm bị thương hàng mấy trăm tên khác.

Toàn Trà Bồng không còn bóng giặc. Các «nhóm trả đầu», các nam nữ thanh niên thoát ly lũ lượt rời các trại kéo về làng, sống chung nhà, ăn chung mâm với cha mẹ, anh em. Nhân dân các làng kéo nhau đi bổ phòng, trâm các ngã đường, sôi nổi học tập chính trị, văn hóa, hát ca, nhảy múa và say sưa bàn việc xây dựng chính quyền cách mạng.

Ngày 3-9-1959, nhân dân xã Trà Phong mở đại hội, chính thức thông qua danh sách đội du kích xã và bầu Ủy ban nhân dân tự quản xã, chính quyền tự quản đầu tiên công khai xuất hiện tại Quảng Ngãi và sau đó lần lượt được xây dựng trong khắp thôn xã của Trà Bồng.

XIV

ĐOÀN KẾT VÀ TIẾN LÊN

CHI trong những ngày đêm cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1959, với lòng căm thù giặc cao độ và ý chí quyết chiến quyết thắng, 16 ngàn dân Trà Bồng trẻ, già, trai gái đã nhất tề đứng lên đập tan bộ máy thống trị phản động trong toàn huyện gồm trên 2.000 tên tay sai lớn nhỏ, với hơn 1.000 tay súng.

Thắng lợi ngày 28/8/59 của Trà Bồng là đỉnh cao nhất trong phong trào cách mạng của nhân dân Trung Trung Bộ năm 1959, và cũng là một dấu hiệu thất bại rõ rệt nhất của âm mưu chiến lược củng cố miền Nam tấn công miền Bắc của đế quốc Mỹ và bọn tay sai.

Nhưng khởi nghĩa Trà Bồng đã nổ ra một cách đột xuất trong lúc so sánh lực lượng giữa ta và địch, nhất là lực lượng vũ trang, còn quá chênh lệch. Phía ta lực lượng vũ trang toàn Khu chưa đủ 6 trung đội (Quảng Nam 3 trung đội, Quảng Ngãi 3 trung đội) trang bị rất yếu và rất thiếu, nhân dân toàn Khu đang còn bị kìm kẹp nặng nề, cơ sở cách mạng nhiều nơi bị tan vỡ thiệt hại.

Cũng như đơn vị 339 là đứa con đầu lòng của Trà Bồng, thắng lợi của Trà Bồng ngày 28/8/1959 là đứa con đầu lòng của phong trào Quảng Ngãi và là đỉnh cao trong hàng loạt cuộc nổi dậy của Khu 5. Nó cổ vũ mạnh mẽ phong trào nhân dân trong Khu và nhất định gây nên phản ứng điên cuồng trong bè lũ chính quyền bù nhìn phản động. Thực tế tình hình đòi hỏi những người lãnh đạo phải vắt óc ra lại từng chặng đường lịch sử giữ nước, dựng nước của tổ tiên, phải hết sức khéo léo nhanh chóng chuyển phong trào đi đúng hướng và tiếp tục tiến lên.

* *
* *
*

Ngày 1 tháng 9 năm 1989.

Tại Trà Dục, trong một ngôi nhà sàn kín đáo giữa làng, ba đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi: Tú, Biên, Nghĩa ngồi sát bên nhau, quanh một nồi than hồng. Đã mất ngủ liên tiếp mấy hôm rồi, đêm nay, từ tiếng gà đầu tiên gáy sáng, cả ba vội vàng thức dậy, tháo võng, bước vào cuộc họp bất thường. Họ ngồi trên lớp tre khô của nhà sàn, không bàn không ghế, lắng nghe giọng nói, âm lòng của Đài tiếng nói Việt Nam qua chiếc đài bán dẫn to bằng bàn tay. Chỉ còn đúng một ngày nữa là trọn vẹn mười bốn tuổi đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mười bốn năm đoàn kết, chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, mười bốn năm liên tục chiến đấu và chiến thắng.

Từ mấy ngày nay, trong lúc tuyệt đại đa số Đảng viên Trà Bồng hăng hái lãnh đạo nhân dân phát huy thắng lợi, chạy đua với thời gian tranh thủ bổ phòng,

đốc toàn lực bao vây các đồn bót còn lại, truy lùng bắt tề điệp, phản động, ác ôn thì những người lãnh đạo Quảng Ngãi, cả ngày lẫn đêm suy nghĩ, tính toán cần nhắc từng đường đi nước bước trước mắt cho phong trào.

Tuy chưa nói ra lời, nhưng thực tế diễn biến tình hình sôi động đã hình thành đường rõ nét trong ánh mắt và đã rộn ràng trong con tim của từng đồng chí: Đoàn kết và tiến lên!

Cũng từ mấy hôm nay, đã có không ít đồng chí, đồng bào và khá nhiều nam nữ thanh niên thoát ly trẻ khỏe của Trà Bồng, của các huyện miền Tây Quảng Ngãi, băng rừng chạy thẳng về thôn Trà Dục đề báo cáo tình hình, trực tiếp chuyển đạt ý kiến của nhân dân cho Đảng và xin Đảng cho ý kiến.

Sau thời gian nghiên cứu, dẫn đo, tính toán, cả ba đồng chí đều hoàn toàn nhất trí với đề cương chuẩn bị của cơ quan Thường trực Tỉnh ủy mở rộng, vừa hợp xong mới hôm qua, cũng tại ngôi nhà này.

Đúng vậy, thực tế diễn biến tình hình trước mắt rất tốt, tinh thần nội dung đề cương dự thảo Nghị quyết của Thường trực Tỉnh ủy rất kịp thời.

Chẳng còn gì để lúng túng, phân vân, lo ngại nữa. Cố nhiên không nên chỉ bàn giải quyết riêng cho mỗi huyện Trà Bồng. Vì kế tục khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng vừa qua chỉ là đỉnh cao trong hàng loạt cuộc nổi dậy từ các căn cứ miền núi đông Trường Sơn của Nam Trung Bộ: làng Mò O, làng Mực, (tây Quảng Nam), Tà Lốc, Tà Léc Hà Ri (tây Bình Định), Tờ Lò (tây Phú Yên), Bạc Ái (tây Ninh Thuận).

Cuộc họp chuẩn bị của Thường vụ Tỉnh ủy vừa xong thì đại biểu cán bộ lãnh đạo các khu, hầu hết Ban cán sự miền tây, toàn huyện ủy Trà Bồng., cũng đã đến Trà Dục đề dự cuộc họp đặc biệt được Thường vụ triệu tập bất thường khẩn cấp. Cứ nhìn vào thành phần tham dự hội nghị này với đồng chí Tám Tú, Bí thư, đồng chí Biền, phó Bí thư, đồng chí Nghĩa, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy (1), đồng chí Bao, đại diện đơn vị 339, các đồng chí Chín (Giao), Năm, Châu, Khang, Cả, Thị, Trinh, Thường ai nấy cũng hiểu ngay tình hình nhiệm vụ trước mắt hết sức khẩn trương, gian khổ, gay go, phải làm sao duy trì bảo vệ và phát triển thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền tây Quảng Ngãi.

Nhờ trải qua thực tế một cuộc thử lửa khá lâu dài và một trận giằng co mọi mặt suốt mấy năm liền với địch, toàn hội nghị nhanh chóng nhất trí với Tỉnh ủy, một lòng khăng định:

1. Cuộc nổi dậy nổ ra ở Trà Bồng và lan nhanh ra khắp miền tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa vũ trang có tính chất toàn dân, toàn diện, với khí thế cách mạng tiến công vô cùng mãnh liệt. Cuộc khởi nghĩa vũ trang này đã được chuẩn bị từ lâu đề toàn huyện nhất tề đồng loạt đứng lên, với nhiều loại quân, nhiều lứa tuổi, nhiều cách đánh địch đồn dập, với nhiều mũi tấn công: quân sự, chính trị, binh dịch vãn, biết đoàn kết, hợp đồng khôn

(1) đ/c Tám Tú là đồng chí Nguyễn Quang Lâm; đồng chí Biền là đồng chí Phạm Xuân Thuởng; đồng chí Nghĩa là đồng chí Nguyễn Công Bay.

khéo, nhịp nhàng, đúng lúc, đúng nơi, miền núi, đồng bằng, giáp ranh, đến nhân dân ở quận lỵ, thị trấn, trên bờ biển từ An Tân, Tam Kỳ đến Sa Huỳnh, Đức Phổ, Tam Quan v.v... nên đã giành thắng lợi to lớn bước đầu:

— Đánh đổ toàn bộ nguy quyền thôn xã của giặc trên toàn huyện Trà Bồng và nhiều vùng rộng lớn miền tây Quảng Ngãi.

— Nhanh chóng xây dựng chính quyền nhân dân cách mạng của ta.

— Đã làm đúng đường lối Nghị quyết 15 của Đảng và những điều hướng dẫn của anh Ba (đồng chí Lê Duẩn), với bài « *Bàn về cách mạng miền Nam* » của cơ quan lãnh đạo toàn miền Nam từ Nam Bộ gửi ra.

Trước mắt phải quyết tâm bảo vệ cho kỳ được thành quả cách mạng vừa giành được:

— Phải duy trì, giữ vững và phát huy khí thế cách mạng tiến công của nhân dân toàn miền tây (Quảng Ngãi).

— Phải ra sức phát huy thắng lợi của nhân dân miền núi đề cổ vũ và phát triển phong trào cách mạng của nhân dân ở đồng bằng.

2. Nhất định rồi đây địch sẽ phản ứng dã man hơn, ác liệt hơn. Ta cần theo dõi, nắm thật chắc mọi hoạt động của chúng để kịp thời đối phó.

— Phải khéo léo và triệt để lợi dụng những nhược điểm cơ bản của chế độ thống trị nguy quyền hiện nay để lãnh đạo nhân dân kịp thời đấu tranh vạch mặt và tấn công chống lại.

— Phải biết tùy thái độ của bọn chúng để khéo

leo tranh thủ lãnh đạo đưa một bộ phận nhân dân ở những nơi có điều kiện tại vùng thấp trở về «hợp pháp», đề hạn chế bớt những vụ tàn sát, khủng bố đẫm máu của giặc và ra sức bảo vệ phong trào, bảo vệ đời sống nhân dân.

3. Riêng khu IX, rừng núi điệp trùng, địa hình hiểm trở (bắt giáp huyện Trà My - Quảng Nam, tây giáp tỉnh Kông Tum) toàn bộ khu II với nhiều núi rừng già bao quanh quận lỵ Trà Bồng và cả khu VII (huyện Sơn Hà Quảng Ngãi, giáp giới tỉnh Kon Tum) thì kiên quyết bố phòng, xây dựng chính quyền nhân dân cách mạng xã thôn, giữ thế «hợp pháp» để xây dựng căn cứ địa cách mạng võ trang, cương quyết không cho địch xây lại chính quyền, đưa thanh niên thoát ly vào bộ đội tập trung, lập các đội du kích bán thoát ly xã, củng cố và phát triển dân quân du kích xã, thôn.

4. Thanh thủ khôi phục ngay đời sống bình thường của nhân dân, vừa sản xuất vừa chiến đấu, đẩy mạnh trồng hoa màu ngắn ngày để được mau ăn, chuẩn bị thu hoạch nhanh gọn kịp thời vụ lúa, chuyển một số nơi có điều kiện sang làm nà, làm thổ, ruộng lúa nước, tổ chức các tổ làm thủ công: đồ sành, đồ gốm, mở nhiều lò rèn, mua nhiều máy may, kim chỉ... khuyến khích tìm kiếm và gieo trồng các loại thuốc nam cổ truyền v.v... để giữ vững quyền làm chủ núi rừng, chống giặc trời, giặc nước về lâu về dài.

Tích cực chống đói, đau, thanh toán nạn thiếu thuốc chữa bệnh, thiếu muối, mắm... Đồng thời tổ chức và động viên mạnh phong trào vệ sinh, phòng bệnh, ăn ở sạch sẽ gọn gàng, ngăn nắp, giữ gìn trật tự trị an, củng cố đảng viên cán bộ, thanh niên thoát ly học tập, ca hát

nhảy múa, bỏ dần mê tín dị đoan...

5. Các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long (miền Tây Quảng Ngãi và vùng thấp khu I) (tả ngạn sông Trà Bồng bao quanh bắc quận lỵ Trà Bồng) thì ra sức phá chính quyền địch ở thôn xã, xây dựng chính quyền cách mạng, hoạt động vũ trang diệt ác trừ gian, thọc sâu đánh phá các thị trấn, quận lỵ, lãnh đạo toàn dân làm binh, dịch vận, bằng mọi cách có thể cố kim hãm, giam giữ chân địch để hỗ trợ cho Trà Bồng.

Vùng ruộng thấp thì kiên quyết, khôn khéo đấu tranh với địch để giữ vững thế « hợp pháp », ra sức cải thiện đời sống nhân dân và tích cực viện trợ mọi mặt cho vùng cao.

Vùng núi cao thì ra sức bố phòng, xóa sạch chính quyền địch, thành lập và củng cố chính quyền nhân dân cách mạng, khôn khéo lợi dụng quân thù, cố tranh thủ giữ cho kỳ được hình thức bên ngoài của thế « hợp pháp », để từng bước tiến lên thực hiện cho kỳ được nội dung cơ bản nhất, mục đích yêu cầu hợp tình, hợp lý phát là triệt để thủ tiêu xóa bỏ nguy quyền phản động, thổi nát tay sai của giặc, thiết lập nền chính quyền cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của ta.

6. Các huyện đồng bằng thì đẩy mạnh đấu tranh chống đàn áp khủng bố đời dân sinh, dân chủ... tranh thủ mọi thời cơ để ra sức xây dựng và phát triển cơ sở.

Đồng thời với việc đẩy mạnh công tác binh, dịch vận, răn đe, cải tạo, giáo dục, vận động binh lính nguy chống lệnh di dân quét, cướp bóc, giết, đốt, bắn, phá bừa bãi ở Trà Bồng và các huyện ở miền tây, cần ra sức tổ chức các đợt vũ trang công tác, thọc sâu diệt ác

trừ gian, khuấy động dư luận đề hỗ trợ phong trào quần chúng, tổ chức lạc quyền trong cơ sở và quần chúng nhân dân tốt để tiếp tế cho Trà Bồng và miền tây của tỉnh nhà.

7. Đề nghị Khu ủy tăng cường hơn nữa kế hoạch chỉ đạo viện trợ cho Trà Bồng và các huyện miền tây Quảng Ngãi. Đồng thời với việc vận động và giúp đỡ vật chất cần thiết, đề nghị Khu chỉ đạo các huyện giáp giới với Trà Bồng, Sơn Hà (Quảng Ngãi) cụ thể là các huyện ở tây nam Quảng Nam và đông bắc Kon Tum kiên quyết bố phòng, đoàn kết, phối hợp cùng quần dân miền tây Quảng Ngãi đánh giặc lũng lội, càn quét trong địa bàn liên quan.

Qua những giờ trao đổi với những cuộc thảo luận tận tình tận lý, sôi nổi, hăng say, hội nghị dự kiến thêm những khả năng có thể có của địch sắp đến và nhất trí hoàn toàn với chủ trương trước mắt của Tỉnh ủy.

Từ tiếng gà đầu tiên gáy sáng họ đã vội vàng đánh thức nhau dậy đề trở về huyện, xã kịp thời lãnh đạo nhân dân tiếp tục vùng lên chống chọi mọi mặt với giặc nước, giặc trời.

Thường vụ Tỉnh ủy chia nhau đi ngay về các khu, Tú đi khu I, Nghĩa và Cả đi khu II, Khang và Châu đi khu IX, đề rời riêng Châu từ khu IX đi thẳng về Khu ủy báo cáo, xin ý kiến.

Nhiệm vụ trước mắt còn khá nhiều gian khổ, phức tạp. Nhưng toàn huyện ủy Trà Bồng, những người vừa thu hoạch nội dung phong phú, sinh động kịp thời của hội nghị đặc biệt này lại chính là những người phần chấn hào hứng nhất trên đường về. Thực tế diễn biến

đấu tranh quyết liệt giữa địch và ta tại Trà Bồng mấy năm nay vừa được sơ bộ đúc kết thành kinh nghiệm sống, thành văn bản đề dày mạnh phong trào chung tiến lên. Dẫn bước bên nhau trong rừng khuya, họ vừa nhắc nhau về ý định của huyện ủy vừa tranh thủ bàn bạc đề vận dụng vào thực tế tình hình của địa phương mình phụ trách.

– Triệt đề lợi dụng những nhược điểm cơ bản của chế độ thống trị nguy hiểm Nam tại Trà Bồng và tùy thái độ của bọn chúng, khéo léo tranh thủ lãnh đạo đại bộ phận nhân dân các xã trở về «hợp pháp» để hạn chế bớt khủng bố, tàn sát, bảo vệ phong trào và đời sống của nhân dân.

– Kiên quyết bố phòng giữ vững 3 xã Trà Phong, Trà Khê, Trà Lãnh sống «bất hợp pháp» tiến lên xây dựng thành căn cứ địa cách mạng (sau có thêm xã Trà Quán).

– Ra sức phá chủ trương xây lại chính quyền thôn xã của giặc, nhờ bớt chông thò trên các đường lớn, đồng thời ra sức củng cố lực lượng du kích, đưa bớt «thanh niên thoát ly» về lại các trại và vào bộ đội để bảo tồn lực lượng.

Nhưng nghị quyết của Hội nghị đặc biệt của tỉnh và ý định của huyện ủy Trà Bồng chưa kịp chuyển đến đảng viên cơ sở và nhân dân thì ngày 7 tháng 9 năm 1959, giặc đưa quân lính lên căn quét, khủng bố.

Cuộc đấu tranh của nhân dân và đảng bộ Trà Bồng lại tiếp tục.



Bị thất bại liên tiếp trước phong trào đấu tranh ngày càng lớn mạnh của nhân dân miền Nam, đến

năm 1959, địch bị động chuyển hướng chiến lược «củng cố miền Nam, tấn công miền Bắc» thành «bình định miền Nam quấy phá miền Bắc». Với luật 10/59, lê máy chém đi khắp nơi, các cuộc khủng bố điển hình, các đợt tổ cộng triển miên, các chủ trương di cư lập «dinh diên», «khu trú mật» được xúc tiến khẩn trương bên cạnh các nhà tù và các phòng tra tấn đầy dụng cụ tởn tợc rải ra đến tận thôn xã. Tuy thế sức vang dội của những chiến thắng từ Nam bộ và từ miền tây Quảng Ngãi với tinh thần quật khởi của Trà Bồng vẫn kích thích mạnh mẽ quần chúng nhân dân.

Ở khu 5, vào cuối năm 1959, Khu ủy ra Nghị quyết khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh các hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền, thọc sâu vào lòng địch, thẳng tay diệt tề điệp ác ôn, phá lỏng các khu tập trung «dinh diên» để hỗ trợ nhân dân đồng loạt vùng lên đấu tranh chính trị với giặc. Như náng hạn mưa rào, tiếng súng diệt tề trừ gian nổ rã ở khắp nông thôn đồng bằng và miền núi. Những cuộc đấu tranh chính trị lại nổ ra liên tiếp, dồn dập. Hàng ngàn thanh niên tìm đường lên căn cứ để được vào lực lượng vũ trang cách mạng. Từ tháng 5 năm 1960, tin thắng trận quân sự đầu tiên ở Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, miền tây Quảng Ngãi, càng kích thích phong trào đấu tranh các mặt của nhân dân, đẩy địch thêm vào thế bị động, lúng túng. Tháng 10 năm 1960, đề hỗ trợ nhân dân vùng lên đồng khởi, lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng non tể lại tấn công tiêu diệt một loạt đồn bót giặc ở Kon Tum, Gia Lai, miền tây các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đều thu thắng lợi rực rỡ.

Quân thù lộng lộn đối phó nhưng không thể nào ngăn cản nổi.

Đảng Bộ và nhân dân Trà Bồng cũng vậy. Từ ngày 7 tháng 9/1959, họ liên tục chiến đấu trong những điều kiện mới của tình hình nói trên và trước sức phản kích ác liệt mới của quân thù ở riêng trên chiến trường quê hương của họ. Cho đến tháng 10/1960, nghiêm túc chấp hành chủ trương chung, họ lại vùng lên đồng khởi lần thứ hai, góp phần mở rộng thêm căn cứ miền núi và tạo điều kiện phát triển lực lượng hơn nữa để chuẩn bị tiến lên giải phóng đồng bằng.

Chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi được Thường vụ Liên khu ủy 5 hoàn toàn đồng ý. Thêm hai lần nữa các đồng chí Thường vụ Khu ủy đích thân đến Trà Bồng xem xét kiểm tra, đều xác nhận sự cần thiết phải chẻ yền dân ta « hợp pháp » để hết sức bảo đảm đời sống tối thiểu cần thiết cho nhân dân và duy trì phát triển phong trào. « So sánh » lực lượng đôi bên buộc ta phải làm thế. Trình độ, nhân dân ta, bản chất chế độ nguy bị nhìn cho phép ta làm được thế. Nhân dân ta nhất định không thể chung sống hòa bình với đế quốc cướp nước và tay sai bán nước. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng là hành động cách mạng rất chính đáng, rất tiêu biểu. Toàn Đảng bộ Khu ta có trách nhiệm bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân Trà Bồng. Ràng với Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng, con đường bảo vệ và phát triển phong trào, hiện nay không những chỉ đấu tranh bằng chính trị, vũ trang, binh địch - vận mà phải vừa có đấu tranh « hợp pháp », vừa có đấu tranh « bất hợp pháp » cố gắng duy trì thế « hợp pháp » đồng thời đẩy mạnh hoạt động vũ trang

bổ 1 hàng của nhân dân, du kích khắp nơi» (1) ...

«Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một thắng lợi to lớn. Sự chỉ đạo trước, trong và sau khởi nghĩa về cơ bản là đúng. Cũng như đối với phong trào chung trong toàn tỉnh, Quảng Ngãi đã đi vào đúng đường lối, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, dũng cảm phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp theo đó đã kiên quyết tiến hành chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù hung bạo, vừa tiến hành đấu tranh vũ trang, vừa biết giữ thể hợp pháp để tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh chính trị».

(Trích báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tháng 2/1960 với sự chủ trì của đồng chí Bí thư Khu ủy 5 Võ Chí Công)

«Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng mở rộng trong sự đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ bấy giờ. Đó là thắng lợi đầu lòng và đột xuất cỡ vũ phong, trào chung trong tỉnh trong Khu phát triển mạnh mẽ ... Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 không những ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn Khu» *(Lời phát biểu của đồng chí Võ Chí Công tại đại hội)*

Trong thực tế, từ sau khởi nghĩa, phong trào Trà Bồng gặp nhiều khó khăn trước phản ứng mới của giặc. Nhiều cán bộ của cơ quan Tỉnh ủy của Ban cán

(1) Đại ý lời phát biểu của đồng chí Võ Chí Công tại đại hội do đồng chí Khang và đồng chí Châu kể lại.

sự miền Tây liên tục được phái xuống sát từng địa phương để cùng huyện ủy và cán sự các khu lãnh đạo phong trào. Lễ tế trong số này có đồng chí chưa được thông suốt chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy và cũng có đồng chí quan niệm là đi sửa sai vì Trà Bồng đã đi quá tròn, mạnh động, đột xuất. Những quan niệm tả, hữu, sai lầm này đã làm cho cán bộ trực tiếp lãnh đạo phong trào đang lúng túng khó khăn càng bản khoăn, lo lắng. Lời phát biểu của đồng chí Bí thư Khu ủy đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần nhiệt tình và đoàn kết nhất trí của cán bộ lãnh đạo các cấp trong toàn tỉnh và trong huyện Trà Bồng.

Nhưng lòng căm ghét quân giặc và khí thế của người chiến thắng đã tạo cho nhân dân Trà Bồng khuynh hướng đấu tranh « bất hợp pháp » quá nặng. Chủ trương chuyển về sống « hợp pháp », bước đầu gặp phải sức phản ứng của nhân dân, của một số đảng viên ở cơ sở, nhất là lớp trẻ và trong tầng lớp « thanh niên thoát ly ». Một số người gương mẫu nhờ bớt công việc các đường mòn thì ngay trong đêm, hoặc chỉ vài giờ sau, chông được bí mật cắm lại, thò được gài thêm, các bẫy đá được chắt cao lên dần, cũng chính trong lúc này, các toán lính cùng bọn « công dân vụ » ồ ạt kéo lên núi. Chúng đi đến đâu, dân bỏ làng đến đấy, chạy ùa lên núi, cứ theo hướng mặt trời lặn mà tìm đường về các xã « bất hợp pháp ». Khắp núi rừng chỗ nào cũng có người tản, lánh cư. Đến đầu tháng 10 - 1959, đã có gần một ngàn gia đình chạy lên các xã Trà Phong, Trà Khê, Trà Lãnh, Trà Thọ, Trà Xinh, một số không ít chạy lên núi cao và lẻ tẻ một số bồng bế nhau ra các xã Cor vùng nam Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam.

Ở vùng « bất hợp pháp », các rẫy mì hết dần, khoai, lúa dần cũng cạn. Lúa dự trữ của các trại « thanh niên thoát ly », của lực lượng 339 đều phải tung ra cứu tế cho dân. Muối cũng hết.

Trà My mang mì vào, Sơn Hà mang gạo ra. Bình Sơn, Sơn Tĩnh gửi gạo và thuốc men lên. Đức Phổ có Sa Huỳnh giàu đẹp, gửi tặng trên 200 ang muối. Mồ hôi nước mắt phải liên tục chảy, máu phải tiếp tục đổ trên đường chuyên gạo, muối, mì, thuốc đến tận tay đồng bào. Lúc ấy lại đang giữa mùa mưa. Thiếu, lạnh lẽo, kéo theo nhiều bệnh tật. Ở Nà Nêu, cán bộ, chiến sĩ 339 phải phân công nhau đi bắt voi, nai, để tiếp tế cho dân. Khó khăn dồn dập, tình cảnh nheo nhóc của đồng bào vùng « bất hợp pháp » phía sau, cuộc sống tạm bợ của mấy ngàn dân chạy núi lộn xộn phía trước, đói, rét, bệnh tật, tai nạn hàng ngày, cùng với tiếng súng địch từ phía đông mỗi lúc một nhích lên dần... khiến các đồng chí trực tiếp lãnh đạo Trà Bồng phải ngày đêm lo lắng. Một số đồng chí hoạt động phía trước được rút bớt về phía sau để tăng cường vào công tác tản, lánh cư, tiếp tế, vệ sinh, bảo đảm đời sống cho dân và giáo dục cho dân chủ trương mới của Đảng.

Tình hình trước mắt như một đồng lo vô, càng gỡ càng phức tạp, vì quân thù đâu có để cho Trà Bồng được yên.

Một số dân Trà Thanh, Trà Hiệp đồng ý trở về thì bị địch dồn ngay bên đồn Đá Líp. Một số dân Trà Lãnh đồng ý xuống núi thì bị địch chia lưởi lê vào hòng dồn ngay về đồn Tà Lạt. Tất cả nhân dân trở về đều lần lượt bị dồn quanh đồn lính, bị bắt ép đi nhờ chông, gỡ thò, phá lùa... Dân lại lần

lượt bỏ khu đồn chạy về khu « bắt hợp pháp ». Số chạy ra Trà My bị dồn về Đồng Trại, không chịu nổi lối sống giam cầm ở đây, phải quay lại Trà Bồng. Cứ lãnh đạo, tỉ tê thuyết phục, tỏ chức được một số trở về thì một số lại bỏ bồng con cái chạy lên. Hiện tượng chạy xà đũa, tự nhiên chuyễn qua lối chạy lui, chạy về nhập nhằng chẳng sao lường trước được. Trước mắt số chạy về « khu bắt » thấy đông hơn nhiều số về « khu hợp ». Rõ ràng, dân cố làm theo ý Đảng nhưng dân không thể nào làm theo ý giặc. Họ thề « một lòng một dạ theo Đảng, vui, buồn, đói, khổ, sống, chết ... đều ở bên nhau ». Từ nay họ quyết nhất định không quay trở về sống chung với giặc... Nhưng không tin Đảng thì còn biết tin ai? Trong cảnh sống tảo, lánh cư kéo dài vô cùng thiếu thốn, khổ cực, họ luôn vui vẻ, không hề kêu ca phàn nàn. Đảng viên, cán bộ, lực lượng vũ trang, cũng vui vẻ chịu đói khổ, mưa, rét với đồng bào. Và cứ như thế, số người chạy « bắt » mỗi ngày một thêm đông, đời sống mỗi ngày một thêm khổ. Muốn sản xuất thì thiếu nông cụ, giống má. Sơn Hà, Trà My gửi cho giống mì, giống lúa. Còn nông cụ, có gì dùng nấy thôi. Ai có rựa thì đi chặt cây làm rựa, ai không rựa thì làm ruộng bằng tay. Giống lúa cấy thì xin Bình Sơn, Sơn Tịnh cho gân. Và thế là, các bãi lau lách rộng mông mênh của Nà Nêu được chia ra từng khoảnh, với quyết tâm thắng giặc, thắng trời với đôi cánh tay không biết mệt và một số ít dao cùn, rựa cũ, họ bước vào công việc mới mẻ của toàn dân tộc, làm nên hàng chục mẫu ruộng lúa với hàng mấy cây số nương nước từ trong những ngày âm u đen tối nhất của lịch sử dân tộc Cor giữa núi rừng Trà Bồng. Cánh đồng lúa cấy xanh tốt bạt ngàn Nà Nêu đã được hình thành từ đó.

Sự việc diễn ra ở Trà Bồng từ tuần thứ hai của tháng 9 - 1959 đúng như Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã dự kiến. Nhưng nhờ được sự chỉ đạo cụ thể của thường vụ Khu ủy và sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, phong trào Trà Bồng sớm có những chuyển biến mới trong lúc Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng đang loay hoay lúng túng trước những khó khăn dồn dập. Địch vừa cho lính và « công dân vụ » đi càn quét, dụ dỗ nhân dân, vừa tung quân chiếm đóng lên núi để củng cố các căn cứ, xây dựng lại các đồn Đá Líp, Eo Reo, Eo Chim, Làng Ngãi. Vì chông, thò, bẫy đá quá nhiều, chúng tiến một cách dè dặt, thận trọng, chậm chạp bắn súng bừa bãi vào hai bên đường. Tuy thế chúng vẫn không tránh khỏi những trận đòn địch đáng của du kích, các nhóm « trả đầu » và lực lượng 339. Và tên, thò tự động dọc đường, cứ từng đoạn lại tua tủa vọt bay phóng thẳng vào bọn chúng. Ngày 7 - 9 du kích Trà Giang đã dùng bẫy đá giết chết đúng tên đại úy chỉ huy hung hãn, nhiều nợ máu với nhân dân và làm bị thương nặng 5 tên lính khác.

Ở Trà Nham, với một trận phục kích chớp nhoáng ta giết 25 tên tại chỗ. Số còn lại chạy tán loạn, lọt vào giữa một trận địa chông, thò tự động liên hoàn, hầu hết đều bị thương, một số chết ngay vì ngấm thuốc độc.

Tại Trà Thanh, địch rơi vào một bẫy đá kết hợp chông tự động hai bên thành dốc và hầm chông bí mật dọc đường bị thương nặng cả trung đội đi đầu, 9 tên chết ngay tại chỗ.

Tại Trà Quân, từng đoạn đường ngang qua xã, từng cụm bẫy đá liên hoàn kết hợp với thò liên thanh,

chông đu, chông đập, và tên nỏ thuốc độc của đu kích đã làm cho địch chết và bị thương rất nhiều, chúng hoảng sợ rút lui.

Tại Trà Hiệp, Trà Lãnh, đu kích liên tục xuyên rừng đánh phục kích chặn đầu, làm cho địch bị thương dọc đường, hai ngày chỉ tiến được mấy cây số, quân lính còn vừa đủ người dề khiêng, cằng lẫn nhau.

Núi rừng Trà Bồng không thuộc về chúng nữa như cách đây vài tuần. Các toán lính đi đóng đồn khi kéo được xác đến nơi thì thương vong phần nửa, không còn đủ sức củng cố, đồn trại công sự kiên cố như chúng mong muốn. Ngoài đồn, bọn lính càn quét và « công dân vụ » cũng gặp tình trạng bị đất không kém. Dân bỏ làng chạy hết lên núi cao. Chúng lùng bắt được một số người chạy núi ở Trà Thanh, Trà Bình, dí lưỡi lê vào ngực bắt họ đi trước dẫn đường. Dân chửi bới inh ỏi, mặt mày máu meo con cho khóc rú lên. Đám lính nguy hại quân « Thương du vận » như những đám tang không hơn không kém. Lần lượt đi ngang qua các xã Trà Nham, Trà Khê, Trà Quán, Trà Hiệp, bị lực lượng du kích nổ súng reo hò, truy bắt, địch chạy tán loạn lần tránh phần địch, dân lần lượt chạy thoát hết về hướng dân. Đến cuối tháng 9-1959 cả ba cánh quân, mỗi cánh còn trên dưới một đại đội, lạng lẽ rút lui về quận lỵ Trà Bồng.

Cũng trong khoảng thời gian này, nhân dân xã Trà Giang, Trà Thủy và các xã khu I quanh quận lỵ được sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy mà đồng chí Biền trực tiếp phụ trách (thay đồng chí Tú đi xa chữa bệnh) đã chuyển dần vào thể « lợp pháp » thắng lợi. Quả trình thuyết phục không phải dễ dàng. Nhưng

với kinh nghiệm thực tế của họ từ mấy năm gần đây, luôn đi đầu trong đấu tranh chính trị, họ có lòng tự tin rất mạnh vào khả năng của mình để lợi dụng đến cùng bộ mặt giả nhân giả nghĩa của bọn nguy quyền, nguy quyền, tay sai của Mỹ. Họ ra sức thuyết phục giáo dục bọn chính quyền bù nhìn ở thôn, xã rồi giao nhiệm vụ về quận lý để khiêu nại, tổ cáo những cuộc khùng bố cướp phá vừa qua. Họ lần lượt khiến những ai bị địch bắn bị thương, bị tai nạn lao động, bị ốm yếu, đem theo các cụ già, phụ nữ, trẻ em đói rách xuống tận quận lý đòi bồi thường, cứu đau cứu đói. Đồng bào Trà Thanh khiêng 5 người bị giặc bắn bị thương xuống quận lý đòi phải bồi thường. Các xã quanh quận lý đều làm như thế. Quận lý Trà Bồng lấp nấp những người dân miền núi đi kêu kiện. Nguy quyền phải nhượng bộ, đổ hết tội cho binh lính, năn nỉ nhân dân trở về làng cũ làm ăn, hứa bừa là từ nay không bắn phá nữa. Dân đòi luôn cả quyền bố phòng để lính khỏi lên giết hại cướp phá đồng bào. Từ giữa tháng 9-59, họ lần lượt kéo về làng cũ rồi rủ nhau kéo từng đoàn xuống quận lý đòi gạo, muối, thuốc... mang về chuyển phần lớn lên giúp nhân dân vùng «bất» và nuôi «thanh niên thoát ly», du kích trong làng.

Không khí bề ngoài có phần êm ả dễ chịu, việc đi lại giữa nhân dân các xã miền núi giáp quận lý về quận mua bán, thăm viếng lẫn nhau cũng ngày càng được dễ dàng. Bọn nguy quyền lại bắt đầu huênh hoang rùm beng tưởng lợi chính trị của chúng trước biến chuyển bên ngoài ấy của đồng bào Cor mà chúng gọi là «làn sóng thượng du Trà Bồng bị nạn cộng sản».

Ở khu I, vành móng ngựa tây - tây Bắc quận lý đời sống nhân dân nhanh chóng được ổn định với thể mới: vừa đi lại « hợp pháp » với giặc vừa có du kích, công khai bố phòng, công khai chống giặc, nhân dân tự mình quản lý lấy đời sống của mình sát nách quân giặc.

Ở khu II và khu IX, giặc ngoài đồn không còn, giặc trong đồn uề oải, đường tiếp tế của giặc nguy hiểm, khó khăn. Bên ta thì dân làng đang đói giữa mùa lúa chín, nhân dân các xã khu « bát » Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Khê, Trà Quân, căn cứ địa an toàn của Tỉnh ủy đang bị đồn Làng Ngãi đóng bèn hông làm đầu cầu với Gi Lăng, Hà Thành đe dọa. Giữa lúc khuynh hướng « hợp pháp » thuần túy muốn tạm ngừng đấu tranh quân sự nảy nở trong một số cán bộ và đang giằng co quyết liệt trước đòi hỏi thiết tha phải dùng bạo lực vũ trang nhanh chóng vùng lên của đa số cán bộ, nhân dân, thì Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương gấp rút lợi dụng thời cơ, dùng toàn bộ lực lượng vũ trang sẵn có trong tay tấn công quân địch. Đồng chí Biền thường trực Tỉnh ủy lúc ấy, không mất nhiều công sức và thời gian để chuyển đạt ý định kiên quyết sử dụng chân vũ trang chỉ tình chí lý này.

Đơn vị 339 được giao nhiệm vụ tập kích tiêu diệt đồn Làng Ngãi rồi nhanh chóng phân tán cùng du kích đánh tiêu diệt cánh viện từ Gi Lăng lên. Đề phối hợp nhịp nhàng với 339 đánh đồn Làng Ngãi, lực lượng du kích trung kiên, hàng ngàn « thanh niên thoát ly » và nhân dân với vài tổ súng trường, tiểu liên của 339 làm nòng cốt yểm trợ, đi bao vây hai đồn Eo Reo, Eo Chim. Nhân dân khỏe mạnh còn lại của cả hai

vùng «bát» đều được huy động đi giúp nhân dân lánh cư trở về tranh thủ suốt hết lúa, cất giấu tại chỗ.

Ngày 30-9, du kích Trà Lãnh cùng vài tồ 339 đánh địch đi lùng, giết 9 tên, thu 3 súng, mở màn cho hàng loạt trận du kích nhỏ, lẻ, có tiếng súng và không tiếng súng trên khắp Trà Bồng. Ngày 10-10-59 chấp hành lệnh cấp trên, 339 tập kích diệt đồn Làng Ngãi, giết tại trận 15 tên, bắn bị thương 12 tên, buộc địch phải bỏ ngay đồn chạy thẳng về Gi Lăng. Và tiếp theo là những ngày đánh viện. 339 cùng du kích chia nhau thành rất nhiều nhóm nhỏ rải quân trên suốt cả đoạn đường dài, đề nhằm bắn thẳng vào đội hình giặc. Một tiểu đoàn « cộng hòa » viện lên Làng Ngãi chỉ còn trên trăm tên, một đại đội đã hoàn toàn tan rã, số khỏe chỉ còn vừa đủ đề khiêng và diu số bị thương dọc đường. Nhân dân phấn khởi rủ nhau đi vây đồn. Suốt 5 ngày đêm từ 25 đến 30-10-59, giặc ở hai đồn Eo Reo, Eo Chim bị nhân dân, du kích bao vây, không có nước uống, một lần nữa đã phải bỏ đồn rút chạy. Các bẫy đá tự động kết hợp với mang cung, chông, thò thuốc độc ở Đốc Dẻ, nước Coc, Ro Tu giết chết 40 tên và làm bị thương nhiều tên khác. Đồng chí Bùi, huyện ủy viên, người từng chỉ huy du kích gan góc trên Đốc Dẻ hồi đầu tháng 9-59, lần này một mình chống với một đại đội giặc. Bị thương nặng, đồng chí vẫn ráng sức bỏ đi giạt các bẫy đá còn lại đề giết giặc. Lại bị thương nữa, máu ra quá nhiều, đồng chí vẫn lấy đá ném vào giặc. Biết mình kiệt sức, đồng chí vẫn bình tĩnh bắn từng viên đạn súng ngắn, sát thương từng tên giặc hung hăng đến gần. Bị giặc bắt sống, đồng chí hiên ngang chửi vào mặt chúng.

Bọn giặc dã man đã chặt thân đồng chí ra làm 3 khúc rồi rút chạy hỗn loạn. Từ đó đến cuối năm 1959, giặc không dám lên nữa. Ta lần lượt đưa dân trở về làng cũ làm ăn. Tất cả các rẫy lúa đều được suốt sạch phơi khô, giấu kỹ. Từ đó, phong trào Trà Bồng đã hình thành hai vùng rõ rệt: Một vùng «hợp pháp» gồm 5 xã của khu I như một vành móng ngựa bao quanh quận lỵ. Một vùng «bất hợp pháp» gồm 16 xã, đời sống đa số nhân dân bấp bênh sau mấy tháng tản lánh cư, nhưng sau những năm dài dở sống dở chết, đến nay được sống ra sống dưới ánh sáng mặt trời.

XV

DƯỚI ÁNH SÁNG MẶT TRỜI

T tháng 1 - 1960, địch tung nhiều cánh lính lên núi càn quét gom dân về quanh các đồn, đồng thời cho công binh sửa đường để đưa nhiều đơn vị mới đến các đồn Đá Líp, Tà Lạt, Eo Chim, xây dựng trên các đỉnh đồi cao, lập trung toàn lực củng cố công sự đồn bót. Chúng liên tục mở những cuộc lùng lội, càn quét để sưu sách gom dân, thỉnh thoảng có những trận càn quét lớn, dài ngày. Ở các xã « hợp pháp » chúng hạn chế triệt để việc bán đổi muối cho dân. Ở vùng cao, chúng tuyên truyền âm ỉ về các khu tập trung dân quanh đồn. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1960, để xây dựng cho được khu tập trung điển hình này, chúng đã mở trên 52 trận càn lớn nhỏ từ một đại đội đến hai tiểu đoàn, đã tổn thêm khá nhiều xương máu. Đảng bộ và nhân dân Trà Bồng cũng phải tổn thêm không ít máu và nước mắt. Trừ một số gia đình lẻ tẻ bị lừa đi, hầu hết nhân dân vẫn ở lại làng. Bên cạnh nhà công khai họ làm thêm nhà bí mật. Cứ mỗi

lần giặc đến, thanh niên và du kích chặn đánh rồi rút lui luôn, để người già, phụ nữ và trẻ em ở lại « tiếp chuyện », giữ nhà và đấu tranh với giặc. Họ khéo léo tố cáo tội ác của bọn « quốc gia cũ », không tiếc lời khen bọn « quốc gia mới » và bấm bụng bỏ ra vài lá thuốc, miếng quế, mảnh sáp với vài giọt mật ong, đôi quả trứng gà để tỏ « thiện chí quốc gia », « tri ân Ngô Tổng thống ». Tưởng bỏ, địch cố lừa một số dân về đồn. Dân đấu tranh cù nhầy mãi, sau mấy tháng mới chịu đi, nhưng họ chỉ mang mạng không về với « quốc gia » để yêu sách đủ điều. Họ thuyết phục số lính trẻ dễ nghe cho đến gặp bọn chỉ huy và tên quận trưởng, đòi không được càn quét bắn phá lên núi nữa để họ dễ kêu gọi những người chạy núi quay về với « quốc gia » và « Ngô chí sĩ ». Ngọt mật chết ruồi, đôi bên hạ lời cam kết với nhau. Cứ như thế, dần dần dân ở khu tập trung được quyền đi lại thăm bà con trên núi và các em nhỏ, cụ ông, cụ bà trên núi lần lượt đi thăm đồng bào trong khu tập trung.

Quan hệ « hợp pháp » bề ngoài có vẻ tốt đẹp. Trong khi đó, đảng viên luôn đi sát hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân đấu tranh, du kích trên núi thỉnh thoảng lại lọt vào trong khu tập trung trừng trị những tên ác ôn còn sống sót. Ở khu đồn sát đồn Tà Lạt, họ giết 5 tên khiến địch không dám tự do bèn mảng đến nhà dân. Ở đồn Eo Chim, họ liên tiếp giết chó bỏ đầu suốt để phá nguồn nước uống duy nhất của giặc. Đến mùa hè 1960, những đơn vị lính càn núi bỗng nhiên phải rút hết về để đối phó với phong trào đồng bào. Cũng là lúc ở Trà Bồng, du kích bắt đầu bắn tỉa, gọi loa vào các đồn, liên tục hoạt động phá đồn và đã phá được

hai khu tập trung cạnh đồn Eo Chim, Tà Lạt, đưa dân về làng cũ làm ăn, mở rộng khu căn cứ và cô lập các đồn giặc còn lại. Phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ. « Thanh niên thoát ly » lại lần lượt trở về quê tự ghép mình vào du kích xã, thôn. Mỗi xã lúc ấy có từ 3 đến 4 trung đội du kích nam và 1 đến 2 trung đội du kích nữ, ngày đêm hằng say hoạt động.

Cho đến tháng 10 - 1960, hưởng ứng đợt đồng khởi đầu tiên của toàn Khu 5, quân dân Trà Bồng một lần nữa lại vùng lên giết giặc với những điều kiện thuận lợi hơn năm trước rất nhiều. Đơn vị 339 và 3 trung đội du kích được giao nhiệm vụ đánh quận lỵ Trà Bồng. Toàn thể du kích, thanh niên và nhân dân được giao nhiệm vụ bao vây tấn công địch trên 3 hướng: Từ Trà Lãnh đến đồn Đá Líp, từ Trà Bồng đến Tà Lạt từ Tà Lạt đến Eo Chim.

Đêm 15 rạng ngày 16 tháng 10 năm 1960, toàn thể dân Trà Bồng vùng lên sống lại những ngày tung hứng tháng 8-1959. Đuốc sáng rực trời, dáo, mác sáng ngời, tù và, nổ, chiêng rộn ràng từ 4 mặt xông lên bao vây đánh chiếm toàn bộ trục Bà Lãnh, Trà Bồng, Tà Lạt, Đá Líp. Dưới sự chỉ huy chung của đồng chí Biên, đồng chí Chức trực tiếp chỉ huy đánh quận lỵ, đồng chí Châu chỉ huy đánh trụ sở nguy quyền xã Trà Phú rồi phát động các xã Kinh kéo qua quận lỵ. Đơn vị 339 và du kích đột nhập vào quận lỵ Trà Bồng, làm chủ quận lỵ đến 6 giờ sáng ngày 16-10-1960. Nhân dân quận lỵ niềm nở đón chào lực lượng vũ trang giải phóng, con em của họ.

Toàn bộ lũ giặc ở Tà Lạt, Đá Líp, Eo Chim đều bỏ đồn tháo chạy. Lần thứ 3 nhân dân Trà Bồng lại

xông vào đốt phá đồn giặc.

Chỉ mấy ngày sau, giặc tung lính lên đóng lại các đồn Đá Líp, Tà Lạt và cần quét gom dân về quanh các đồn. Đồn xây dựng lại chưa xong, dân mới gom về lộn xộn thì ngày 11-11-1960, nổ ra cuộc đảo chính đầu tiên chống Diệm. Thời cơ thuận lợi, lực lượng 339, bộ đội huyện, du kích, thanh niên và nhân dân được gấp rút huy động đề tấn công địch. Tiếng súng tấn công nổ dồn trong tiếng thanh viện rầm rộ của du kích và nhân dân. Tại Tà Lạt, địch bị giết 20 tên, phải rút chạy thẳng về quận lỵ ngày 12-11-1960. Ngày 13-11-1960, ta tiêu diệt gọn 1 trung đội, bắt sống và làm bị thương 30 tên đi tiếp viện cho Tà Lạt. Cả bọn tiếp viện sống sót và bọn sống sót trong đồn Tà Lạt kéo nhau chạy về quận lỵ. Từ đó, toàn bộ núi rừng Trà Bồng không còn bóng giặc. Các ủy ban tự quản xã được kiện toàn. Tháng 11-1960, tại Trà Xanh, Trà Nâu, Trà Thọ, bốn trường bồi dưỡng văn hóa được gấp rút xây dựng và đồng loạt khai mạc cho trên 150 cán bộ, gái trai già trẻ. Lần đầu tiên trên đất Trà Bồng có trường văn hóa dạy chữ Cor do đồng chí Lý (1) cả đời sống, chết với dân Cor, trực tiếp phụ trách giảng dạy dành riêng cho cán bộ, cho phụ nữ Cor để chính thức đào tạo giáo viên người Cor.

Tháng 1/1961, tại khu rừng lịch sử Gò Rô, nhân dân Trà Bồng tung bùng mở đại hội vui mừng thắng lợi và bầu ra Ủy ban Tự quản huyện để công khai

(1) Đồng chí Lý thường được gọi là Mã hầy Tư, quê ở xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, có tài học, nói và phiên âm tiếng nói các dân tộc.

lãnh đạo nhân dân tích cực đóng góp sức người sức của vào công cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ hai của toàn dân tộc. Trong niềm vui lớn lao của nhân dân Trà Bồng tại đại hội Gò Ró lịch sử lần này, có cả niềm vui của toàn thể nhân dân Việt Nam với tin vừa nhận được qua Đài Tiếng nói Việt Nam ngày 20 tháng 12 năm 1960, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vừa chính thức ra mắt quốc dân đồng bào. Thế là từ nay cả miền Nam đứng lên, từ nay Trà Bồng không còn đơn chiếc, từ nay anh Biên, anh Nghĩa, ông Cừ, ông Cả, ông Khang, cậu Tấn, cậu Mận, anh Lý, anh Mã, chị Ái, cô Dũng, cô Xuân, nhóm những người kháng chiến cũ, đơn vị 339, anh Năm, anh Bảy, anh Chín... cứ đưa quân dân Trà Bồng từng bước tiến lên.

Năm 1961, quân dân Trà Bồng đã liên tục chống lại 30 trận càn quét trả thù của giặc. Đặc biệt trận chống càn tháng 9 năm 1961, đơn vị 339 và du kích đã giết chết ngay tại chỗ 92 tên trên bờ sông Tanạ. Từ trận ấy, miền núi cũng như đồng bằng khắp nơi vùng lên đánh mạnh, đánh đều. Những cuộc lùng lới càn quét của địch phải thừa dân.

Đến cuối 1961, với một số vùng đồng bằng giải phóng, muối lại được đưa lên rừng. Tất cả phải đồ mồ hôi, đổ máu để muối từ biển Đông chạy về với các dân tộc miền tây núi cao với với.

Tháng 4 năm 1962, quân dân Trà Bồng đã phối hợp cùng chủ lực, một lần nữa đánh vào quận lỵ và đồn cầu Bà Lãnh, dựa vào địa thế thiên nhiên hiểm trở, các xã đã bố phòng một cách vững chắc. Có xã cứ tính

trung bình, một gốc lúa là một cây chông. Từ năm 1962, bộ binh địch không thể càn với quy mô nhỏ vào Trà Bồng. Hàng chục tên biệt kích, gián điệp đã bị trừng trị. Chúng phải dùng đến chiến thuật «trục thăng vận», lính Mỹ lái máy bay chở lính ngụy đi cướp, đi càn. Tháng 6 năm 1962, quân dân Trà Bồng đã cùng chủ lực đánh trận càn lớn ở Nà Nêu, mở chiến công đầu bẻ gãy chiến thuật «trục thăng vận» của Mỹ ngụy trên toàn chiến trường Miền Nam.

Cũng năm 1962, Cụ phó mục Gia không còn nữa! Toàn thể nhân dân Trà Bồng buồn đến như nhối tim gan tiếc thương cụ. Cụ không nhiều rẫy giàu tiền. Nhưng trên núi rừng này chưa thấy ai giàu lòng yêu nước, yêu dân bằng cụ. Cùng già Hớt, cụ đi làm phó mục cho Tây không phải để kiếm thêm chiêng, cồng, nôi đồng, giày dép, mà chính là để tìm hiểu quân thù sâu sắc, tí mỉ hơn, để rồi chủ động làm người đầu tiên đề xướng và tổ chức phong trào «*nước xu, nước thàn*».

Cụ có một tầm vóc cao lớn, một màu da hồng hào, mái tóc bạc phơ, đôi mắt sáng ngời, một sống mũi cao và thẳng, một chòm râu trắng trông như cước, vùng trán cao. Suốt một đời hăng say chiến đấu, cụ đã chiếm trọn niềm tin của dân Cor, mặc nhiên trở thành một lãnh tụ của dân tộc Cor, một sĩ phu yêu nước, một trí thức dân tộc tài năng, một hiện thân anh hùng được tôn kính và một cuộc đời khiêm tốn không muốn kể về mình. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 11 tháng 3 năm 1945, bọn Tân Việt và bè lũ thân Nhật Trần Trọng Kim tại Quảng Ngãi, đưa xe phái lính lên đồn Trà Bồng mời cụ về tỉnh lỵ, mở tiệc ăn

mừng « thắng lợi » của Việt Nam « trong khối thịnh vượng chung Đông A » do Nhật Bản đứng đầu.

Ngồi vào bàn tiệc, không ăn, không uống, cụ Gia lên tiếng hỏi đầu tiên :

- Có đúng là thắng lợi không ?
- Thắng lợi lớn lắm.

Lũ tay sai Nhật trả lời. Và một cuộc tranh cãi kéo dài, giữa một bên là cụ Gia và bên kia, mấy chục tên đầu trâu mặt ngựa bắt đầu.

- Lấy thực lực đầu mà giành, giữ thắng lợi ?
- Nhật Bản.
- Nhật cũng như Pháp thôi, không phải là Việt Nam.

- Nhật cũng da vàng như Việt Nam, cùng ở Châu Á với Việt Nam.

- Các ông và tôi đều là da vàng nhưng các ông là các ông mà tôi là tôi.

Cuộc đấu lý kéo dài đến hơn một buổi. Lũ chúng đua nhau ăn uống no say. Cụ Gia bỏ tiệc ra về.

Với một kho kinh nghiệm thực tế phong phú của cả một đời người, cụ Gia nhìn thấy trước những gì sẽ xảy ra. Thời ấy, từ đỉnh Cà Đam đi Sơn Thượng (Sơn Hà) cụ chỉ hút vừa xong năm điếu thuốc thì đã đến nhà cụ Phó Nía để bàn việc rồi quay ngay trở về. Đoạn đường này, ai đi núi giỏi cũng phải dành non một ngày. Cụ đã từng đi một mạch từ Trà Bồng đến Gi Lăng rồi trở về lại Trà Bồng ngay trong ngày, để tối đi luôn lên núi cao. Đoạn đường này, ai đi giỏi cũng phải tốn 3-4 ngày, mà chắc gì đủ sức để đi.

Càng thấy rõ những mất mát sức lực do thời

gian, cụ càng tranh thủ phục vụ nhân dân đất nước.

Cuối năm 1956, viên quận trưởng Trà Bồng cùng hàng chục sai nha tùy tùng và một đại đội lính, rầm rập kéo lên, đi thẳng vào nhà. Tên quận trưởng giờ tay chỉ thẳng vào đồng áo quần, rượu, muối, thuốc, ra điều từ tốn:

— Theo lệnh thượng cấp tôi lên thăm ngài với rất nhiều quà để mời ngài về đại diện mọi Trà Bồng làm cố vấn cho cấp quận chúng tôi.

— Hồi kháng chiến chống Pháp, tôi có làm chủ tịch huyện Trà Bồng. Nay thì tôi già rồi. Là người của núi rừng, tôi chết sống cũng ở núi rừng, xương chôn tại Trà Bồng này thôi.

— Ngô Tổng thống phái tôi lên đây mời ngài.

— Là dân núi rừng, tôi chống Tây để giữ núi rừng. Ông lên mời tôi chống Tây phải không? Tây áp bức, cướp quyền tự do của tất cả. Tôi đã chống Tây đến cùng. Tôi theo Việt Minh vì Việt Minh đoàn kết Kinh Thượng chống Tây để giành độc lập, tự do, bình đẳng.

— Cụ Ngô muốn gặp cụ để bàn việc nước thôi.

— Có phải cụ Ngô đã được cụ Hồ tha tội chết hồi năm 1945 không? Cụ Ngô có ở Trà Bồng tôi đấy. Cụ Xích (1) định giam luôn cụ Ngô ở núi Khỉ, Sơn Tịnh, nhưng Bác Hồ đã khoan hồng.

— Cụ không đi được thì lính khiêng cụ đi.

(1) Cụ Xích lúc ấy là Chủ tịch huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, người giam Ngô Đình Diệm tại một nhà ở chân núi Khỉ, Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh.

– Khiêng cũng không đi. Già này chỉ sống và chết với dân tộc Cor của Trà Bồng này thôi, dù rục xương cũng ở mãi đây thôi.

Viên-quan trưởng hậm hực đặt tay lên bao súng. Cụ già điềm nhiên chỉ búa, rìu đất quanh nhà miếu.

– Búa này hơn súng lục của ông. Đầu rìu này hơn súng-trường của linh ông.

– Thôi. Cụ suy nghĩ thêm.

– Tôi không đi.

Cu ngồi nguyên trên sàng nhà nhìn lữ giặc súng ống đầy người, âm thầm rút khỏi sân rồi mất hút sau dãy rừng già trước mắt.

Tháng 6 năm 1958, đồng chí Lam Sơn (1) trưởng ban Quân sự tỉnh Quảng Ngãi tìm đến gặp cụ Gia. Người đến gặp phải qua nhà người con trưởng, sống «hợp pháp» vòng ngoài, đến nhà người con út sống «nửa hợp pháp», vòng giữa, rồi mới đặt chân được vào trong xóm giữa ban ngày. Ở đây, đồng chí Chiến, Trưởng ban Quân sự xã cùng Phó ban Quân sự xã, cháu đích tôn của cụ Gia, tổ chức canh gác chủ yếu bằng mạng lưới thông tin, trình sát của nhân dân, rất cẩn mật.

Tuy lưng hơi khòm, nhưng vị chủ nhà với đôi gò má cao, vùng trán rộng, đôi mắt sáng, màu da hồng hào, đứng cao hơn khách một cái đầu.

– Có phải Lam Sơn không? Tôi biết ông lâu rồi nhưng suốt cuộc kháng chiến, chưa có lần nào được nói chuyện với ông. Nói trước tình hình cho tôi nghe với. Liên Xô, Trung Quốc, các nước anh em Miên Lào ra sao?

(1) Tức đồng chí Biền. Nội dung trên do đồng chí Biền kể lại.

Sau khi trả lời cụ thề từng câu hỏi của cụ Gia, đồng chí Lam Sơn nói :

- Không phải chúng ta không dám đánh. Nhưng phải đánh bằng nhiều cách, bằng quân sự bằng chính trị, bằng binh địch vận, ở đồng bằng, ở miền núi, để giành được thắng lợi mà ta ít bị tổn thất nhất.

- Đúng đấy, sợ gi mà không đánh, càng đề lâu càng nguy hiểm. Trước đây ở đồng bằng, nhân dân ta tay không cũng đánh. Ở trên núi, chúng tôi thiếu gạo, muối, không súng đạn, cũng đánh 9, 10 năm. Nay cả nước ta đoàn kết, Kinh Thượng một lòng, lại có Bác Hồ nữa thì nhất định đánh thắng thôi. Tôi già rồi, chưa lần, nhưng yếu hơn trước nhiều chờ chủ trương của tỉnh thì các con, các cháu tôi sẽ đánh thay tôi.

Trầm ngâm một hồi lâu, rồi cụ Gia tiếp:

- Lũ chúng đốt cháy nhà tôi, cháy mất tấm bằng và Huân chương Quân công hạng nhì của tôi. Nhưng chúng không sao đốt cháy được trái tim tôi.

Thật là đã đến lúc tốt nhất đề trình bày rõ một mục đích quan trọng của chuyến đi này, đồng chí Lam Sơn nhích lại gần cụ Gia hơn :

- Thưa cụ, cụ Hồ gửi lời thăm cụ và chúc sức khỏe cụ. Anh Trần Lương có giao tôi mang đến một ít quà của cụ Hồ gửi biểu cụ. Quần áo, tỉnh sẽ mang đến sau. Nay tôi mới mang tới cụ một áo len, ít bánh kẹo, chiếc ống điếu, vài bao thuốc Thăng Long và tấm ảnh này.

Thêm một lần nữa trong đời, cụ Phó mục Gia lại khóc. Hai giòng nước mắt chảy ròng ròng trên đôi má

nhăn nheo khi cụ dăm dăm nhìn chân dung Hồ Chủ tịch và trân trọng đưa lên ngay trước mắt với đôi cánh tay run run.

Từ nay nguồn nước mắt của cụ Gia không bao giờ chảy nữa. Và chính trong những ngày đau thương này, trong nhà, bên bếp lửa hồng, ngoài rẫy, dưới bóng cây, cuộc đời của cụ Gia qua những mẩu chuyện cụ thể được chuyển thành các bài *xà-ru*, *a-giơi* đề các thế hệ người Cor Trà Bồng hiểu rõ con đường đã đi, đang đi và nhất định họ sẽ đi đến cùng.



Năm 1963 đề thực hiện chủ trương « phục hồi Tây nguyên » vận dụng kết hợp các chiến thuật trục-thăng-vận, cơ-giới-vận với bộ binh, địch liều mạng mở con đường Trà Bồng - Trà My. Nhân dân và du kích Trà Bồng tập trung mọi lực lượng phá con đường này, buộc địch rải quân đóng trên 10 đồn bót để đối phó lại. Địch làm đường phía trước, dân phá đường phía sau, địch sửa đường ban ngày, dân phá đường ban đêm. Cho mãi đến tháng 11 năm 1963 nhân đảo chính Diệm Nhu, du kích tích cực bao vây bắn tỉa, nhân dân ùn ra chặn dứt hết đường, buộc địch phải rút bỏ toàn bộ đồn bót, góp phần đắc lực bẻ gãy âm mưu lấn chiếm miền núi « phục hồi Tây nguyên » của Mỹ ngụy.

Mùa hè năm 1963, quân dân Trà Bồng bẻ gãy cánh quân địch tại Tâm Ru ng, Trà Lành, bắn rơi và bị thương nặng 4 máy bay, góp phần đánh bại cuộc càn lớn của giặc và trung tâm căn cứ địa Đổ Xá.

Mùa hè năm 1964, quân dân Trà Bồng đã anh dũng chiến đấu chống chiến dịch « Quyết thắng 202 » của Mỹ -

Khánh. Thung lũng Mang Xinh và núi rừng Trà Bồng đã bao vây chặt quân thù trong cả một tháng trời và làm mờ chôn hàng trăm xác người Sài Gòn bên cạnh xác hàng chục cố vấn quân sự Mỹ với hàng chục máy bay.

Những năm đầu của thập niên 60, núi rừng Trà Bồng đã phải đương đầu với hàng ngàn lần máy bay Mỹ oanh tạc. Nhưng quân dân Trà Bồng vẫn hăng hái bố phòng, bám rẫy bám làng sản xuất, cải thiện đời sống và góp phần nuôi dưỡng nhiều cơ quan tỉnh, đơn vị bộ đội đóng trong địa phương mình.

Quế, chè, trà, cau Trà Bồng lại xuôi theo đường mậu dịch chuyên về đồng bằng, đô thị. Muối mắm, nông cụ, quần áo, châu chiếu, sách vở, giấy bút và cả đài thu thanh đang rộng đường đi ngược lên các làng nóc « ba sạch » kín đáo dọc theo các bờ suối và những rẫy lúa, bắp, đậu, mì trồng xen kẽ bên nhau càng trải rộng mênh mông trên các sườn núi. « Mít non gửi xuống cá chuồn gửi lên », biển đông sát cánh đứng bên Trà Bồng. Đường làng đã được phát quang. Từng quãng có trạm nghỉ chân cho khách đi đường với những khẩu hiệu nhắc nhở nhau cảnh giác, động viên nhau kháng chiến bằng chữ dân tộc và chữ phổ thông. Các lớp học chữ cho trẻ em được mở ra trong từng thôn, nóc. Một số xã đã căn bản thanh toán nạn mù chữ vào cuối năm 1965. Đội văn nghệ huyện lần lượt đi phục vụ nhân dân các xã. Các đội văn nghệ xã bắt đầu đi trao đổi kinh nghiệm cho nhau, say sưa phục vụ đồng bào qua các xã bạn. Các đoàn dân công lần lượt lên đường. Công việc gia đình, nương rẫy ở nhà đã có đồng chí, đồng bào, bạn bè, có lò vòng công hợp tác lo cho. Các hầm chông vẫn thường xuyên được

cải tiến. Các đội du kích phía sau đem hết tài sức ra làm tốt mọi công việc để sớm được luân phiên ra phía trước.

Trận lụt lớn đầu tháng 10 năm 1964 đã gây cho Trà Bồng tổn thất rất nặng, 200 người dân bị nước cuốn trôi và hàng ngàn tấn lương thực, hoa màu bị thiệt hại. Không ít nương rẫy bị nước lũ cuốn sạch. Một bệnh viện bị chôn vùi trong lòng đất. Hầu hết đường làng đều thay đổi, cang gỗ ghè hiểm trở khó đi. Vượt mọi gian khổ, quân dân Trà Bồng vừa ra sức khắc phục hậu quả lũ lụt, vừa tích cực chuẩn bị mọi mặt để tiến lên giải phóng quận lỵ Trà Bồng. Rồi theo kế hoạch chung, góp phần mở hôi xương máu vào chiến thắng Gò Cao, Ba Gia, để rồi đi luôn về hướng biển đã hơn 10 năm rồi họ không sao đến được. Cũng như nhân dân Cor trên núi rừng Trà Bồng, ở đây trên bờ biển, cát hòa trong nước, ngày đêm sóng vỗ rì rào, nhân dân Kinh chẳng tiếc một tí gì để nuôi đàn con bộ đội của mình. Mực tươi, cá ngon từ lòng biển cả mới mang về đều xin dành riêng biếu tặng các anh bộ đội. Đồ phụng ngoài thờ còn bao nhiêu cứ nhõ mang về để nướng chín trong ruột mực, giúp bộ đội mình ngon miệng ăn được nhiều cơm. Các em nhỏ rủ nhau đi quét lá phi lao khô mang về giúp các anh bộ đội đun nước, nấu cơm... Rồi chính tại nơi đây, với sức mạnh đoàn kết quân dân, với lòng tận tình giúp đỡ, chở che của mọi lứa tuổi đã diễn ra trận Vạn Tường lịch sử (8/1965), trận đầu tiên đánh thắng đội quân viễn chinh Mỹ.

Họ lại đi ngược sông Trà Khúc về lại Trà Bồng với cuộc sống mới của nhân dân vùng căn cứ, liên tục chống càn đánh địch, chăm lo bảo vệ, xây dựng vùng căn cứ bằng ba mũi giáp công, góp sức mở rộng

thêm vùng giải phóng và giành thêm hàng chục vạn nhân dân về với cách mạng. Chỉ tính đến tháng 7 năm 1965, sau những đợt hoạt động phối hợp với lực lượng chủ lực của tỉnh, khu, 5300 dân kinh Thượng của hai xã Trà Phú, Trà Hòa, và hai cấp Trà Nhi, Trà Nam thuộc xã Trà Đông đã vùng lên tự giải phóng, trên 400 tên giặc bị loại khỏi vòng chiến đấu, 50 tên tay sai được cải tạo, 363 súng các loại về tay nhân dân, hơn 100 binh lính và hơn ngàn quyền tay sai hoang mang dao động phải bỏ việc hoặc rã ngũ mang súng trở về với nhân dân.

Toàn huyện Trà Bồng chỉ còn một xã Trà Xuân là còn bóng giặc, nhân dân Kinh, Thượng, vùng thấp vùng cao đều phấn khởi đã góp phần đánh tan âm mưu gom dân lập « ấp chiến lược », xâm lấn miền núi của Mỹ ngụy, buộc chúng phải co cụm trong quận lỵ.

Họ lại tổ chức lễ đâm trâu để chào mừng thắng lợi, cùng nhau ca hát, nhảy múa quanh cây nêu thần

Rồi như một công việc bình thường, tất cả lại khăn trương chuẩn bị, hăng hái lên đường. Chim chèo bẻo vẫn bay liệng trên bầu trời mát lành trong sáng. Đàn *stp luu* vẫn riu riu rít rít trong các khóm cây dọc hai bờ suối thoảng thơm mùi quế mùi hoa cau và nhiều loại hoa rừng. Thực tế trước mắt đang là người trọng tài sáng suốt và đã là những câu trả lời cụ thể, hùng hồn để họ càng tin lời dạy bảo khuyên răn ân cần, của ông, bà, cha, mẹ bên bếp lửa hồng từ lúc họ còn là những đứa trẻ thơ. Toàn Trà Bồng lại hát vang bài ca mặt trời vừa mới ra đời, bài *Xroi Kalt arốp*:

Hãy đứng dậy đi thôi

Dân làng ơi

Hãy đứng hết lên đi, đồng bào ơi

Hãy mau bỏ phòng, trâm đường rập ngồ

Mặt trời soi sáng khắp núi rừng sông suối
Đậy, dậy mau sip-blit của lòng ta
Cùng chom joang (chim sáo)hãy cất cánh bay xa
Khi đàn trâu đang ung dung đi trên bãi
Đàn bò luôn tung tăng gặm cỏ trên đồi
Dân làng ơi
Hãy xem kia kia
Mặt trời soi sáng núi rừng rồi
Hãy đứng dậy đi thôi
Dân làng ơi
Chẳng còn chi đáng sợ trên đời
Đầu ta đội trời
Chân ta đạp đất
Tay ta cầm mác
Lưng ta ngụy trang
Vai ta mang chông
Mắt ta sáng ngời
Hãy đứng dậy mà đi hồi đồng bào ơi
Hãy giữ vững xóm làng
Không cho Mỹ - nguy can
Cướp hết thóc gạo ta
Giết chết trâu bò ta
Không để cho ta quyền được sống
Bắt ta chết đói, chết khát hết giống nòi thôi
Nay, rựa ta không có để chặt cây làm rẫy
Muối ta không còn đủ để ăn
Dân làng ơi, ta sống làm sao được chứ !
Hãy gấp cầm chông, đặt bẫy, gài thò
Quyết không cho Mỹ nguy tới nơi
Hãy đứng dậy mà đi dân làng ơi
Hãy đứng thẳng người lên đồng bào ơi
Hãy đoàn kết đấu tranh một lòng một dạ -
Nào, ta nổi dậy vùng lên đồng bào ơi.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	5
Mấy lời của tác giả	7
I. Trà Bồng với người Cor và cây quế	9
II. Từ đỉnh Cà Đam	16
III. Theo bóng ma « nước thần »	28
IV. Ba Tơ đã có mặt trời	38
V. Lửa hồng dưới tro	51
VI. Muối cười ra nước mắt	64
VII. Quế chảy máu	73
VIII. Thoát ly theo Đảng	92
IX. Ánh sáng trên bờ sông Tang	113
X. Gò Rô Diên Hồng: 1958	124
XI. Đậu rơi trà đậu	142
XII. Đứa con dầu lòng	153
XIII. Bão lửa Trà Bồng, thu 1959	159
XIV. Đoàn kết và tiến lên	175
XV. Dưới ánh sáng mặt trời	196
Mục lục	

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Hồng Nhân

Biên tập :

Cao Chư

Trình bày bìa :

Nguyễn Cao Thâm

Trình bày sách :

Lê Lợi

Sửa bản in :

Phạm Đương

In 1000 cuốn khổ 13×19 tại Xi nghiệp in Lê Trung Đình, tỉnh Quảng Ngãi. Giấy phép xuất bản số 3 do Sở VH-TT Quảng Ngãi cấp ngày 3 tháng 7 năm 1989, In xong tháng 7 năm 1989. NQ. lưu chiểu tháng 7 năm 1989.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000297

GIÁ: 1500 đ